

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
SỐ: 44/2023

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ

Ban biên tập:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGA
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
TH.S NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
TRẦN THỊ TÚ ANH

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoa.hoc.tcttp@gmail.com

Website: http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Sưu tầm

Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 150 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153
- Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy
phép xuất bản số: 25/GP-STTTT do
Sở Thông tin và Truyền thông Hà
Tĩnh cấp ngày 02/06/2023. In xong
và nộp lưu chiểu tháng 6/2023

MỤC LỤC

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI		
TS. Nguyễn Quang Ngọc	Quá trình phát triển nhận thức của Đảng ta về đấu tranh phòng, chống tham nhũng.	2
Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	Một số giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong giai đoạn hiện nay.	6
Ths. Trần Thị Quỳnh Nga	Nhận thức và xử lý mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	12
Ths. Nguyễn Trọng Vinh	Nhận thức về quyền tư pháp và một số yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền tư pháp trong xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay.	16
Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Đối ngoại Việt Nam nhìn từ Hiệp định Pari năm 1973.	20
Chu Thị Thu Huyền	Phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn hiện nay.	24
Ths. Nguyễn Duy Long	Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là yêu cầu tất yếu của Đảng cầm quyền.	28
Ths. Lê Đình Hùng	Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.	31
Ths. Nguyễn Quỳnh Nga	Thống nhất đất nước - Quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam	35
Ths. Hồ Thanh	Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	39
Ths. Nguyễn Thị Phương Thủy	Nguyên tắc công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách địa phương	42
HỌC TẬP, LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH		
Ths. Thái Thị Hiến	Tu dưỡng, rèn luyện đạo đức công vụ theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	46
Ths. Nguyễn Hà Giang	Học tập và làm theo phong cách "nói thì phải làm" của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	51
Ths. Nguyễn Thị Lam	Nguyễn Ái Quốc với việc chuẩn bị cán bộ cho thành lập Đảng và bài học đối với công tác cán bộ hiện nay.	54
Ths. Trần Thị Bích Thủy	Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đặt nền móng cho nền dân chủ mới ở Việt Nam.	58
Nguyễn Trọng Minh Quân	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống, tham nhũng, lãng phí trong giai đoạn hiện nay.	62
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG		
Ths. Nguyễn Việt Sơn	Một số luận cứ phê phán quan điểm cho rằng đường lối, chính sách phát triển kinh tế của đại hội XIII là phi thực tế, thiếu nguồn lực.	68
Ths. Phan Bá Linh	Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người - Luận cứ vững chắc để thực hiện quyền con người và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giai đoạn hiện nay.	74
Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh	Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giảng dạy Phân kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thuộc chương trình trung cấp lý luận chính trị.	78
Ths. Phan Chí Quyết	Nắm vững lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay	82
Ths. Phan Thị Ái Vân	Tinh ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng	87
Ths. Phan Thị An Phú	Vận dụng quan điểm Triết học Mác-Lênin về con người trong giáo dục phát triển toàn diện con người Việt Nam giai đoạn hiện nay.	90
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM		
Th.s Nguyễn Xuân Bé	Xây dựng Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đạt chuẩn về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.	93
Ths. Lê Thị Thùy Dung	Một vài suy nghĩ về phát triển du lịch Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay.	98
Ths. Trần Thị Thúy Hương	Thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo theo quan điểm của Đại hội XIII ở Hà Tĩnh hiện nay	102
Ths. Nguyễn Anh Tấn	Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	108
Đinh Quốc Thị	Bài hát: Hồng Lĩnh nhớ	112

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

✧ TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: Tham nhũng là một căn bệnh nguy hiểm không chỉ tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội, cản trở nỗ lực đổi mới, kìm hãm sự phát triển của đất nước mà còn gây tổn hại nghiêm trọng đến mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, làm xói mòn niềm tin yêu của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, làm băng hoại giá trị đạo đức truyền thống, làm giảm uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn nhất quán nhận thức coi đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và Nhân dân ta; là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội gắn liền với sự hình thành giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước. Tệ nạn tham nhũng diễn ra ở tất cả các quốc gia, nó tồn tại và phát triển thường xuyên, len lỏi vào mọi mặt của đời sống xã hội và đụng chạm đến lợi ích của hầu hết các tầng lớp cư dân. Xuất phát từ nhận thức tham nhũng là một căn bệnh nguy hiểm, nó gây ra những hậu quả hết sức nguy hại về mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, cản trở sự phát triển của xã hội, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, từng bước đưa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng do Đảng phát động, lãnh đạo thực sự “trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược”, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước,

đồng thời phản bác những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Nghị quyết số 14/NQ/TW ngày 15/5/1996 về quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp để đấu tranh chống tham nhũng của Bộ Chính trị khóa VII đã chỉ rõ: Đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và Nhân dân ta hiện nay. Nó góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền dân chủ của nhân dân... Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền và phục vụ cho đổi mới kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện quan điểm trên, từ sau Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Đảng

và Nhà nước ta đã tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhiều vụ án tham nhũng, trong đó có những vụ án lớn, phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng đã được phát hiện, xử lý. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. Tham nhũng vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân. Xuất phát từ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới, Đại hội X của Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”. Đại hội yêu cầu cần phải thành lập các ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng trung ương và địa phương đủ mạnh, có thực quyền, hoạt động có hiệu quả.

Hội nghị Trung ương 3 khoá X đã ban hành Nghị quyết về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Phòng, chống tham nhũng, lãng phí”. Nghị quyết đã nhận diện rất rõ nguyên nhân chủ yếu của những thiếu sót, khuyết điểm trong phòng, chống tham nhũng; đồng thời, xuất phát từ nhận thức phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta, Nghị quyết đã đề ra 10 chủ trương, giải pháp cụ thể để đạt được mục tiêu: “Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính”.

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá X, công tác phòng, chống tham

nhũng đã có những chuyển biến tích cực cả về nhận thức, hành động và đạt được những kết quả bước đầu, nhất là trong phòng ngừa, công khai, minh bạch hoá, cải cách thủ tục hành chính, quản lý tài sản công, từng bước kiểm chế tham nhũng trên một số lĩnh vực. Tuy nhiên, công tác phòng, chống tham nhũng vẫn chưa đạt yêu cầu và mục tiêu đề ra. Tham nhũng vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành, gây bức xúc trong xã hội và là thách thức lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn, Đảng ta khẳng định trên lĩnh vực đấu tranh chống tham nhũng đã có những chuyển biến rõ nét; nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp được phát hiện, xử lý nghiêm minh, nhiều quan chức cấp cao, kể cả thuộc diện Trung ương quản lý cũng chịu hình phạt nghiêm khắc của pháp luật. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng quyết định đưa 8 vụ án tham nhũng trọng điểm, làm thất thoát tài sản lớn của đất nước từ vài trăm đến hàng nghìn tỷ đồng ra xét xử trước kỳ Đại hội XII của Đảng. Trên tinh thần đó, tại Hội nghị Trung ương 5 khoá XI, Trung ương đã ban hành Kết luận số 21-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí với 6 nhóm giải pháp cơ bản: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Tiếp tục hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội để phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế, chính sách về công tác tổ chức, cán bộ để phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Tiếp tục hoàn thiện thể chế và tăng cường công tác kiểm tra,

thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Tăng cường vai trò giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Đổi mới, nâng cao năng lực của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo và cơ quan thường trực, tham mưu về công tác phòng, chống tham nhũng.

Thống nhất với quan điểm các kỳ Đại hội trước đó, Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định và bổ sung quan điểm về đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Đại hội nhấn mạnh: “Tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước”. Do cơ chế thực thi và kiểm soát quyền lực ở nước ta hiện đang còn nhiều sơ hở, chưa được luận giải thấu đáo về lý luận cũng như về thực tiễn, đã dẫn đến sự tha hóa của quyền lực. Vì cơ chế “ủy quyền” không đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực hữu hiệu nên quyền lực công bị lợi dụng trở thành công cụ, phương tiện để mưu lợi cá nhân, nhóm lợi ích... Bởi vậy, Đại hội XII nêu rõ: “công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra, tham nhũng lãng phí vẫn còn nghiêm trọng”. Đáng nguy hại hơn là có những lỗ hổng trong công tác bổ nhiệm cán bộ, đã để xảy ra tiêu cực, tham nhũng. Mặt khác, do không có cơ chế quản lý chặt chẽ, quyền lực nhà nước đã bị lợi dụng trở thành quyền lực của cá nhân, hoặc của một nhóm người. Tha hóa về quyền lực nhà nước, và vô chủ về sở hữu tài sản công là những nhân tố tác động trực tiếp làm cho sự tham nhũng, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên càng trở nên nghiêm trọng, đòi hỏi cần có biện pháp quyết liệt, hiệu quả hơn.

Có thể thấy rằng, đến Đại hội XII, nhận thức của Đảng về tham nhũng đã có những bước phát triển mới, trọng tâm là nhận diện rõ mối liên hệ giữa tha hóa quyền lực, kiểm soát quyền lực với tham nhũng, vì vậy để đấu

tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả cần tác động vào chính cơ chế hình thành và nguyên nhân tạo ra tham nhũng trên hai nội dung lớn là kiểm soát quyền lực công và kiểm soát tài sản công hữu hiệu. Mặt khác, từ kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn nước ta trong thực hiện “*ba không*” trong phòng, chống tham nhũng: “*không thể*”, “*không giám*” và “*không cần*” đã được Đại hội XII của Đảng nâng lên thành quan điểm: “Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng; cơ chế răn đe, trừng trị để không dám tham nhũng”.

Qua tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết, ngày 26/12/2016, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 10-KL/TW về “tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”. Đây là văn kiện có ý nghĩa rất quan trọng, vừa đánh giá những kết quả, hạn chế, nguyên nhân, giải pháp để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3, vừa cụ thể hóa những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ về phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Với tinh thần thẳng thắn, khách quan, toàn diện; đánh giá đúng sự thật, không tô hồng để dẫn đến chủ quan, thỏa mãn, cũng không bôi đen để dẫn đến bi quan, lo lắng, Bộ Chính trị đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X. Để khắc phục có hiệu quả hai khuynh hướng tả khuynh, nóng vội và hữu khuynh, trì trệ, cầm chừng, thiếu quyết liệt, Bộ Chính trị xác định rõ quan điểm: Phòng ngừa là chính, cơ bản, lâu dài; không có vùng cấm, vùng trống, không có ngoại lệ, không có đặc quyền, bất kể kẻ người đó là ai; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động, và có trọng tâm, trọng điểm. Gắn phòng, chống tham nhũng với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; gắn phòng, chống tham nhũng với xây dựng,

chinh đôn Đảng; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân; kiên quyết, kiên trì, khẩn trương xây dựng cơ chế phòng ngừa để không tham nhũng; cơ chế đảm bảo không cần tham nhũng.

Như vậy, Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục nhấn mạnh sự tương quan về vai trò, vị trí và mối quan hệ giữa “phòng” và “chống” trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, đồng thời thể hiện rất rõ tinh thần, thái độ quyết liệt của Đảng trong phòng, chống tham nhũng. Đáng chú ý, trong Kết luận này có một số điểm mới trong các giải pháp, thể hiện rõ bước phát triển quan trọng trong nhận thức, quan điểm của Đảng về phòng chống tham nhũng, cụ thể như: Xác định rõ trách nhiệm, hoàn thiện chế tài xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng; xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả phòng, chống tham nhũng; đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng với kỷ luật hành chính của Nhà nước; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; hoàn thiện và thực hiện nghiêm quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ; xóa bỏ cơ chế “xin, cho” ngăn chặn, loại bỏ “lợi ích nhóm”, “sân sau”, “tư duy nhiệm kỳ”; xây dựng Đề án tăng cường giám sát, kiểm soát quyền lực; thiết lập cơ chế giám sát, kiểm soát quyền lực thật sự có hiệu lực, hiệu quả để ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí; từng bước mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước...

Nhất quán với quan điểm trên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Tại đại hội này, nhận thức mới của Đảng được thể hiện ở việc xác định một cách tổng thể, có hệ thống, toàn diện mục tiêu, quan điểm

và những giải pháp chủ yếu phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới, trọng tâm là: Xác định rõ cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng đòi hỏi “phải kiên trì, liên tục” với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn, “trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt, nói đi đôi với làm của người đứng đầu” cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tham nhũng luôn song hành cùng quyền lực, chùng nào các hình thức quyền lực chính trị còn bị tha hoá, quyền lực nhà nước còn bị lợi dụng, quyền lực không được kiểm soát thì nguy cơ xảy ra tham nhũng là hiện hữu; khẳng định rõ “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, thực hiện đồng bộ các biện pháp “chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự” trong phòng, chống tham nhũng; “coi trọng giáo dục liêm chính”, kiên trì giáo dục, rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hóa tiết kiệm, không tham nhũng, trước hết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đẩy mạnh “kiểm soát quyền lực” để phòng, chống tham nhũng; kịp thời xử lý, điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp; từng bước mở rộng phạm vi “phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước” để ngăn chặn sự cấu kết giữa cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thoái hóa, biến chất với đối tượng hoạt động ở khu vực ngoài nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 06/4/2022, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 12-KL/TW về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Để tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Bộ Chính trị nhấn mạnh: Cần phải tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, kiên quyết, kiên trì xây dựng văn hoá tiết kiệm, không tham

Xem tiếp trang 11

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ

Trưởng phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở; là nơi trực tiếp gắn bó với nhân dân, thường xuyên tiếp xúc, tìm hiểu, nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân; giáo dục, hướng dẫn và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng là vấn đề có tính quy luật, là yêu cầu tất yếu khách quan trong xây dựng Đảng, nhằm xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

Tổ chức cơ sở đảng là chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở được thành lập ở các đơn vị cơ sở, bao gồm các xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các đơn vị kinh tế, công an, quân đội, đây là nơi nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Đồng thời, đây còn là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và là cầu nối giữa Đảng với quần chúng nhân dân, là khâu trọng yếu để duy trì mối liên hệ Đảng với dân - nền tảng sức mạnh của Đảng. Làm tốt công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng là một yếu tố quan trọng để Đảng vững mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chi bộ là gốc rễ của Đảng. Chi bộ tốt thì mọi việc tốt”⁽¹⁾; “Mỗi chi bộ của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở. Mỗi chi bộ của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa phương theo đúng đường lối, chính sách của Trung ương”⁽²⁾.

Năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng là khả năng quán triệt, vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, Nghị quyết của cấp ủy, cấp trên vào điều kiện cụ thể cơ quan, đơn vị, địa phương; có biện pháp tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị; khả năng thuyết phục, vận động các lực lượng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị; khả năng thực hiện hiệu quả công tác xây dựng Đảng. Cùng với năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu là biểu hiện sức mạnh tổng hợp về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ của tổ chức cơ sở đảng; là sự thống nhất về ý chí và hành động vượt qua khó khăn, thử thách, những tiêu cực ở địa phương, cơ quan đơn vị, thậm chí trong nội bộ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên.

Theo số liệu thống kê của Ban Tổ chức Trung ương, đến 31/12/2020, cả nước có 51.988 tổ chức cơ sở đảng (giảm 3920 tổ chức so với năm 2010), trong đó có 27.269

chi bộ cơ sở, 27.719 đảng bộ cơ sở, với tổng số 5,2 triệu đảng viên.

Nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, ngày 02/02/2008, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghị quyết của Trung ương, hệ thống tổ chức cơ sở đảng được kiện toàn, từng bước bảo đảm yêu cầu lãnh đạo toàn diện hệ thống chính trị ở cơ sở; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng có sự chuyển biến tích cực; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ được nâng cao; nhiều tổ chức cơ sở đảng phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở; dân chủ trong Đảng được mở rộng và phát huy; công tác kết nạp và quản lý đảng viên được quan tâm, thực hiện chặt chẽ hơn; chất lượng đội ngũ đảng viên chuyên biến tích cực; phần lớn đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tự phê bình và phê bình, tiên phong, gương mẫu, xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Những kết quả đạt nêu trên có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, phẩm chất, uy tín, tăng cường và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế, yếu kém nhất định như: Chậm đổi mới phương thức lãnh đạo; thực hiện nguyên tắc tập trung

dân chủ chưa nghiêm; có tổ chức cơ sở đảng mất sức chiến đấu, non yếu trước sự chống phá của các thế lực thù địch; không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng, trở thành “điểm nóng”; năng lực lãnh đạo của một số tổ chức cơ sở đảng chưa theo kịp đòi hỏi của tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở; công tác giáo dục rèn luyện, quản lý đảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu; chất lượng sinh hoạt, tinh thần tự phê bình và phê bình, công tác đánh giá, xếp loại còn hạn chế; mô hình tổ chức cơ sở đảng còn bất cập; xây dựng tổ chức cơ sở đảng khu vực ngoài nhà nước còn hạn chế. Mặt khác, trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, một số tổ chức cơ sở đảng chưa làm tròn chức năng là hạt nhân chính trị, nền tảng của Đảng ở cơ sở; chưa thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong giải quyết những khó khăn, bức xúc của nhân dân ở cơ sở; một số cấp ủy cơ sở chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu; chưa chủ động, kịp thời kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm; mất sức chiến đấu, dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật, giảm niềm tin của nhân dân với Đảng. Trong nhiệm kỳ 2016-2020, cả nước có 664 tổ chức cơ sở đảng bị thi hành kỷ luật (trong đó khiển trách 503 tổ chức; cảnh cáo 161 tổ chức), so với nhiệm kỳ 2010-2015 tăng 114 tổ chức, trung bình mỗi năm thi hành kỷ luật hơn 100 tổ chức. Vi phạm chủ yếu của các tổ chức cơ sở đảng là vi phạm nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ; công tác cán bộ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giải quyết khiếu nại, tố cáo. Riêng năm 2021 có 223 tổ chức đảng bị kỷ luật (khiển trách 159 tổ chức; cảnh cáo 64 tổ chức). Bên cạnh đó, một bộ phận đảng viên năng lực, trình độ, trách nhiệm chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; nhận thức về Đảng, động cơ phấn đấu vào Đảng của không ít đảng viên không

trong sáng, có biểu hiện phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu bản lĩnh chính trị, đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu; ý chí phấn đấu giảm sút; chưa gương mẫu, sống thực dụng. Trong giai đoạn 2016-2020, có 25.104 đảng viên suy thoái hoặc có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, vi phạm nguyên tắc, kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật. Những hạn chế, yếu kém trên ảnh hưởng rất lớn đến nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đây là kẽ hở cho thế lực thù địch có cơ hội chống phá, xuyên tạc Đảng và Nhà nước ta.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên là do một số cấp ủy, một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa nhận thức sâu sắc, toàn diện về vai trò, vị trí, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; một số tổ chức cơ sở đảng buông lỏng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa nắm chắc diễn biến tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên; đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên còn có biểu hiện nể nang, hình thức, nặng về thành tích; chưa làm tốt công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đảng viên; công tác phát triển đảng viên ở một số nơi còn hạn chế, nặng về số lượng, chưa quan tâm giáo dục lý tưởng cách mạng và rèn luyện, thử thách đối với quần chúng phấn đấu vào Đảng; chất lượng một số đảng viên mới còn hạn chế.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng là vấn đề có tính quy luật, là yêu cầu tất yếu khách quan trong xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tinh tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiếu dân,*

học dân của cán bộ, đảng viên”. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 16/6/2022, Ban chấp hành Trung ương (khóa XIII) đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW “*về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới*”. Đề nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong giai đoạn hiện nay, góp phần xây dựng, chính đôn Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, cần tập trung vào một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, xác định đúng nhiệm vụ chính trị, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng. Để xác định đúng nhiệm vụ chính trị, các tổ chức cơ sở đảng cần thực hiện tốt việc quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, chỉ thị, nghị quyết, chủ trương và kế hoạch công tác của cấp ủy cấp trên; nắm chắc đặc điểm, đánh giá đúng thực trạng kinh tế - xã hội của cơ sở; nắm vững tâm tư, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của quần chúng lao động, phát huy trí tuệ của tập thể, dân chủ bàn bạc kết hợp với trách nhiệm cá nhân, tranh thủ ý kiến của cấp trên và lắng nghe ý kiến của nhân dân. Trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ hàng đầu về công tác tư tưởng của tổ chức cơ sở đảng là góp phần làm cho cán bộ, đảng viên của đảng bộ nắm chắc và có ý thức trách nhiệm chủ động, sáng tạo thực hiện thắng lợi các chủ trương và nghị quyết của Đảng. Đồng thời phải đa dạng hóa hình thức, phương pháp công tác tư tưởng, không ngừng nâng cao trình độ năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở, trước hết là bí thư và cán bộ chủ chốt. Xây dựng cho đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Để làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, phải thường xuyên đánh giá và xác định được các nhiệm vụ chủ yếu của công tác này trong từng giai đoạn cụ thể.

Trên cơ sở đó phân tích và xác định các nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng theo từng lĩnh vực hoạt động, thường xuyên thông tin và phân tích những nhân tố mới, tổng kết những hoạt động đổi mới trên từng lĩnh vực, địa phương.

Hai là, đổi mới phương thức, phong cách làm việc của tổ chức đảng. Trước hết, phải xây dựng và thực hiện tốt quy chế hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ làm việc của cấp ủy, chi bộ. Cải tiến việc ra nghị quyết, nâng cao chất lượng nghị quyết. Nghị quyết phải xác định đúng vấn đề cần tập trung lãnh đạo, gắn với nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng thời kỳ để đi sâu, bàn kỹ có trọng tâm, trọng điểm. Nghị quyết phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ và thực hiện được. Trong nghị quyết không nêu những vấn đề ngoài phạm vi của địa phương, cơ quan, đơn vị, hoặc chung chung, thiếu nội dung sát thực. Muốn nghị quyết sát đúng phải tăng cường nắm bắt và xử lý tốt thông tin. Phương thức lãnh đạo và phong cách làm việc của Đảng đòi hỏi tổ chức cơ sở đảng phải coi trọng lãnh đạo việc tổ chức thực hiện. Phải xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, đề ra biện pháp triển khai thực hiện. Tổ chức phổ biến nghị quyết của tổ chức đảng đến mọi cán bộ, đảng viên; phân công, giao trách nhiệm rõ ràng, đặt ra yêu cầu và thời gian hoàn thành, tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả.

Ba là, giữ vững nền nếp, cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chi ủy, đảng ủy; thực hiện nghiêm túc công tác tự phê bình, phê bình mở rộng dân chủ trong sinh hoạt đảng. Hiện nay, sinh hoạt đảng ở nhiều nơi còn nghèo nàn về nội dung, thậm chí còn lẫn lộn nội dung sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt chuyên môn, tạo ra tâm lý ngại sinh hoạt, chán sinh hoạt trong đảng viên. Nguy hiểm hơn là những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng không được

thực hiện nghiêm túc, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, quản lý, kiểm tra, giao nhiệm vụ cho đảng viên. Nhiều nội dung trong nghị quyết, nhiều vấn đề liên quan mật thiết đến đảng viên không được phổ biến, quán triệt học tập đầy đủ, kịp thời, do đó cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ chủ chốt chỉ nắm chung chung. Do vậy, cần duy trì sinh hoạt chi bộ, cấp ủy định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Cấp ủy cần tạo cho đảng viên ý thức nghiêm túc chấp hành Điều lệ Đảng, chủ động chuẩn bị ý kiến phát biểu. Nội dung sinh hoạt chi bộ, cấp ủy phải thiết thực, cụ thể. Sinh hoạt chi bộ, đảng bộ phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo và tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị. Trong sinh hoạt cần tập trung thảo luận, tranh luận để có giải pháp sát đúng đối với việc thực hiện các công tác trọng tâm; có sự phân công cán bộ, đảng viên phụ trách từng lĩnh vực cụ thể. Trong sinh hoạt đảng, phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, mọi đảng viên có quyền thảo luận, phê bình thẳng thắn, chân thành, lắng nghe ý kiến của nhau, không định kiến, qui chụp hoặc lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Bốn là, coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những năm qua, đội ngũ cán bộ và cấp ủy cơ sở tuy được kiện toàn, thay đổi nhiều, nhưng trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo còn hạn chế. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở chưa đạt yêu cầu đề ra. Do vậy, các cấp ủy và tổ chức đảng phải làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ gắn với việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng tinh gọn bộ máy, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa chuẩn bị đội ngũ cán bộ lâu dài; hằng năm có đánh giá, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Đồng thời phải đổi mới việc đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, sử dụng cán bộ trên cơ sở dựa vào tiêu chuẩn, chú trọng cả phẩm chất chính trị, đạo đức

cách mạng, năng lực trí tuệ và hoạt động thực tiễn của cán bộ, lấy hiệu quả công tác làm thước đo chủ yếu. Quan tâm đổi mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Tạo điều kiện để tuyển lựa, đào tạo cơ bản, chính quy những cán bộ có phẩm chất, thành tích học tập tốt, trở về công tác ở cơ sở. Bảo đảm cho mọi cán bộ, đảng viên được dự các lớp học tập lý luận chính trị theo chương trình chung hằng năm, tất cả các cấp uỷ viên, nhất là bí thư đảng ủy, bí thư chi bộ được nghiên cứu, học tập, nắm vững và thực hiện tốt phương pháp công tác đảng tại cơ sở. Để nâng cao chất lượng đảng viên, phải chú trọng rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ của đội ngũ đảng viên. Các tổ chức cơ sở đảng cần bám sát tiêu chuẩn đảng viên được quy định trong Điều lệ Đảng để rà soát, sàng lọc, phân tích chất lượng đội ngũ đảng viên, mở rộng việc phân công công tác cho đảng viên, quản lý đảng viên chặt chẽ; đồng thời tích cực tạo nguồn phát triển đảng viên. Phát triển đảng viên phải gắn chặt với việc đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hoá, biến chất.

Năm là, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kỷ luật đảng. Thực tế hoạt động kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng thời gian qua còn yếu, nhiều cấp uỷ buông lỏng, hiệu quả công tác kiểm tra thấp. Vấn đề trọng tâm là tập trung vào kiểm tra việc triển khai, thực hiện các nghị quyết của Đảng trong các tổ chức cơ sở đảng và mọi cán bộ, đảng viên. Kiểm tra, bổ sung, hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động cụ thể của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với tình hình mới, với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương, đúng Điều lệ Đảng, đúng pháp luật. Kiểm tra về phẩm chất đạo đức, lối sống, những dấu hiệu vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước trong cán bộ và đảng viên. Qua kiểm tra, cần xử lý nghiêm

minh những tổ chức, cá nhân vi phạm, làm cho tổ chức cơ sở đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Công tác kiểm tra phải chủ động, kịp thời, chặt chẽ, nghiêm túc, đúng nguyên tắc, thủ tục theo hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và phải có tác dụng giáo dục sâu sắc, hiệu quả thiết thực. Việc đánh giá, kết luận trong kiểm tra phải đúng mức, công tâm. Quá trình kiểm tra phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của chính quyền, phát huy vai trò của quần chúng bảo đảm tính chuẩn xác, khách quan. Qua kiểm tra, tự phê bình và phê bình kịp thời biểu dương, động viên, khen thưởng những cá nhân, tập thể có thành tích tốt; kỷ luật nghiêm minh những đảng viên, tổ chức vi phạm; ấn định thời gian phấn đấu cho những đảng viên có khuyết điểm, sai lầm và tạo điều kiện để họ sửa chữa. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tự cách. Kiểm tra, xử lý kỷ luật phải luôn gắn với củng cố kiện toàn cấp uỷ, bố trí cán bộ, bảo đảm tính ổn định của tổ chức để lãnh đạo cơ quan và đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

Sáu là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ cấp trên đối với cơ sở. Nâng cao trách nhiệm của các cấp uỷ cấp trên đối với cơ sở, tất cả hướng về cơ sở, phục vụ cho cơ sở, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính. Các cấp uỷ cấp trên phải phát huy tinh thần chủ động và sáng tạo của tổ chức cơ sở đảng. Tăng cường vai trò trách nhiệm của cấp uỷ cấp trên đối với việc xây dựng và chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng, tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức và cán bộ ở những đơn vị trọng điểm, khắc phục tình trạng cơ sở yếu kém.

Tổ chức cơ sở đảng có vai trò rất quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng là yếu tố tạo nên năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ rõ vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong hệ thống tổ chức và hoạt động lãnh đạo của Đảng. Vận dụng

sáng tạo và phát triển các quan điểm đó vào thực tiễn xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã khẳng định: Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở, đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng. Với vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của mình, các tổ chức cơ sở đảng phải luôn luôn quan tâm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của mình nhằm tăng cường góp phần bảo vệ Đảng, Nhân dân và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 8, tập 11, Nxb. Sự thật, H.2011
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2021, về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của đảng.
3. Nghị quyết số 21 - NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương (khóa XIII) “về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ *đảng viên* trong giai đoạn mới”.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2021, t. I, II.
5. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình trung cấp lý luận chính trị: *Xây dựng Đảng*, Nxb. Lý luận chính trị, H.2021.
6. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2011.
7. Bài giảng tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới của đồng chí Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, tại Hội nghị học tập, quán triệt triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XIII)

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 5)

những, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân; đảng viên phải gương mẫu hơn quần chúng, cán bộ phải gương mẫu hơn nhân viên, cán bộ giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu; rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán; đẩy mạnh điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực; phát huy hơn nữa vai trò của cơ quan, đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Từng bước mở rộng phạm vi phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng; cụ thể hóa và thực thi Công ước quốc tế về chống tham nhũng theo đúng lộ trình, phù hợp với điều kiện và pháp luật của Việt Nam...

Tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022, ngày 30/6/2022, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: Từ những kết quả và kinh nghiệm đạt được trong thời gian qua, chúng ta tin tưởng rằng, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong thời gian tới sẽ có bước tiến mới, mạnh mẽ hơn nữa, quyết liệt hơn nữa và đạt hiệu quả cao hơn nữa. Tham nhũng, tiêu cực nhất định sẽ bị ngăn chặn, đẩy lùi; góp phần xây dựng Đảng ta, Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng và xứng đáng với niềm tin yêu, sự mong đợi của Nhân dân. Điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là: Nhận thức phải chín; tư tưởng phải thông; quyết tâm phải lớn, và phương pháp phải đúng; góp phần từng bước làm chuyển biến tình hình, thực sự có kết quả rõ ràng, cụ thể./.

NHẬN THỨC VÀ XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ GIỮA THỰC HÀNH DÂN CHỦ VÀ TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, BẢO ĐẢM KỶ CƯƠNG XÃ HỘI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

✧ ThS. TRẦN THỊ QUỲNH ANGA

Trường khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội là sự tác động qua lại, thống nhất biện chứng và gắn bó hữu cơ với nhau; là mối quan hệ mới cần phải được nắm vững và xử lý tốt trong bối cảnh hiện nay. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng và bảo đảm quyền công dân; chống tệ quan liêu, cửa quyền, ức hiếp nhân dân trong bộ máy lãnh đạo và quản lý các cấp... Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và quản lý xã hội bằng pháp luật.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định các mối quan hệ lớn cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt, trong đó có mối quan hệ mới được bổ sung là “mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”¹. Hơn 35 năm xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã cho thấy Đảng và Nhà nước ta đã từng bước nhận thức và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trên phạm vi cả nước, ở mọi cấp độ (từ trung ương đến địa phương).

Theo nghĩa gốc của tiếng Latinh, dân chủ (democratos) là quyền lực thuộc về nhân dân và một nền dân chủ thực sự khi quyền lực thuộc về đại đa số nhân dân.

Thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực hiện quyền làm chủ của người dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Theo đó, nhân dân phải được tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối nội, đối ngoại theo quy định của pháp luật. Nói một cách khác, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa là “dân được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra và được thụ hưởng”. Vì vậy, thực hành dân chủ là thực hành dân chủ trong Đảng, trong Nhà nước, trong các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội và trong đời sống xã hội để quyền lực của Nhân dân được biểu hiện trên thực tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ, “Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu, động lực của phát triển xã hội; dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ; thực hành dân chủ là chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn để giành thắng lợi”².

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là công cụ chính trị đặc biệt của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhà nước thực hiện chức năng chuyên chính với thiểu số kẻ thù, dân chủ với đại đa số nhân dân lao động. “Chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là ai chuyên chính với ai?... Dưới chế độ dân chủ nhân dân, chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ dân chủ của nhân dân”³. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước dân chủ được hình thành và hoạt động gắn liền với hệ thống luật pháp xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, không có thứ dân chủ chung chung, vô chính phủ mà thực hành dân chủ cần phải sử dụng đến công cụ pháp luật để từng bước xây dựng và hoàn thiện pháp chế xã hội chủ nghĩa để đảm bảo trật tự, kỷ cương xã hội.

Pháp chế là thể chế pháp luật được xác lập trong toàn bộ đời sống xã hội từ trong tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước đến các thiết chế, quan hệ xã hội, hoạt động, sinh hoạt của mọi chủ thể pháp luật trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Pháp chế xã hội chủ nghĩa là một phạm trù rộng lớn nó không chỉ chứa đựng nội dung pháp luật xã hội chủ nghĩa mà còn bao hàm những nội dung chính trị, xã hội và con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa để vận hành hệ thống pháp luật đó. Pháp chế xã hội chủ nghĩa là một khái niệm để chỉ tình trạng xã hội khi pháp luật được các cơ quan Nhà nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng và thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Như vậy, về thực

chất, pháp chế xã hội chủ nghĩa bao gồm hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa và việc thực hiện pháp luật đó trong cuộc sống.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, muốn thực hành dân chủ cần phải tăng cường pháp chế. Tăng cường pháp chế là tăng cường quản lý mọi hoạt động của xã hội bằng pháp luật, không để một lĩnh vực nào thiếu sự điều chỉnh của pháp luật hoặc không được pháp luật điều chỉnh tới nhằm bảo đảm kỷ cương xã hội; là thực hiện những phép tắc nhà nước và duy trì trật tự của xã hội.

Một vấn đề có tính chất nguyên tắc trong đường lối pháp chế của Đảng ta là pháp luật không chỉ đề ra nghĩa vụ cho Nhân dân thực hiện mà điều quan trọng đặc biệt và trước hết là đề ra nghĩa vụ cho các cơ quan Nhà nước và cho cán bộ phải gương mẫu chấp hành. Để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, tăng cường kỷ luật xã hội thì trước hết các cơ quan Nhà nước, các cán bộ đảng viên cần nghiêm chỉnh tuân theo chính sách và pháp luật. Cơ quan Nhà nước và cán bộ đảng viên làm đúng thì dân tin và làm theo. Trên công minh, chính trực và gương mẫu thì dưới cũng không dám làm trái, làm bừa; trái lại khi trong Đảng, trong các cơ quan Nhà nước có những vi phạm chính sách và pháp luật thì khó có thể giáo dục được nhân dân ý thức nghiêm chỉnh tuân theo chính sách, pháp luật.

Thực tế thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã và đang chứng minh rằng, mục đích của tăng cường pháp chế là để phát huy có hiệu quả quyền lực của Nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, kết quả của thực hành dân chủ là thước đo của quá trình tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Pháp luật xã hội chủ nghĩa chỉ đi vào cuộc sống khi dân chủ xã

hội chủ nghĩa được thực thi. Mặt khác, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa chính là tạo ra hành lang pháp lý, môi trường, động lực để phát huy dân chủ và bảo đảm quyền dân chủ của Nhân dân. Vì vậy, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa phải gắn liền với tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương xã hội.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa còn nhằm để công khai, minh bạch quyền lực của Nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật trên cơ sở sự chấp thuận một cách có lý trí của nhân dân; là phương tiện quan trọng để dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên thực tế. Sức sống của pháp luật xã hội chủ nghĩa còn được thể hiện ở những quy định về quyền con người, quyền làm chủ của Nhân dân. Pháp luật xã hội chủ nghĩa quy định vai trò chủ thể của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực, trong mọi hoạt động xã hội và bảo đảm vai trò chủ thể của nhân dân trong đời sống xã hội. Như vậy, nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; nhà nước thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc; nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ và là nhà nước trong sạch, vững mạnh; nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế. Trong nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ và pháp luật phải luôn đi đôi với nhau, hỗ trợ lẫn nhau mới đảm bảo được cho chính quyền trở nên mạnh mẽ và kỷ cương xã hội được đảm bảo. Không thể có dân chủ ngoài pháp luật, pháp luật là bà đỡ của dân chủ. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, ngược lại hệ thống pháp luật phải bảo đảm cho quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định tính tất yếu của mối quan hệ biện chứng giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương xã hội. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã khẳng định: “Công cuộc đổi mới tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ lớn”⁴, trong đó có “Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội” trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 2013 cũng đã ghi rõ: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”; “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân”.

Thực tiễn cho thấy, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán “Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng và bảo đảm quyền công dân; chống tệ quan liêu cửa quyền, ức hiếp quần chúng trong bộ máy lãnh đạo và quản lý các cấp... Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và quản lý xã hội bằng pháp luật... giữ vững pháp luật, kỷ cương và trật tự, an toàn xã hội”⁵. Bởi lẽ, việc thượng tôn pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự kỷ cương xã hội được đảm bảo là điều kiện tiên quyết để dân chủ được thực hành rộng rãi và thực chất, nền kinh tế phát triển đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa; ngược lại, việc thực hành và mở rộng dân chủ vừa là đòi hỏi tất yếu để tăng

cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, vừa là yêu cầu khách quan của quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do dân và vì dân, là cơ sở để xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đồng thời cũng là yêu cầu của quá trình hoàn thiện con người và các quyền của họ trong xã hội. Trên cơ sở đó góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Trong nghiên cứu và giảng dạy bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, cần nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Từ đó, góp phần nhận thức sâu sắc về các nội dung: Tính tất yếu của quá trình xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; nhà nước quản lý xã hội dựa trên Hiến pháp, pháp luật; pháp luật xã hội chủ nghĩa mang ý chí của giai cấp công nhân và quảng đại quần chúng nhân dân lao động; nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước nửa nhà nước - công cụ đặc biệt để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa; chỉ có Nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ “tự tiêu vong” khi giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử thế giới của mình. Để nhận thức đầy đủ và xử lý hiệu quả hơn mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trong thực tiễn vận động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy lý luận chính trị, cần quan tâm một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu và làm rõ sự khác nhau về bản chất giữa “phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”

và “phát triển kinh tế thị trường định hướng tư bản chủ nghĩa” để phát huy mặt tích cực của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục mặt trái của nền kinh tế thị trường chệch hướng xã hội chủ nghĩa trong xử lý mối quan hệ giữa thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Hai là, tiếp tục tập trung nghiên cứu để nhận thức và xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; làm rõ tác động qua lại trong các mối quan hệ này và phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của sự tác động đó.

Ba là, cần tiếp tục tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để vạch trần các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về mối quan hệ này trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Chú thích:

1. Văn kiện trình đại hội XIII của Đảng Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 01-2021, t1, tr.119.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG, H.2002, tr.249
3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG, H.2000, tr.279
4. Văn kiện trình đại hội XIII của Đảng Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 01-2021, tr. 9.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)-Phần I*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2005, tr.279-280.

NHẬN THỨC VỀ QUYỀN TƯ PHÁP VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP TRONG XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt: Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã nêu rõ một số vấn đề về quan điểm, mục tiêu, đặc trưng, nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới. Trong đó, việc xác định các quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp trong khối quyền lực nhà nước thống nhất và sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là một yêu cầu cực kì quan trọng và cần thiết trong điều hành, quản lý xã hội hiện nay.

Một trong tám đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được trình bày trong Nghị quyết số 27, Hội nghị Trung ương sáu khóa XIII đó là quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đây là đặc trưng thể hiện giá trị đặc thù của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gắn với hệ thống chính trị Việt Nam. Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước; quyền lực nhà nước thống nhất ở Nhân dân, được hình thành trên sức mạnh đại đoàn kết và những truyền thống tốt đẹp trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc. Quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp đều có chung nguồn gốc thống nhất từ nhân dân, tuy nhiên để phát huy vai trò trong điều hành quản lý xã hội các quyền lực đó cần có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Trong phạm vi bài viết này tác giả chỉ tập trung là rõ nhận thức về quyền tư pháp, các cơ quan thực hiện quyền tư pháp và những yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện quyền tư pháp ở Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Khái niệm quyền tư pháp có lịch sử hình thành khá sớm. Trong cuốn “Tinh thần pháp luật” nổi tiếng của mình, Montesquieu đã viết: “Quyền tư pháp bao gồm xét xử hành vi vi phạm pháp luật để bảo đảm quyền tự do và quyền con người và do đó phải được trao cho một thiết chế riêng rẽ đó là Tòa án”. Đến nay, đã có rất nhiều định nghĩa khác nhau về quyền tư pháp của các học giả, các chuyên gia pháp luật, song cách hiểu chung nhất, phổ biến là: Quyền tư pháp là một trong những quyền lực nhà nước được giao cho Tòa án thực hiện, bao gồm từ quyền phán quyết đối với các hành vi vi phạm pháp luật, kê cả vi phạm hiến pháp; xử lý các tranh chấp, xung đột về quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các quan hệ xã hội; công nhận giá trị pháp lý đối với các sự kiện, hành vi làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Ở nước ta, quyền tư pháp cùng với quyền lập pháp và quyền hành pháp tạo thành một thể thống nhất của Nhà nước. Mục đích thực hiện quyền tư pháp là xử lý mọi hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ phát sinh, bổ sung, thay đổi hoặc chấm dứt từ các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ do Tòa án thực hiện bằng thủ tục tố tụng chặt chẽ, dân chủ, công khai và công bằng, nhằm khôi phục, duy trì trật tự pháp luật, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị xâm phạm, góp phần bảo đảm pháp luật được tôn trọng và chấp hành nghiêm minh. Tại khoản 3 Điều 2 và khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.*”; “*Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*”.

1. Nhận thức về quyền tư pháp

Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến ở nước ta, quyền tư pháp và cơ quan thực thi quyền tư pháp được quy định rõ trong Hiến pháp 2013. Tuy nhiên, khái niệm về quyền tư pháp thì chưa được định nghĩa hoặc giải thích chính thống từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên thực tế vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau:

Quan điểm thứ nhất: Quyền tư pháp được hiểu là hoạt động xét xử của Tòa án và những hoạt động của các cơ quan, tổ chức khác trực tiếp liên quan đến hoạt động xét xử của Tòa án, nhằm bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, pháp chế, trật tự pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích của nhà nước và xã hội. Theo quan điểm này, quyền tư pháp được thực hiện không chỉ bởi cơ quan xét xử là Tòa án mà có cả Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra và các cơ quan trợ giúp tư pháp như: Luật sư, Công chứng, Giám định...

Quan điểm thứ hai: Quyền tư pháp là quyền mà Nhà nước giao cho các cơ quan

có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh doanh, thương mại, lao động... theo trình tự, thủ tục tố tụng tư pháp; cơ quan thực hiện quyền tư pháp bao gồm: cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và Thi hành án. Quyền tư pháp được hiểu là tập hợp những hoạt động cụ thể do cơ quan tư pháp thực hiện trong tố tụng tư pháp, liên quan trực tiếp đến việc giải quyết vụ án, các tranh chấp pháp luật, hướng tới mục đích giải quyết các vụ án, tranh chấp một cách khách quan, đúng đắn nhất.

Quan điểm thứ ba: Quyền tư pháp là lĩnh vực quyền lực Nhà nước được thực hiện thông qua hoạt động phân xử và phán xét tính đúng đắn, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định áp dụng pháp luật khi có sự tranh chấp về các quyền và lợi ích giữa các chủ thể pháp luật. Theo quan điểm này, chủ thể thực hiện quyền tư pháp chỉ là Tòa án và hoạt động tư pháp chỉ là hoạt động xét xử. Nói đến tư pháp là nói đến lĩnh vực hoạt động xét xử của Tòa án và ngược lại.

Đồng tình với quan điểm này, nhưng hiểu với phạm vi mở rộng hơn, mức độ sâu sắc hơn, mà theo đó, nội hàm của quyền tư pháp trước hết là quyền xét xử, quyền kiểm tra, đánh giá kết luận về tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định, hành vi tố tụng do các cơ quan tư pháp thực hiện trong suốt quá trình tố tụng và thi hành bản án, quyết định của Tòa án, những người ủng hộ quan điểm mở rộng, lập luận theo hướng Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác. Trước yêu cầu bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phải xây dựng cơ

chế độ Tòa án tham gia kiểm soát việc thực hiện các hoạt động tư pháp.

Trong bài viết: *“Làm thế nào để Thẩm phán và Tòa án độc lập trong thực thi công lý”* của GS. Lê Hồng Hạnh, đăng trên Tạp chí Pháp luật và Phát triển, số 1/2015, có viết: Trong cơ chế phân công quyền lực, quyền tư pháp được hiểu là là quyền của Nhà nước xác định và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và thực thi công lý thông qua các thể chế phù hợp. Thiết chế này có chức năng cơ bản nhất, nếu không muốn nói là duy nhất, thay mặt xã hội thực thi công lý và nó phải được tổ chức, được giao nhiệm vụ, quyền hạn để thực hiện công việc một cách độc lập tối đa có thể; và công lý phải được thực thi trong mắt nhân dân. Thiết chế thực thi công lý bao gồm các Thẩm phán. PGS.TS Trần Văn Độ thì cho rằng: Quyền tư pháp là quyền xét xử, tức quyền áp dụng pháp luật để ra phán quyết về các vi phạm pháp luật và các tranh chấp xảy ra trong xã hội. Tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, là cơ quan xét xử duy nhất của Nhà nước thực hiện quyền tư pháp. Vì vậy, xử lý các vi phạm pháp luật bằng các chế tài Nhà nước, giải quyết các tranh chấp bằng quyền lực Nhà nước đều phải thuộc thẩm quyền của Tòa án. Các cơ quan nhà nước khác tham gia vào việc xử lý, giải quyết đó không phải là cơ quan tư pháp, không có chức năng thực hiện quyền tư pháp, mà các cơ quan này chỉ thực hiện các hoạt động tư pháp. Từ đó, mở rộng thẩm quyền của Tòa án trong xét xử, giao cho Tòa án bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật là xu thế tất yếu của nhà nước pháp quyền.

2. Nhận thức về cơ quan thực hiện quyền tư pháp

Hoạt động tư pháp là hoạt động của các cơ quan nhà nước bảo vệ pháp luật có trách nhiệm duy trì, bảo vệ công lý và trật tự pháp luật. Trong đó, Tòa án với chức năng Hiến định là xét xử với vai trò trung tâm và thể hiện rõ nét nhất các đặc tính của quyền tư pháp. Hoạt động điều tra, hoạt động thực hành quyền công tố được thực hiện bởi các cơ

quan hành pháp, bởi suy cho cùng. Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát về bản chất thuộc cơ quan hành pháp, nên việc sắp xếp các cơ quan này vào hệ thống các cơ quan tư pháp là không hợp lý. Bởi vì, Viện Kiểm sát theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013: *“Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp”*, như vậy không thể vừa là cơ quan thực hiện quyền tư pháp lại là vừa là cơ quan kiểm sát các hoạt động tư pháp. Kiểm sát hoạt động tư pháp mà thực chất là kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án, là hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước, xuất phát từ nguyên tắc độc lập xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014: *“Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật”*. Vấn đề đặt ra, kiểm soát quyền lực tư pháp thực hiện như thế nào là hợp lý? Cách giải thích phù hợp với Hiến pháp hiện nay là quyền kiểm soát hoạt động xét xử được Quốc hội giao cho Viện Kiểm sát với vai trò công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung, trong đó có quyền lực tư pháp. Như vậy, Viện Kiểm sát phải độc lập với hoạt động xét xử, hoạt động tố tụng thì mới có thể kiểm sát hoạt động xét xử, kiểm sát hoạt động tố tụng, nghĩa là Viện Kiểm sát phải đứng ngoài tư pháp, không phải là cơ quan tư pháp. Mặt khác, Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát xuất hiện trong quan hệ tố tụng trong từng lĩnh vực là khác nhau. Cụ thể, trong quan hệ tố tụng hình sự thì luôn luôn có sự tham gia của các cơ quan này theo thẩm quyền pháp luật quy định, nhưng với lĩnh vực dân sự, lao

động, kinh doanh, thương mại Cơ quan điều tra không tham gia, còn Viện Kiểm sát chỉ tham gia với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp việc thực hiện chức năng công tố với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp chưa rõ ràng, nghĩa là lúc nào thì Viện Kiểm sát thực hiện quyền công tố, khi nào thì Viện Kiểm sát thực hiện quyền kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án. Cơ quan thi hành án với chức năng nhiệm vụ pháp luật quy định chỉ thi hành các phán quyết của Tòa án, nên mang tính chất hành chính - tư pháp. Do đó, hoạt động thi hành án không thuộc phạm vi của quyền tư pháp và cơ quan thi hành án không phải là cơ quan tư pháp. Ngoài ra, hoạt động của tổ chức luật sư, giám định, như tên gọi là hoạt động hỗ trợ tư pháp, góp phần bảo vệ công lý, nhưng các hoạt động này được tiến hành bởi các tổ chức, cá nhân bên ngoài, không được giao thực hiện quyền lực nhà nước, nên không coi là hoạt động thực thi quyền tư pháp. Trong khi đó, Tòa án là chủ thể thực hiện quyền tư pháp một cách “*tuyệt đối*” nên tham gia trong mọi lĩnh vực để phân xử đưa ra phán quyết bảo đảm sự công bằng, lẽ phải, bảo vệ công lý theo quy định của pháp luật. Trong điều kiện đất nước ta đang xây dựng nền tư pháp phụng sự Nhân dân, gần Nhân dân, đáp ứng những yêu cầu giải quyết nhanh chóng những tranh chấp, sự việc phát sinh để kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích của người dân thì mức độ và phạm vi kiểm sát hoạt động xét xử, giải quyết các vụ việc khác của Tòa án cần được cụ thể hóa bằng văn bản pháp luật.

Từ những luận giải trên, theo quan điểm của người viết, Tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, là cơ quan xét xử duy nhất của Nhà nước, chỉ có Tòa án là cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật bằng chế tài nhà nước, giải quyết các tranh chấp bằng quyền lực nhà nước. Do vậy, khi nói đến quyền tư pháp là nói đến quyền của Tòa án và chỉ là Tòa án; cơ quan thực hiện quyền tư pháp duy nhất chỉ là Tòa án.

3. Nhận thức về một số yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền tư pháp trong giai đoạn hiện nay

Yếu tố thứ nhất: Khi nói đến các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xét xử đó là nhận thức về quyền tư pháp. Hiện nay, nhận thức về quyền tư pháp chưa thực sự thống nhất, chưa có nhận thức chung và thực sự thấu đáo về Tòa án là cơ quan xét xử của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực quyền tư pháp, bởi vậy sẽ rất khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện và đặc biệt là xác định cơ chế để kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đồng thời đây cũng là một thách thức không nhỏ trong việc xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong thực thi quyền tư pháp.

Yếu tố thứ hai: Thiết chế được coi là trụ cột của nền tư pháp nước nhà đó là hệ thống Tòa án chưa thực sự chuyên nghiệp và đủ sức để gánh vác trách nhiệm nặng nề là cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Cơ chế vận hành để Tòa án được thực sự độc lập trong xét xử có lúc chưa được thực hiện một cách có hiệu quả, vì vậy một số bản án hay quyết định của cơ quan tư pháp tính thuyết phục chưa cao, vẫn còn tình trạng cải, sửa bản án sau xét xử ở các cấp.

Yếu tố thứ ba: Các quy định của pháp luật, đặc biệt là luật tố tụng và hệ thống luật tổ chức các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp chưa phân định rõ ràng vị trí, vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong thực hiện quyền tư pháp.

Như vậy, việc xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Hiến pháp 2013, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và đặc biệt là Nghị quyết số 27 đang đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần có nhận thức thống nhất nhằm xác định rõ các quyền năng trong khối thống nhất của quyền lực nhà nước; làm tốt công tác tổng kết thực tiễn quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, từ đó có những cách làm phù hợp, sáng tạo và khoa học giúp giải quyết tốt các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn xã hội hiện nay./.

ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM NHÌN TỪ HIỆP ĐỊNH PARI NĂM 1973

✧ ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Đàm phán và ký kết Hiệp định Pari năm 1973 là thắng lợi ngoại giao lớn của dân tộc Việt Nam, chứng minh tính đúng đắn, khoa học của đường lối, quan điểm ngoại giao kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc; phương châm dĩ bất biến, ứng vạn biến; về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về ngoại giao nắm vững thời cơ, giành thắng lợi từng bước tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn của Đảng ta. Trước những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống diễn biến ngày càng phức tạp hiện nay, sự kiện ký kết Hiệp định Pari vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, góp phần to lớn trong việc củng cố những nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước.

Đúng 12 giờ 30 phút (giờ Pari), ngày 23/01/1973, tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Kléber, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và H.Kissinger ký tắt⁽¹⁾. Ngày 27/01/1973, Hiệp định đã được ký chính thức giữa Bộ trưởng Ngoại giao các bên.

Quá trình đàm phán và ký kết Hiệp định Pari là sự kiện ngoại giao lớn của dân tộc Việt Nam nói riêng và của nhân loại yêu chuộng tự do, hoà bình toàn thế giới trong thế kỷ XX nói chung. Nửa thế kỷ đã trôi qua nhưng những giá trị về lý luận và thực tiễn về đối ngoại của Đảng ta từ sự kiện ký kết Hiệp định Pari vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay. Trước, trong và sau khi ký Hiệp định Pari, Đảng và Nhà nước ta luôn kiên định lập trường, quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại, coi đây là cơ sở lý luận và là vấn đề có tính nguyên tắc, bởi chủ nghĩa Mác-Lênin đã cung cấp những

những nội dung có tính khoa học và cách mạng về thời đại, về vấn đề dân tộc và quốc tế, về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, về tư tưởng cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, về quyền dân tộc tự quyết trong quan hệ quốc tế... Cơ sở lý luận này được Đảng ta chú trọng nghiên cứu và vận dụng trong quá trình đàm phán Hiệp định Pari, là căn cứ hình thành quan điểm, lập luận, nội dung Hiệp định (về phía ta) và là nền tảng của nền ngoại giao đặc sắc Việt Nam.

Hiệp định Pari được khởi động sau một quá trình lịch sử 14 năm kể từ Hiệp định Giơnevơ. Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, đế quốc Mỹ đã nhanh chóng can thiệp vào miền Nam, thế chân thực dân Pháp, thực thi hàng loạt chiến lược chiến tranh nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới. Việt Nam phải qua cuộc chiến tranh trường kỳ, bền bỉ chống Mỹ giành độc lập và thống nhất

nước nhà. Năm 1968, với thất bại nặng nề của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc của Mỹ, cuộc đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà và Chính phủ Hoa Kỳ mới chính thức diễn ra ở Pari.

Hội nghị Pari đã mở đầu cho một thời kỳ Việt Nam tiến công trực diện Mỹ về ngoại giao trên bàn hội nghị. Lập trường của Việt Nam là trước tiên Mỹ phải chấm dứt không điều kiện các cuộc ném bom bắn phá và mọi hoạt động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, sau đó mới bàn các vấn đề có liên quan của hai bên; khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam; lên án tội ác chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trên hai miền Nam, Bắc Việt Nam; hành động phá hoại hiệp định Giơnevơ của Mỹ; đòi Mỹ rút quân và chừa hậu phương ra khỏi Việt Nam; chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc Việt Nam; từ bỏ nguy quân Sài Gòn; đáp ứng lập trường của Việt Nam Dân chủ cộng hoà và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Chiến lược của Mỹ là dùng đàm phán kết hợp với thế mạnh áp đảo trên chiến trường để buộc Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải chấm dứt ủng hộ nhân dân và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, giữ chế độ Sài Gòn trong phạm vi ảnh hưởng của Mỹ. Mỹ không ngừng đòi hỏi hai bên cùng rút quân, khôi phục Khu phi quân sự để cắt đường tiếp tế từ miền Bắc vào Nam. Phía Mỹ nhấn mạnh khẩu hiệu “hai bên cùng xuống thang chiến tranh”.

Chính vì quan điểm, lập trường đối lập với nhau nên Hội nghị Pari diễn ra gay gắt và kéo dài suốt 5 năm (13/5/1968 đến 27/01/1973), gắn với những diễn biến khốc liệt trên chiến trường. Trong suốt quá trình

đó, quan điểm bất di bất dịch của Đảng ta là độc lập dân tộc. Đây vừa là phương châm hành động của ngoại giao Việt Nam, vừa là mục tiêu phấn đấu của cuộc kháng chiến chống Mỹ và là mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Chính vì mục tiêu độc lập dân tộc, chúng ta đã đến bàn đàm phán với mong muốn mặt trận ngoại giao có thể là một kênh kết thúc chiến tranh, giảm bớt đau thương, mất mát và đổ máu. Nhưng chúng ta vẫn kiên định cuộc đấu tranh trên chiến trường nếu quan điểm độc lập dân tộc không được chấp nhận tại bàn đàm phán.

Quá trình kiên trì đàm phán gần 5 năm tại Hội nghị Pari cũng thể hiện rõ quan điểm ngoại giao dĩ bất biến, ứng vạn biến của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là nền ngoại giao kiên trì trong nguyên tắc nhưng linh hoạt, mềm dẻo, khéo léo trong sách lược; là quan điểm ngoại giao theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở đây, vấn đề bất biến, có tính nguyên tắc là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đàm phán, chúng ta thể hiện thái độ mềm mỏng, luôn sẵn sàng thảo luận, lắng nghe; luôn bày tỏ thiện chí ngay cả khi ở vị thế thuận lợi hơn Mỹ nhờ vào những chiến công liên tiếp trên các mặt trận. Và lúc điều kiện, cán cân trên mọi chiến trường đã thuộc về chúng ta, Phái đoàn Việt Nam đã chủ động, mạnh mẽ truyền thông điệp qua đề xuất bản dự thảo cuối cùng.

Cùng với các diễn biến trên chiến trường, quá trình đàm phán Hiệp định Pari cũng thể hiện và chứng minh tính đúng đắn của lý luận ngoại giao nắm vững thời cơ, giành thắng lợi từng bước; ngoại giao chủ động tạo lập thời cơ, đồng thời chủ động tấn công giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Toàn Đảng,

toàn dân ta đã nỗ lực giành thắng lợi quyết định về quân sự để thay đổi cục diện chiến trường, làm cơ sở cho giải pháp chấm dứt chiến tranh trên thế mạnh. Sau 05 năm, ta đã giành hàng loạt thắng lợi trên các mặt trận Đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc và Đông Nam Campuchia trong năm 1971; mặt trận Trị - Thiên, Bắc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Bắc Bình Định, Khu 8 Nam Bộ năm 1972...; từng bước đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ - ngụy, tạo thế thuận lợi cho ta trên bàn đàm phán. Đỉnh điểm là thắng lợi của chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” 12 ngày đêm (18- 30/12/1972), ta bắn hạ 38 pháo đài bay B52 và 43 máy bay chiến đấu khác của Mỹ ngay trên bầu trời Hà Nội, đẩy Mỹ vào thế phải chấp nhận thất bại, nối lại đàm phán tại Pari, chấp nhận nội dung Hiệp định: Hoa Kỳ và các nước khác cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam; Hoa Kỳ phải hoàn toàn chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt sự dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Rút hết quân đội của Mỹ và của các nước khác, cố vấn và nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh, hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự. Tôn trọng quyền tự quyết và bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ. Với những nội dung cốt lõi này, Hoa Kỳ và đồng minh đã phải từ bỏ quan điểm, lập trường kéo dài gần 05 năm trong các cuộc thảo luận, đồng ý với quan điểm, lập trường của ta. Những quan điểm bất di bất dịch của Đảng ta về đối ngoại đã giành thắng lợi.

Trong thời gian khoảng 5 năm, Hiệp định Pari đã trải qua tổng số 246 phiên họp (201 phiên họp công khai, 45 cuộc họp

riêng cấp cao); 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn và hàng nghìn cuộc mít tinh chống chiến tranh, ủng hộ Việt Nam. Đảng ta đã nhận thức và vận dụng triệt để quan điểm Hồ Chí Minh về chiến lược kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Sức mạnh dân tộc bao gồm sức mạnh vật chất (kinh tế, chính trị, quân sự)... và sức mạnh tinh thần (nhu cầu chính nghĩa về độc lập dân tộc; ý chí quật cường chống ngoại xâm; truyền thống yêu nước, nền văn hóa dân tộc hình thành qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước...); vị trí địa - chính trị và địa kinh tế quan trọng... Sức mạnh thời đại thể hiện qua các trào lưu lớn như phong trào độc lập dân tộc; phong trào dân chủ và tiến bộ xã hội...; các xu thế lớn của thế giới như quyền độc lập cho mọi quốc gia; quyền tự quyết cho mọi dân tộc; sự hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia, không phân biệt nước lớn hay nhỏ... Để có thể kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nền ngoại giao phải đề cao tính chất chính nghĩa, đánh vào lòng người bằng chính nghĩa, bằng lẽ phải, đạo lý và nhân tính; là nền ngoại giao mang tính nhân văn sâu sắc, phù hợp với khát vọng hòa bình, tự do, công lý; là nền ngoại giao coi phong trào tiến bộ của nhân dân thế giới là lực lượng của mình, giữ gìn và cùng cố sự đoàn kết nhất trí giữa các nước xã hội chủ nghĩa...

Hiệp định Pari về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta ở cả hai miền đất nước, đã tạo ra bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam. Ngày 25/1/2013, cách đây 10 năm tại Lễ Kỷ niệm 40 năm ký Hiệp định Paris, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã phát biểu: “Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, kết thúc thắng lợi cuộc đấu tranh ngoại

giao dài nhất, khó khăn nhất trong lịch sử ngoại giao nước ta ở thế kỷ XX; đánh dấu thắng lợi lịch sử của nhân dân ta sau hơn 19 năm đấu tranh kiên cường, bất khuất trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao chống Mỹ xâm lược (...) Hiệp định Paris là đỉnh cao thắng lợi của mặt trận ngoại giao nước ta thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, là mốc son trong trang sử vàng của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam⁽²⁾.

Ngày nay, hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống diễn biến ngày càng phức tạp. Sau hơn “90 năm vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc đối ngoại, ngoại giao và văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới và tư tưởng tiến bộ của thời đại, chúng ta đã xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao rất đặc sắc⁽³⁾. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, với trên 98 triệu dân, ở một trong những khu vực phát triển năng động nhất thế giới, đất nước ta đang hội nhập sâu rộng vào mọi mặt đời sống xã hội quốc tế, là thành viên tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, ngược lại, đối ngoại giúp đất nước kết nối chặt chẽ, toàn diện với thế giới. Với mục tiêu bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, sự thống nhất giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với lợi ích giai cấp chính là cái bất biến giữa hàng loạt những lợi ích khác nhau (từ hệ tư tưởng, quốc phòng - an ninh, quan hệ đối tác hay đối tác chiến lược), đối ngoại ngày nay cần phát huy vai trò tiên phong trong giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa; chủ động, tích cực đẩy

mạnh hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng; huy động nguồn lực to lớn từ bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên thế giới...

Nửa thế kỷ đã trôi qua, Hiệp định Paris vẫn luôn là thắng lợi to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhân dân Việt Nam trên mặt trận đối ngoại; là thắng lợi không chỉ riêng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn là mốc son chói lọi trong sự nghiệp ngoại giao Việt Nam từ khi thành lập Nhà nước đến nay. Thắng lợi đó minh chứng thực tiễn cho lý luận ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta; thể hiện trí tuệ của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam. Đồng thời, sự kiện đàm phán Hội nghị Paris luôn góp phần to lớn củng cố những nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam trong quá trình xây dựng đất nước sau kháng chiến chống Mỹ và công cuộc đổi mới ngày nay./.

Chú thích:

1. Cố vấn đặc biệt của đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Paris và Cố vấn đặc biệt của Tổng thống Mỹ.

2. Văn Tâm. Những bài học lớn từ Hiệp định Paris năm 1973. Trang tin điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. <http://thanhuuytphcm.vn/>.

3. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. <http://dukcqtw.dcs.vn/>.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA QUẢN CHÚNG NHÂN DÂN TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. CHU THỊ THU HUYỀN

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là cuộc đấu tranh đầy cam go phức tạp. Trong những năm qua, công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực được Đảng ta đặc biệt quan tâm, với tinh thần kiên quyết, “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ” và “đã trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược”. Để đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả, cần phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, trong đó sự tham gia chủ động, tích cực của các tầng lớp nhân dân; phải dựa vào dân, vận động và kích lệ người dân tích cực đứng ra tố cáo, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là cuộc đấu tranh đầy cam go, phức tạp nhằm chống lại các hành vi vi phạm pháp luật của những người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan công quyền. Trong những năm qua, công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực được Đảng ta đặc biệt quan tâm, với tinh thần kiên quyết, triệt để, “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”, “đã trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược”, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; đồng thời bác bỏ luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, phản động, chống đối. Tuy nhiên, những kết quả đạt được trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thời gian vừa qua mới chỉ là “thành công bước đầu”, cần phải tiếp tục kiên trì thực hiện vì mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thực sự

trong sạch, vững mạnh, bộ máy công quyền thực sự công tâm, khách quan, vì nhân dân phục vụ.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua, bên cạnh việc nhận diện, phát hiện tham nhũng, tiêu cực do công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan báo chí thì sự tham gia đấu tranh, phát hiện tham nhũng, tiêu cực của quần chúng nhân dân là một kênh vô cùng quan trọng. Nhiều vụ việc, hành vi tham nhũng trên các lĩnh vực như quản lý sử dụng đất đai; đầu tư xây dựng cơ bản; tài chính, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công, mua sắm vật tư thiết bị; buôn lậu, gian lận thương mại... được phát hiện thông qua đơn thư phản ánh, tố cáo, tố giác của Nhân dân và những nguồn tin được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội. Tuy nhiên, hiện nay so với yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, việc Nhân dân tố cáo, tố giác những hành vi

tham nhũng, tiêu cực vẫn còn những hạn chế nhất định, nhất là trong việc phát huy vai trò chủ động, tích cực của Nhân dân. Vì vậy, tình trạng tham nhũng vẫn có những diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương, cơ quan, tổ chức.

Những hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: Một là, người dân thiếu kiến thức, hiểu biết về pháp luật. Hai là, việc đảm bảo bí mật thông tin của người tố cáo theo quy định của luật tố cáo còn hạn chế, rất nhiều trường hợp người tố cáo tham nhũng bị trù dập, đe dọa, gây thương tích hoặc khủng bố tinh thần; vì vậy, đa số người dân dù phát hiện các hành vi tham nhũng, tiêu cực vẫn không dám tố giác. Ba là, người tố cáo tham nhũng ít khi được sự đồng thuận, đồng viên, chia sẻ của người thân và cộng đồng nên họ thường đơn độc, lẻ loi trong đấu tranh. Bốn là, việc nắm bắt thu thập thông tin, chứng cứ gặp nhiều khó khăn, đa số các vụ việc tố cáo đều thiếu các chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, trong khi hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi, núp dưới nhiều vỏ bọc trá hình. Năm là, vì lợi ích cá nhân, nhiều người dân cố tình tiếp tay cho tham nhũng vì mong muốn được giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, chấp nhận “bôi trơn” để được việc.

Để đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả, cần phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, trong đó phải có sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, phải dựa vào dân. Để người dân tích cực đứng ra tố cáo tham nhũng, tiêu cực cần chú trọng những nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền vận động để Nhân dân thấy được việc tố cáo, tố giác hành vi tham nhũng, tiêu cực là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người dân. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “đễ trăm lần không dân cũng

chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Nếu Nhân dân nhận thức được tham nhũng, tiêu cực là thứ “giặc nội xâm”, có tinh thần kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng thì đây sẽ lực lượng to lớn nhất, giúp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc phát hiện, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả đối với các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Luật Phòng Chống tham nhũng đã có những quy định cụ thể về phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng của các cá nhân, tổ chức. Trong các biện pháp phát hiện tham nhũng, có biện pháp phát hiện tham nhũng mang tính xã hội nhưng rất hiệu quả, đó là thông qua phản ánh, tố cáo, tố giác về hành vi tham nhũng của Nhân dân và công luận. Nhân dân (người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động) thực hiện quyền tố cáo của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật của Nhà nước (Luật Tố cáo năm 2018).

Thứ hai, thể chế hóa việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Quyền làm chủ của Nhân dân đã được quy định trong khá nhiều văn bản của Nhà nước. Tuy nhiên, để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trước hết cần xây dựng và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, các cơ quan nhà nước với Nhân dân; các tổ chức Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên phải làm tốt công tác dân vận, lắng nghe ý kiến, giải quyết, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc của Nhân dân. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, thiết chế thực hiện dân chủ hoá đời sống xã hội, đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; các cơ quan có trách nhiệm phải giải trình, bảo đảm tính minh bạch và sự tham gia rộng rãi của Nhân dân trong quá trình xây dựng trước khi ban hành; tôn

trọng lắng nghe ý kiến đóng góp của Nhân dân và bảo vệ người đã có ý kiến phát hiện những sai phạm của cán bộ, công chức.

Thứ ba, tăng cường vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc nâng cao chất lượng công tác phản biện xã hội đối với quy trình lập pháp và giám sát việc thực hiện pháp luật; chú trọng nâng cao bản lĩnh, ý thức chính trị, không bị chi phối, tác động bởi các hành vi không lành mạnh của bất cứ tổ chức, cá nhân nào trong quá trình giám sát, phản biện xã hội; tiếp tục lựa chọn nội dung, đổi mới phương pháp, xác định nội dung trọng tâm, trọng điểm, cách tiến hành giám sát, tập trung cho chủ đề, nội dung là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân và những vấn đề Nhân dân quan tâm, bức xúc.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội; hướng mạnh công tác về cơ sở, nắm chắc tình hình quần chúng; chủ động phối hợp giải quyết những vấn đề bức xúc trong Nhân dân; kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết, xử lý trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Bên cạnh đó, cần kiện toàn Ban thanh tra nhân dân ở cơ sở để tổ chức này thực sự là nơi tập hợp quần chúng ở xã, phường, thị trấn và các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội trong công tác giám sát việc thực thi chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tại cơ sở. Cần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Ban thanh tra nhân dân trong giám sát hoạt động của chính quyền nói chung và trong thực hiện quy chế dân chủ, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nói riêng.

Thứ tư, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác khen thưởng, vinh danh xứng đáng người tố cáo tham nhũng, tiêu cực. Thực tiễn cho thấy, tố cáo để đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là những người có chức vụ, quyền hạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mang tính quyền lực nhà nước và các hành vi vi phạm pháp luật khác đòi hỏi người tố cáo phải thực sự can đảm, dũng cảm, dám đương đầu với những khó khăn, thách thức trong việc tiếp cận, cung cấp chứng cứ, trong việc chịu đựng sự nhìn nhận thiếu thiện cảm, những áp lực từ dư luận xã hội, những người xung quanh và ngay cả từ phía bạn bè, đồng nghiệp, người thân trong gia đình và cả sự cô lập, trù dập của người bị tố cáo. Vì vậy, người tố cáo thường phải chấp nhận rủi ro cá nhân cao, họ có thể bị sa thải, bị kiện, bị bắt, đe dọa hoặc trường hợp nặng có thể bị tấn công. Chính vì vậy, việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích, động viên người dân mạnh dạn, kiên quyết thực hiện quyền tố cáo của mình đối với các hành vi tham nhũng, tiêu cực là vấn đề hết sức quan trọng trên cả hai phương diện là bảo vệ và khen thưởng người tố cáo. Thực tế hiện nay cho thấy, có nhiều quy định về khen thưởng người tố cáo mới chỉ mang tính động viên, ước lệ. Vì vậy, người dân khi tố cáo sẽ phải cân đo lựa chọn được, mất khi thực hiện hành vi. Do đó, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác khen thưởng, vinh danh xứng đáng người tố cáo tham nhũng, tiêu cực, xem đó là công cụ, đòn bẩy lớn nhất để kích thích, động viên người dân mạnh dạn trong tham gia đấu tranh tố giác hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Thứ năm, bảo vệ người tố cáo, tố giác tham nhũng, tiêu cực theo quy định của Luật Tố cáo để tránh việc trù dập, trả thù của người bị tố cáo. Theo quy định của Luật

Tổ cáo 2018, người tố cáo “Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác”⁽¹⁾. Chương VI, Bảo vệ người tố cáo quy định: “Bảo vệ người tố cáo là việc bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo; bảo vệ vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo, vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo; Người tố cáo được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, trừ trường hợp người tố cáo tự tiết lộ”⁽²⁾. Tuy nhiên, trên thực tế người bị tố cáo vẫn phải đối mặt với rất nhiều nguy cơ bị xâm hại. Vì vậy, cần có những biện pháp hữu hiệu, lâu dài nhằm bảo vệ việc làm, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo; xây dựng, hoàn thiện các chế tài đủ mạnh, đảm bảo tính răn đe để ngăn chặn, xử lý hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Thứ sáu, kiên quyết, triệt để xử lý các hành vi bị Nhân dân tố cáo nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự trong các cơ quan nhà nước. Nghị định 31/2019/NĐ-CP có quy định cụ thể về hình thức kỷ luật cách chức đối với người có thẩm quyền trong việc cố ý không giải quyết hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật hoặc cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu, làm mất hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc; bao che cho người bị tố cáo⁽³⁾. Tuy nhiên, trong nhiều cơ quan, tổ chức khi nhận được thông tin tố cáo của người dân về những hành vi vi phạm của cấp dưới nhưng không xử lý, hoặc xử lý không nghiêm dẫn đến việc cán bộ “lờn thuốc”, còn người dân chán nản, mất lòng tin vào cơ quan công quyền.

Thứ bảy, xây dựng thói quen, văn hóa ứng xử trong cộng đồng đối với cuộc đấu

tranh loại bỏ cái xấu, cái sai, xây dựng xã hội văn minh. Cần coi việc loại bỏ cái xấu, cái sai là hành vi hết sức bình thường trong cộng đồng xã hội, là cách ứng xử văn minh của con người văn minh trong xã hội văn minh. Hiện nay, đại đa số tâm lý người dân muốn có cuộc sống bình yên, không muốn xáo trộn, việc lên tiếng tố cáo tham nhũng, tiêu cực trên thực tế mới chỉ là hành vi phản kháng mạnh mẽ của một cá nhân nào đó khi lợi ích của cá nhân, gia đình hay cộng đồng mình bị xâm hại, chưa hình thành thói quen, cách ứng xử thường xuyên của người dân. Do đó, các quy định của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chỉ là điều kiện cần, điều kiện đủ là phải tạo ra một môi trường xã hội hay nói cách khác là cách ứng xử văn minh để loại bỏ cái ác, cái xấu nói chung và hành vi tham nhũng, tiêu cực nói riêng để tiến tới một xã hội thực sự công bằng, dân chủ, văn minh./.

Chú thích:

1. Điểm b, khoản 1, điều 9, chương 2, Luật Tố cáo 2018.
2. Điều 47, mục 1, chương VI, Luật Tố cáo 2018.
3. Khoản 3, điều 22. Nghị định 31/2019/NĐ-CP nghị định quy định chi tiết một số điều về biên pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC LÀ YÊU CẦU TẤT YẾU CỦA ĐẢNG CÀM QUYỀN

✧ ThS. NGUYỄN DUY LONG
Phó trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Để giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo, cầm quyền, bất cứ một đảng cầm quyền nào, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, đều phải có cơ chế, biện pháp phòng, chống tham nhũng, quan liêu, suy thoái, biến chất. Do đó, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực do Đảng ta phát động không phải là “đấu tranh phe cánh” hay “đấu đá nội bộ” như một số người xuyên tạc, mà nhằm “góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại, đặc biệt là góp phần lấy lại và củng cố niềm tin của Nhân dân, phản bác luận điệu sai trái của các thế lực xấu, thù địch, chống đối...”⁽¹⁾.

Trong những năm gần đây, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực do Đảng ta phát động, lãnh đạo thực sự “đã trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược”, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng, cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động, tăng cường chỉ đạo, tập trung kiểm tra, xử lý các tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; xử lý cả cán bộ đương chức và cán bộ đã nghỉ hưu, cả cán bộ cấp cao và cán bộ trong lực lượng vũ trang; làm một cách nghiêm minh từ trên xuống dưới, có trọng tâm, trọng điểm; kỷ luật Đảng đi trước, tạo tiền đề, mở đường cho kỷ luật hành chính và cho công tác thanh tra, điều tra, xử lý hình sự theo pháp luật. Giai đoạn 2012-2022, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.740 tổ chức đảng, hơn 167.700 cán bộ, đảng viên; trong đó có 7.390 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng; đã kỷ luật 170 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 4 Ủy viên

Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị; 29 Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương; 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay đã thi hành kỷ luật 50 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (cao hơn gấp 4 lần so với nhiệm kỳ khóa XI và bằng gần một nửa số cán bộ cấp cao bị xử lý của nhiệm kỳ khóa XII), trong đó có 8 Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương, 20 sĩ quan cấp tướng. Đây là một bước đột phá trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Qua công tác thanh tra, kiểm toán, đã xử lý, thu hồi được hơn 975 nghìn tỷ đồng, gần 76 nghìn hecta đất; xử lý trách nhiệm gần 44.700 tập thể, cá nhân; chuyển cho cơ quan điều tra, xử lý gần 1.200 vụ việc có dấu hiệu phạm tội; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hơn 2.000 văn bản, trong đó có nhiều văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế được tiến hành một cách kiên trì, kiên quyết, không khoan nhượng, không nương nhẹ, không làm oan, sai, không bỏ lọt tội phạm; rất nghiêm

minh nhưng cũng rất nhân văn, nhân ái, có lý, có tình; hầu hết các đối tượng bị xử lý đều nhận thức rõ sai phạm của mình và tâm phục, khẩu phục, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải, xin lỗi Đảng, Nhà nước và Nhân dân; có tác dụng cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe, giáo dục, phòng ngừa mạnh mẽ, được dư luận, Nhân dân rất đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao; tạo bước đột phá trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng. Đã xử lý dứt điểm nhiều vụ án lớn, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, cả những vụ tồn đọng, kéo dài từ nhiều năm trước, với nhiều cán bộ cấp cao bị xử lý hình sự, kể cả Ủy viên Bộ Chính trị, bộ trưởng, thứ trưởng, chủ tịch UBND cấp tỉnh, tướng lĩnh trong lực lượng vũ trang. Trong 10 năm qua, các cơ quan tố tụng trong cả nước đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm gần 16.000 vụ án tham nhũng, chức vụ, kinh tế với hơn 30.300 bị cáo. Riêng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đã đưa vào diện theo dõi, chỉ đạo gần 1.000 vụ án, vụ việc ở 3 cấp độ⁽²⁾; trong đó trực tiếp theo dõi, chỉ đạo 313 vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, đã đưa ra xét xử sơ thẩm 120 vụ án, 1.083 bị cáo, trong đó có 37 cán bộ diện Trung ương quản lý, bị xử lý hình sự (01 Ủy viên Bộ Chính trị, 10 Ủy viên, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 06 bộ trưởng, nguyên bộ trưởng, 13 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang...).

Tại hội nghị tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: Kết quả phát hiện, điều tra và xử lý tham nhũng trong thời gian qua càng chứng tỏ chúng ta đã thực hiện rất nghiêm túc tư tưởng chỉ đạo và quan điểm: “Nói đi đôi với làm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai, và không chịu sự tác động, sức ép của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào”. Việc xử lý nghiêm nhiều cán bộ, kể cả cán bộ cấp cao sai phạm, là điều không

ai mong muốn, thậm chí rất đau xót, rất đau lòng; nhưng vì sự nghiệp chung, vì sự nghiêm minh về kỷ luật của Đảng, thượng tôn pháp luật của Nhà nước, sự trong sạch, vững mạnh và uy tín của Đảng, Nhà nước và ý nguyện của Nhân dân, chúng ta phải làm, và kiên quyết làm. Kỷ luật một vài người để cứu muôn người; và sẽ còn phải tiếp tục làm quyết liệt, mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới theo tinh thần Bác Hồ đã dạy: “Cắt bỏ một vài cành cây sâu mọt để cứu cả cái cây”.

Lợi dụng việc Đảng, Nhà nước ta đẩy mạnh công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, các thế lực thù địch đã dùng nhiều chiêu trò để thổi phồng sai lầm, khuyết điểm; bịa đặt, vu cáo Đảng ta “đầu đá, thanh trừng nội bộ”; đơm đặt, bôi nhọ danh dự, uy tín của các lãnh đạo cấp cao; lợi dụng sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ các cấp bị xử lý theo Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước để quy chụp bản chất chung của cán bộ, đảng viên là tham nhũng, tha hóa, biến chất, “bán nước, hại dân”, hòng tạo dựng nhận thức sai lệch, hoài nghi, dao động, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Từ đó, gieo rắc ngờ vực, chia rẽ nội bộ, làm xói mòn lòng tin của Nhân dân đối với uy tín, vai trò lãnh đạo Đảng và sự quản lý của Nhà nước; ca tụng, khuếch đại chủ nghĩa tư bản mà chúng cho là “thiên đường của tự do, dân chủ, nhân quyền”.

Cần phải khẳng định rằng, bất cứ một đảng cầm quyền nào, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, nếu không có cơ chế, biện pháp kiểm soát, quản lý chặt chẽ đều có thể dẫn đến tham nhũng, quan liêu, suy thoái, biến chất... làm mất vai trò lãnh đạo, cầm quyền. Tham nhũng được coi là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực, là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Ở thời đại nào, chế độ nào, quốc gia nào cũng tồn tại tham nhũng,

song không thể xóa bỏ nhanh chóng trong một thời gian ngắn mà cần phải đấu tranh kiên quyết, kiên trì, bền bỉ, thường xuyên. Tham nhũng thực sự là một nguy cơ, vấn nạn, nếu không được ngăn chặn, loại bỏ kịp thời sẽ làm thiệt hại cho nền kinh tế, phá vỡ chiến lược và kế hoạch phát triển, gây thiệt hại vật chất rất lớn cho Nhà nước và người dân; làm suy thoái đạo đức, lối sống trong hàng ngũ lãnh đạo, gây ra sự bất bình, bức xúc trong dư luận xã hội và nghiêm trọng hơn là làm xói mòn, suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, với chế độ, gián tiếp tiếp tay cho những thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Có thể nói, tham nhũng như một loại dịch bệnh nguy hiểm có thể phá vỡ bất kỳ thể chế chính trị nào. Một đảng cầm quyền còn để xảy ra tham nhũng thì nguy cơ đánh mất quyền lực là hiện hữu. Đây là bài học xương máu đã được đúc kết từ lịch sử, kể cả những nước đã từng là thành trì của chủ nghĩa xã hội. Thậm chí, nếu để tham nhũng tràn lan thì những cán bộ, đảng viên trong sáng, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc sẽ không còn động lực để phấn đấu, cống hiến, hy sinh vì lợi ích chung. Bởi vậy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng là một tất yếu, là vấn đề sinh tử, sống còn, cấp bách của bất kỳ một đảng cầm quyền nào nếu không muốn từ bỏ vị trí lãnh đạo của mình.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động, đại diện cho lợi ích của Nhân dân lao động và toàn thể dân tộc, lấy phục vụ Nhân dân là mục tiêu cao nhất của mọi hành động cách mạng. Vì thế, “mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của Nhân dân, lấy hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”⁽³⁾. Để giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, để Đảng thực sự là “của dân”, “vì dân”, Đảng “phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh

chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hóa... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị”⁽⁴⁾. Đây là vấn đề rất quan trọng, then chốt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả sẽ càng “góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại, đặc biệt là góp phần lấy lại và củng cố niềm tin của Nhân dân, bác bỏ luận điệu sai trái của các thế lực xấu, thù địch, chống đối...”.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự ủng hộ tuyệt đối của Nhân dân, chúng ta tin tưởng rằng, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần “cắt bỏ một vài cành cây sâu một để cứu cả cái cây” như Bác Hồ đã từng chỉ dạy, sẽ không những không làm ảnh hưởng mà còn tạo sinh khí mới, quyết tâm cao, hành động mạnh mẽ để đánh thắng “giặc nội xâm”, góp phần củng cố niềm tin yêu của Nhân dân đối với Đảng, với chế độ, xây dựng Đảng ngày càng vững vàng, bản lĩnh, tiếp tục lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân ta giành thắng lợi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội,.

Chú thích:

1, 2, 3. Nguyễn Phú Trọng: “Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Nhìn lại 10 năm qua; định ra phương hướng nhiệm vụ cho thời gian tới”, <https://www.vietnamplus.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc/801297.vnp>, ngày 30/6/ 2022.

4. Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tap chí Cộng sản điện tử*, ngày 16-5-2021,

https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dk31Gf/content/.

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA



ThS. LÊ ĐÌNH HÙNG

Phó Trưởng phòng Tổ chức,
hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là thành quả của sự vận dụng một cách đúng đắn, khách quan, khoa học thành tựu của văn minh nhân loại vào điều kiện của thể của một quốc gia; là kết quả của sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với những sáng tạo to lớn trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã góp phần bổ sung, bảo vệ và phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin và sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đề ra đường lối đổi mới đất nước, chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và khẳng định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kể từ đây, Đảng ta đã lãnh đạo thực hiện từng bước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa - khởi đầu của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, ở thời điểm này, quan điểm của Đảng tập trung vào tháo gỡ những rào cản, những yếu tố trực tiếp cản trở, kìm hãm để giải phóng sức sản xuất; quan điểm về phát triển nền kinh tế thị trường mới manh nha ở những ý tưởng ban đầu.

Từ sau Đại hội VI, trải qua các các nhiệm kỳ Đại hội Đảng, đường lối phát triển kinh tế đã được bổ sung, phát triển, từng bước hoàn thiện nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trải qua hơn 35 năm đổi mới, mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện, trở thành đóng góp lý luận cơ bản và sâu sắc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại Đại hội XIII, Đảng ta nhận định: “Nhận thức về nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới”⁽¹⁾. “Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang dần được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập”⁽²⁾. Đường lối đổi mới kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất xã hội, thúc đẩy nền kinh tế của nước ta tăng trưởng vượt bậc, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Nhờ vậy, sau 35 năm đổi mới, cách mạng nước ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, trở thành nước có thu nhập trung bình và hội nhập mạnh mẽ vào kinh tế khu vực và thế giới. “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”⁽³⁾.

Về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững

chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Nhiều rào cản tham gia thị trường được dỡ bỏ; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khá sôi động. Doanh nghiệp nhà nước từng bước được sắp xếp, tổ chức lại có hiệu quả hơn; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế tập thể từng bước đổi mới gắn với cơ chế thị trường; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, là bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta⁷⁽⁴⁾.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Đảng ta cũng khách quan, thẳng thắn chỉ ra một số hạn chế, khuyết điểm: Việc hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Một số quy định pháp luật, cơ chế, chính sách còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn định, nhất quán; còn có biểu hiện lợi ích cục bộ, chưa tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế còn nhiều hạn chế. Việc tiếp cận một số nguồn lực xã hội chưa bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế. Cải cách hành chính còn chậm. Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, mức độ minh bạch, ổn định chưa cao. Một số loại thị trường chậm hình thành và phát triển, vận hành còn nhiều

wướng mắc, kém hiệu quả. Giá cả một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa được xác lập thật sự theo cơ chế thị trường... Nhiều doanh nghiệp nhà nước chậm thực hiện cơ cấu lại và đổi mới cơ chế quản trị; phần lớn doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ thấp, năng lực tài chính và quản trị yếu; nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài công nghệ trung bình, gia công, lắp ráp, thiếu gắn kết, chuyên giao công nghệ, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước phát triển; đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác còn chậm, nhiều hợp tác xã chưa làm tốt vai trò liên kết, hỗ trợ kinh tế hộ; thực hiện cơ chế giá thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ công còn lúng túng; một số loại thị trường, phương thức giao dịch thị trường hiện đại chậm hình thành và phát triển, vận hành còn nhiều vướng mắc, chưa hiệu quả, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất; hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả có mặt chưa cao...

Từ lý luận và thực tiễn có thể khẳng định, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, không chỉ phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế của thời đại, mà còn là mô hình kinh tế phù hợp với các nước kinh tế chưa phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng ta khẳng định, để đi lên chủ nghĩa xã hội, không thể không phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà bản chất là phát triển một nền kinh tế thị trường đồng bộ, đầy đủ, hiện đại và hội nhập, đồng thời giữ vững nguyên tắc và bản chất chủ nghĩa xã hội. Xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn, đổi mới tư duy nhằm tiếp thu những giá trị tích cực của nhân loại trong phát triển kinh tế để phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Để hoàn thiện đồng bộ và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần tập trung vào những nội dung sau:

Một là, thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa, xác định đây là “mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”; “Là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường”⁽⁵⁾.

Hai là, “Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trung tháo gỡ các điểm nghẽn”⁽⁶⁾. Xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia. Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm cá nhân và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành.

Chú trọng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, nút thắt, điểm nghẽn để hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy nhanh việc hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trước hết, cần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm cá nhân và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ. Phát triển các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo các phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử. Phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại. Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ. Phát triển và quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản; thị trường quyền sử dụng đất. Phát triển thị trường lao động, cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tham gia hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế thị trường. Xử lý tốt những bất cập của cơ chế thị trường, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đẩy nhanh việc xử lý nợ, thoái vốn, cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại để nâng cao hiệu quả, đồng thời kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp, không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ, trang trại trong nông nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả các dự án đối tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng. Ưu tiên những dự án đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển, tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ba là, “Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia. Đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong

từng giai đoạn. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế⁽⁷⁾.

Có thể khẳng định, lý luận và thực tiễn về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bài viết: “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới”⁽⁸⁾. Với những sáng tạo trong lý luận và thực tiễn trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta đã góp phần bổ sung, bảo vệ và phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới trong điều kiện, hoàn cảnh mới./.

Chú thích:

1, 2. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021 t. II, tr. 31.

3, 4, 5, 6, 7. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t. I, tr. 25, tr. 59-60, tr. 129, tr. 132, tr. 135 - 136.

8. Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản số 966 (5-2021).

THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC - QUY LUẬT KHÁCH QUAN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁCH MẠNG VIỆT NAM

✧ ThS. NGUYỄN QUỲNH NGA
Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Đã 48 năm trôi qua từ chiến thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới. Mặc dù các thế lực thù địch có nhiều luận điệu xuyên tạc về con đường cách mạng miền Nam, cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam nhưng lịch sử những tháng năm qua một lần nữa cho thấy rằng “Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam”.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất đất nước là yêu cầu khách quan, đồng thời là sự khẳng định kết quả của một chặng đường dài đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh của nhân dân Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 khẳng định: “Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam”⁽¹⁾.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ 2 (1939 - 1945) kết thúc, nội bộ phe Đồng minh từng bước bị phân hóa và dẫn đến thù địch. Đặc biệt, sau Hội nghị Ianta (2/1945), thế giới chính thức bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh. Sự căng thẳng trong xung đột địa chính trị và xung đột ý thức

hệ được đẩy lên đỉnh điểm giữa hai siêu cường (đứng đầu và đại diện hai khối đối lập): Hoa Kỳ (chủ nghĩa tư bản) và Liên Xô (chủ nghĩa xã hội). Sự xung đột này thể hiện rõ trên bản đồ Đông Đức và Tây Đức; Bắc Triều Tiên và Nam Triều Tiên; Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam. Trong đó, Việt Nam là nước đầu tiên thống nhất được đất nước; Cộng hòa liên bang Đức phải đến năm 1991 (khi chiến tranh lạnh kết thúc) với việc Bức tường Beclin sụp đổ; còn Triều Tiên thì Nam Bắc vẫn đang trong tình trạng chiến tranh cho đến nay (Nam Triều Tiên và Bắc Triều Tiên mới chỉ đạt được hiệp định đình chỉ chiến sự từ năm 1953). Sự so sánh đó cho thấy, nếu không có sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thì sẽ không có được thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, thu giang sơn về một mối vào năm 1975.

Việt Nam đã thực hiện công cuộc giải phóng và thống nhất hoàn toàn đất nước trong một bối cảnh lịch sử muôn vàn khó khăn. Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến sự và lập lại hòa bình ở Đông

Dương được ký kết (21/7/1954), đất nước bị tạm thời chia cắt làm hai miền (lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự). Tuy nhiên, Mỹ và tay sai của Mỹ đã ngang nhiên phá hoại những điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Mặt khác, quan điểm của hai nước xã hội chủ nghĩa anh em là Liên Xô, Trung Quốc (hai nước viện trợ chính cho chúng ta trong cuộc đấu tranh giải phóng) cũng cho rằng chúng ta nên chấp nhận hiện trạng đất nước giống như Nam - Bắc Triều Tiên. Cùng với đó, bối cảnh quốc tế có những diễn biến hết sức phức tạp. Sau chiến tranh thế giới thứ 2, đã xuất hiện tâm lý lo sợ, e ngại chiến tranh, sợ từ “đốm lửa nhỏ sẽ làm bùng lên đám cháy lớn”; nội bộ phong trào cộng sản thế giới bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn; Liên Xô chủ trương hòa hoãn với Mỹ; Trung Quốc sau thời kỳ cách mạng văn hóa cũng đã bắt đầu có những đổi mới cải cách... Tất cả những yếu tố đó tác động trực tiếp đến sự lãnh đạo của Đảng, đến sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam. Đảng sẽ phải lựa chọn cách thức nào, con đường nào để tiếp tục đưa cách mạng đi lên nhưng vẫn phải đảm bảo nhận được sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, sự viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.

Đối với Đảng và Nhân dân ta, nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Việt Nam chẳng những phải củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được; củng cố miền Bắc đã được độc lập mà còn phải giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”⁽²⁾. Thâm nhuần chân lý thiêng liêng và cao cả đó, bằng bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng Cộng

sản Việt Nam, sự đồng lòng một ý chí của quân dân hai miền, Đảng đã lãnh đạo tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Việc Đảng ta phát động cuộc đấu tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam là đáp ứng lại nguyện vọng tha thiết của đồng bào miền Nam. Tuy nhiên, Mỹ - Diệm đã huy động mọi lực lượng quân sự, an ninh, hành chính, tình báo, thông tin tuyên truyền... để mua chột, dụ dỗ đồng bào miền Nam, cưỡng ép đồng bào Thiên Chúa giáo từ miền Bắc vào; thực hành cuộc khủng bố, đàn áp toàn diện cả về quân sự, chính trị, tâm lý, kinh tế cực kỳ thâm độc và tàn bạo. Chúng gây ra những cuộc thảm sát đẫm máu, mở nhiều cuộc hành quân càn quét quy mô lớn, dài ngày để triệt phá cách mạng, tàn sát những người yêu nước, khủng bố những người kháng chiến cũ mà chúng gọi là cộng sản hoặc phần tử thân cộng sản. Mỹ-Diệm đã ban hành Luật 10/59, “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, biến cả miền Nam thành nơi tràn ngập nhà tù, trại giam, trại tập trung. Chính sách khủng bố tàn bạo của chính quyền Mỹ - ngụy đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào ta ở miền Nam. Trước tình thế khó khăn, hiểm nghèo của cách mạng, đại bộ phận đồng bào miền Nam vẫn một lòng một dạ theo cách mạng, vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh bất khuất chống lại cường quyền, áp bức và khủng bố tàn khốc của địch để giữ gìn lực lượng. Rất nhiều đảng viên bị thất tán do chuyển vùng và rút vào hoạt động bí mật để chống khủng bố, vẫn hướng về Đảng và cách mạng. Trong khi Trung ương Đảng đang nỗ lực tìm con đường hòa bình cho cách mạng miền Nam, thì đồng bào, chiến sĩ miền Nam đã rất nhiều lần viết thư khẩn thiết yêu cầu đưa cách mạng miền Nam ra khỏi tình trạng một mất một còn. Xuất phát từ những kiến nghị khẩn thiết của nhiều

cán bộ, đảng viên cũng như của một số cấp ủy đảng, Bộ Chính trị đã dành nhiều công sức, trí tuệ chuẩn bị một giải pháp cơ bản cho cách mạng miền Nam để trình cho Ban Chấp hành Trung ương.

Khi thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chẳng những xâm chiếm miền Nam, ngăn cản sự phát triển của xã hội miền Nam mà còn lấy miền Nam làm cơ sở tiền đồn tấn công ra miền Bắc xã hội chủ nghĩa hòng xâm chiếm cả nước ta, phá hoại toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy, Mỹ - Diệm chẳng những là kẻ thù của nhân dân miền Nam mà còn là kẻ thù của cả dân tộc Việt Nam, của nhân dân miền Bắc; chẳng những giữa Mỹ - Diệm và nhân dân miền Nam có mâu thuẫn sâu sắc, mà giữa bọn chúng và nhân dân cả nước, nhân dân miền Bắc cũng có mâu thuẫn sâu sắc. Giải quyết mâu thuẫn đó không phải chỉ là nhiệm vụ riêng, vì lợi ích và yêu cầu riêng của nhân dân miền Nam, mà còn là nhiệm vụ chung, vì lợi ích và yêu cầu chung của nhân dân cả nước.

Sự nghiệp đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà con đường duy nhất phù hợp với lợi ích sống còn của nhân dân, dân tộc ta, đồng thời phù hợp với lợi ích chung của phong trào hoà bình dân chủ thế giới. Đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp, đặt ách thống trị thực dân kiểu mới ở miền Nam nước ta. Âm mưu của chúng là xâm chiếm cả nước ta làm thuộc địa và căn cứ quân sự, nhằm phá hoại phong trào độc lập dân tộc và hoà bình dân chủ ở Đông Nam Á, “Đắp con đê ngăn chặn làn sóng đỏ” lan xuống khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Đế quốc Mỹ chiếm cứ miền Nam, âm mưu xâm lược miền Bắc là để tấn công phe xã hội chủ nghĩa. Cho nên, thắng lợi của cách mạng Việt Nam quan hệ trực tiếp đến hệ thống xã hội chủ nghĩa, làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa càng rộng lớn, vững mạnh và tạo thêm nhiều khả

năng mới để đẩy mạnh cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống chủ nghĩa thực dân và chính sách chuẩn bị chiến tranh của bọn đế quốc hiếu chiến do Mỹ cầm đầu trên phạm vi thế giới. Ngược lại, sự hùng mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Vấn đề thực hiện thống nhất đất nước, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước ta trước hết là vấn đề đấu tranh giữa dân tộc ta với đế quốc Mỹ và tay sai, đồng thời cũng là vấn đề đấu tranh giữa hệ thống xã hội và hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Các nước xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Xô, càng tranh thủ giữ vững hoà bình được lâu dài thì càng có điều kiện thuận lợi để tăng cường lực lượng của mình về mọi mặt trên toàn thế giới, càng làm thế lực của chủ nghĩa đế quốc nhanh chóng suy yếu. “Chủ trương của Đảng ta giữ vững hoà bình ở Việt Nam, thực hiện thống nhất nước nhà bằng con đường hoà bình, chủ trương ấy gắn liền với chủ trương chung nói trên của phe xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nắm vững chủ trương ấy, đồng thời phải tiếp tục củng cố và tăng cường sự đoàn kết nhất trí không gì lay chuyển nổi giữa nước ta với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Đó là nghĩa vụ quốc tế của Đảng ta và Nhân dân ta, và cũng là bảo đảm chắc chắn cho việc hoàn thành nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”⁽³⁾.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân 1975 đã kết thúc cuộc chiến vệ quốc vĩ đại của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đối với Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành về cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, bảo vệ và phát triển những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, thống nhất đất nước. Đối với thế giới, cuộc kháng

chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất vào các lực lượng cách mạng sau Chiến tranh thế giới thứ hai của tên đế quốc đầu sỏ, phá vỡ phòng tuyến quan trọng ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á của đế quốc Mỹ, góp phần làm đảo lộn “chiến lược toàn cầu” phản cách mạng của chúng. Thắng lợi của nhân dân ta và sự thất bại của đế quốc Mỹ đã tác động mạnh mẽ đến nội bộ của nước Mỹ và cục diện thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc...”⁽⁴⁾.

Sau khi đất nước thống nhất và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, những thành tựu của hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới một lần nữa khẳng định con đường cách mạng của nhân dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam lựa chọn hoàn toàn phù hợp với quy luật khách quan của sự phát triển. Từ ngày thống nhất Tổ quốc đến nay, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tự lực phát triển để trở thành một trong những nước thực hiện thành công trước thời hạn nhiều Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, trở thành một nước đang phát triển. Bình quân thu nhập đầu người năm 1985 chỉ đạt 230 USD/năm, đến năm 2021 đạt 3,694.02 USD/người⁽⁵⁾; tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2016-2020 ước đạt khoảng 5,9% và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới; sự

nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện chính sách an sinh xã hội, phổ cập giáo dục có những tiến bộ rõ rệt; hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật bảo đảm quyền con người được Đảng, Nhà nước Việt Nam quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện như Luật Báo chí, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo, Luật Tiếp cận thông tin, Luật An ninh mạng... Việt Nam không chỉ trở thành hình mẫu trong mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội mà còn là điểm đến an toàn, hấp dẫn đối với thế giới trên mọi lĩnh vực. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, Việt Nam vẫn được xem là “đất lành” cho dòng vốn FDI chất lượng cao. Tính đến 20/03/2021, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào nước ta tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước, điển hình vốn từ Mỹ tăng 205,5%, Nhật Bản tăng 147,7%, Hàn Quốc tăng 67,1%.

Kỷ niệm 48 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023), trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang chung sức, đồng lòng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, nhìn lại một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc để nhận thức sâu sắc hơn những giá trị, bài học kinh nghiệm, những giá trị của hòa bình và thống nhất, qua đó tiếp tục khơi dậy trong các thế hệ người Việt Nam khát vọng xây dựng một đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng./.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, tập 36, tr.375.
2. Thư gửi đồng bào Nam Bộ, đăng trên Báo Cứu quốc, số 255 ngày 01 tháng 6 năm 1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB CTQG, H, 2002, t.20, tr.62.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, t.37, tr.471.
5. Nguồn: <https://solieukinhhte.com/gdp-binh-quan-dau-nguoi-cua-viet-nam/>.

ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GÓP PHẦN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



ThS. HỒ THANH

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Đổi mới hoạt động của Nhà nước và cải cách hành chính là yêu cầu đặt ra đối với sự phát triển của tất cả các quốc gia, là yếu tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Từ lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước ở nước ta cho thấy, mục tiêu của cải cách hành chính là nhằm hiện đại hoá nền hành chính, đảm bảo sự dân chủ, công khai, minh bạch, trách nhiệm, sáng tạo, phục vụ hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị, tạo cơ sở hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng, con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Trong những năm qua, cùng với quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế, cải cách hành chính đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm lãnh đạo thực hiện bằng việc ban hành các nghị quyết: Nghị quyết số 38/CP ngày 04/5/1994 của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính trong giải quyết công việc của công dân và tổ chức; Nghị quyết số 08-NQ/HNTW, ngày 23/1/1995 của BCHTW Đảng khoá VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính; Quyết định số 136/2001/QĐ-TTG, ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010; Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

Cải cách hành chính nhà nước phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền như kiểm soát quyền lực, tính hiến định, dân chủ, tính phụ thuộc vào chính trị... và được chi phối bởi tính đặc thù của hệ thống chính trị Việt Nam với đặc trưng cơ bản là một đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong đó, Đảng thống nhất trong lãnh đạo công tác cải cách hành chính thông qua quyết định mục tiêu, quan điểm, chủ trương, giải pháp lớn; xây dựng tiêu chuẩn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực đảm bảo trong lãnh đạo, quản lý; tuyên truyền, phổ biến, vận động cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc, thống nhất hành động; đôn đốc, kiểm tra, kiểm soát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và nhân rộng các mô hình hiệu quả trong thực hiện cải cách hành chính nhà nước. Cải cách hành chính nhà nước phải đồng bộ với các hoạt động cải cách, đổi mới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, lập pháp, hành pháp. Đồng thời, phải đảm bảo sự ổn định trong vận hành, phát triển chính

trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội, kiểm soát khó khăn và tránh những rủi ro, xung đột trong cải cách hành chính.

Việc tổ chức thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước đã đạt được những kết quả quan trọng: Cơ chế quản lý xã hội theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện, phù hợp với quan điểm của Đảng và những nguyên tắc hiến định: Nền hành chính của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp, tính công khai, minh bạch không ngừng được nâng cao, tạo ra bước chuyển căn bản từ nền hành chính kiểm soát sang nền hành chính phục vụ; phân cấp, phân quyền hợp lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống chức năng, nhiệm vụ, phạm vi đối tượng, làm rõ tính thống nhất trong tổ chức quyền lực nhà nước, đồng thời phát huy tối đa hoạt động kiểm soát quyền lực và tính dân chủ xã hội chủ nghĩa trong nền hành chính; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước được nâng lên về cả trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức, thái độ phục vụ; cơ chế quản lý, chính sách đãi ngộ ngày càng đáp ứng được yêu cầu quản lý hành chính nhà nước; quản lý tài chính, ngân sách đảm bảo hiệu quả, minh bạch trong chi tiêu công, hạn chế tham nhũng, lãng phí, thúc đẩy sự sáng tạo, năng động và cạnh tranh trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước; công nghệ thông tin và các mô hình quản lý mới được ứng dụng một cách đồng bộ đã hiện thực hóa tính chất phục vụ của nền hành chính, phản ánh

sự đổi mới toàn diện, có chiều sâu của nền hành chính quốc gia.

Những kết quả đạt được trong thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, một trong những mục tiêu chống phá của các thế lực thù địch là phủ nhận những thành quả của công cuộc cải cách hành chính, lợi dụng những hạn chế, yếu kém trong cải cách hành chính nhà nước để thực hiện âm mưu phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xuyên tạc, phủ định các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đổi mới đất nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, phủ định giá trị lịch sử và những thành quả, nỗ lực cải cách hành chính nhà nước; bóp méo các sự kiện chính trị; xuyên tạc các vụ việc phức tạp, nhạy cảm liên quan đến nền hành chính nhà nước; thổi phồng sự suy thoái về đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên để hạ uy tín lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong lãnh đạo, quản lý; tuyên truyền, phủ họa một cách vô nguyên tắc, một chiều cho các cơ chế dân chủ của pháp quyền tư sản, mô hình “Đa nguyên, đa đảng”, “Tam quyền phân lập”; lôi kéo những người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhà nước và nền hành chính của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam...

Để thực hiện mục tiêu: “Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2030”^[1] và bảo vệ, phát huy giá trị nền tảng tư tưởng

của Đảng trong cải cách hành chính nhà nước cần thực hiện một số nội dung:

Một là, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong cải cách hành chính nhà nước. Thực hiện tốt vai trò của các cấp ủy Đảng trong lãnh đạo, sự quản lý điều hành của chính quyền, tuyên truyền, hoạt động giám sát, phản biện của tổ chức chính trị - xã hội và phát huy tối đa quyền làm chủ của nhân dân. Đảm bảo cải cách hành chính phải trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Hai là, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về cải cách hành chính nhà nước, trong đó xác định đây là vấn đề khó khăn, phức tạp, lâu dài, thực hiện một cách đồng bộ từng bước, hiệu quả phải được xem xét toàn diện. Đúc kết các giá trị truyền thống dân tộc, các nguyên lý, nguyên tắc của Đảng ta và những thành tựu của quốc tế để đề ra chủ trương, biện pháp, mô hình cải cách hành chính phù hợp với Việt Nam.

Ba là, xây dựng chính sách, kế hoạch khoa học, hợp lý, đảm bảo sự kiên trì, sáng tạo, cầu thị, đúng nguyên tắc để thực hiện các nội dung cải cách hành chính nhà nước. Đảm bảo tạo sự đồng bộ với cải cách lập pháp, tư pháp, đổi mới hệ thống chính trị và hội nhập và phát triển đất nước. Phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội đồng thời gắn với sự tiến bộ về môi trường làm việc, cơ sở vật chất, thu nhập và phát triển chính phủ điện tử trong thực hiện cải cách hành chính nhà nước.

Bốn là, thực hiện tốt cơ chế thông tin, dân vận chính quyền để tạo sự đồng thuận trong xã hội, huy động đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân để xã hội hóa và chuyển giao các hoạt động

quản lý nhà nước. Phát huy tối đa sự phản biện, giám sát và đóng góp trí tuệ của các tổ chức, cộng đồng dân cư trong quá trình cải cách hành chính nhà nước. Tổ chức đấu tranh có hiệu quả với các thế lực thù địch cố tình xuyên tạc, bóp méo sự thật về những thành công và kết quả trên các nội dung cải cách hành chính nhà nước.

Năm là, làm tốt công tác tổng kết, đánh giá thực tiễn, nghiên cứu nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả trong cải cách hành chính. Thực hiện vinh danh, khen thưởng, phê bình kỷ luật để tạo động lực, sự cạnh tranh giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị hướng tới giá trị cốt lõi để thực hiện xây dựng nền hành chính pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền hành chính “quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ” [2].

Sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, “Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay”. Trong thành tựu chung đó có phần đóng góp quan trọng của quá trình thực hiện cải cách hành chính nhà nước. Trước những thời cơ, vận hội, những khó khăn, thách thức trong tình hình mới và sự chống phá của các thế lực thù địch, chúng ta luôn vững vàng, tự tin trên con đường đã chọn, tiếp tục tập trung nguồn lực, trí tuệ để thực hiện thành công công cuộc cải cách hành chính nhà nước, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị, tạo cơ sở hiện thực hóa mục tiêu lý tưởng, con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta lựa chọn./.

Chú thích:

1. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

2. Nguyễn Phú Trọng, “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”.

NGUYÊN TẮC CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

✧ ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY
Khoa Nhà nước pháp luật

Tóm tắt: Quản lý ngân sách là một hoạt động quản lý diễn ra trên phạm vi rộng lớn khắp cả nước, ở các địa phương và trong mỗi cơ quan đơn vị. Công khai, minh bạch ngân sách là nguyên tắc đồng thời cũng một yêu cầu không thể thiếu trong quản lý tài chính công nói chung và quản lý ngân sách địa phương nói riêng. Nguyên tắc này đòi hỏi đảm bảo công khai, minh bạch trong tất cả các khâu của chu trình ngân sách địa phương cũng như trong toàn bộ hoạt động quản lý ngân sách địa phương. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách là tiền đề để tạo dựng sự đồng thuận và củng cố niềm tin của người dân vào một Chính phủ minh bạch, liêm chính.

Ngân sách nhà nước Việt Nam có nguồn thu chủ yếu từ thuế, phí, lệ phí, chính là từ các khoản đóng góp của người dân. Do vậy, mục đích của việc công khai ngân sách là để người dân biết được nhà nước sử dụng những khoản tiền của mình đóng góp vào việc gì, có hiệu quả hay không. Công khai để người dân biết ngân sách được quản lý, sử dụng như thế nào; người dân tham gia bàn bạc thu chi làm sao cho có hiệu quả, người dân cùng đồng hành thực hiện; người dân kiểm tra, giám sát và thụ hưởng thành quả đó. Bản thân của việc công khai cũng giúp chính quyền mỗi địa phương có trách nhiệm hơn, tính toán cẩn trọng hơn trong việc sử dụng ngân sách, tránh tình trạng thất thoát, lãng phí. Khi hoạt động của ngân sách được thực hiện minh bạch, công khai thì người dân càng có niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp.

Vấn đề công khai ngân sách nhà nước đã được đề cập đến trong Hiến pháp 2013. Tại Khoản 1 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định: “ngân sách nhà

nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng”. Theo đó, công khai ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải đầy đủ, kịp thời, chính xác và đảm bảo yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Thông tư 343/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách bao gồm:

Thứ nhất, về nội dung công khai: Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh; công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân quyết định; công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý (06 tháng, năm) đã được báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai

hoặc giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung quy định này.

Thứ hai, về hình thức: Công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ ba, về thời điểm công khai: Báo cáo dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Báo cáo dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách địa phương hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách địa phương hằng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Để thực hiện hiệu quả công khai minh bạch ngân sách, các tổ chức trên thế giới và trong nước đã đưa ra các chỉ số để đánh giá như: Chỉ số Công khai ngân sách quốc gia (OBI), chỉ số công khai ngân sách Bộ, cơ quan Trung ương (MOBI) và chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI). Khảo sát công khai ngân sách (OBS) là khảo sát quốc tế duy nhất đánh giá độc lập dựa trên bằng chứng, xếp hạng mức độ minh bạch ngân sách (OBI). Khảo sát OBS được xây dựng trên các tiêu chí quốc tế của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Tổ chức Phát triển và Hợp tác Kinh tế (OECD), Tổ chức Kiểm toán Quốc tế (INTOSAI) và các tiêu chuẩn về sự tham gia của tổ chức Sáng kiến toàn cầu

về Minh bạch tài khoá (GIFT). Bên cạnh đó, POBI là một sáng kiến quốc gia, được thực hiện độc lập bởi các tổ chức nghiên cứu, phi lợi nhuận. Khảo sát POBI 2021 đã được thực hiện bởi hai tổ chức thành viên của Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) là Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS). POBI 2021 là khảo sát dựa trên bằng chứng về công khai các tài liệu ngân sách địa phương của toàn bộ 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam.

Về quản lý ngân sách địa phương, chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI được thực hiện với ba trụ cột về minh bạch ngân sách, sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách và trách nhiệm giải trình. Theo đó, chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) những năm gần đây của các tỉnh có sự cải thiện, POBI năm 2019 đạt 65,55/100 điểm; năm 2020 đạt 69,09/100 điểm; năm 2021 đạt 69,53/100 điểm. Tuy nhiên mức trung bình chung của cả nước vẫn chưa được cao. Năm 2021 có 26/63 tỉnh thành có điểm POBI dưới mức trung bình chung⁽¹⁾. Một số nguyên nhân chính khiến các địa phương có chỉ số công khai, minh bạch ngân sách thấp là do:

Thứ nhất, về minh bạch ngân sách. Các tỉnh chưa công khai kịp thời các tài liệu ngân sách theo như quy định; công khai nhưng không đầy đủ hoặc công khai dưới các định dạng tài liệu khó đọc, khó sử dụng cho người tiếp cận, dẫn đến thiếu tính minh bạch. Theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước 2015 và Luật Tiếp cận thông tin 2016, các thông tin về chu trình ngân sách từ khâu dự toán, thực hiện dự toán đến quyết toán ngân sách phải được công khai đầy đủ. Trong 7 loại tài liệu bắt buộc phải công khai theo Luật Ngân sách nhà nước 2015, các địa phương thường thiếu công bố Dự thảo dự toán ngân sách địa phương (các chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm

căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương) mà chỉ công bố số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân quyết định. Bên cạnh đó việc công khai tình hình thực hiện dự toán hàng quý, 6 tháng đầu năm, 9 tháng đầu năm ở các địa phương thường chậm hoặc thiếu.

Mặt khác, về tính tin cậy, kết quả khảo sát cho thấy việc lập dự toán ngân sách của các tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho quá trình thực hiện thực tế; các tỉnh có mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán vẫn còn lớn. Hơn nữa, các tài liệu được công bố với định dạng file scan hoặc PDF không thể chuyển đổi sang định dạng excel/word, gây khó khăn cho người đọc; một số địa phương chỉ công bố phần nghị quyết mà thiếu phần bảng biểu số liệu công khai theo quy định.

Thứ hai, về sự tham gia của người dân trong quá trình ngân sách địa phương. Chính quyền các địa phương còn thiếu cơ chế để người dân tham gia vào chu trình ngân sách, mức độ tiếp cận thông tin về ngân sách bị hạn chế. Một bộ phận người dân thường chỉ quan tâm tới vấn đề nào tác động trực tiếp tới cuộc sống của họ, ít dành sự quan tâm dành thời gian nghiên cứu, hỏi đáp về các vấn đề của ngân sách địa phương. Khi tài liệu công bố cứng nhắc cộng với sự thiếu hiểu biết về chuyên môn thì việc người dân tham gia đóng góp ý kiến vào chu trình ngân sách là rất hạn chế. Một số địa phương có cổng thông tin điện tử và có thư mục hỏi đáp và email liên hệ, nhưng mức độ phản hồi đối với người dân rất thấp. Sự tham gia của người dân trong quản lý ngân sách địa phương phần nhiều là tự phát, xuất phát từ đòi hỏi hoặc sáng kiến cá nhân mà không phải từ chính sách tham vấn của chính quyền.

Thứ ba, về trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương. Giải trình được

thực hiện dựa trên nền tảng của công khai, minh bạch. Trong hoạt động quản lý ngân sách các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải trình đối với cơ quan quản lý cấp trên, trách nhiệm giải trình đối với công chúng và xã hội. Tuy nhiên thực tế cho thấy việc giải trình chưa được tiến hành thường xuyên. Bên cạnh đó một số địa phương chưa xác định rõ, cụ thể phạm vi trách nhiệm của từng cấp, từng vị trí, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó cho nên trách nhiệm giải trình chưa được thực hiện đồng bộ với kiểm soát quyền lực.

Để tiếp tục nâng cao mức độ công khai ngân sách địa phương cần quan tâm thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc công khai minh bạch ngân sách đối với sự phát triển của chính địa phương, từ đó có quyết tâm thay đổi và làm tốt việc công khai minh bạch ngân sách. Từ quyết tâm đó, cán bộ địa phương sẽ tự nhìn ra những biện pháp trong việc học hỏi kinh nghiệm của các địa phương làm tốt, rà soát lại thông tư hướng dẫn, phối hợp công việc giữa các phòng, ban trong các cơ quan chuyên môn như Sở Tài chính,...

Thứ hai, về minh bạch ngân sách. Các địa phương phải chủ động thực hiện công khai kịp thời và đầy đủ các bảng biểu, nội dung của các bảng biểu quy định tại Luật Ngân sách nhà nước 2015 và Thông tư 343/2016/TT-BTC; xây dựng phần mềm kiểm soát công khai ngân sách của tỉnh. Ứng dụng công nghệ số là một trong những yếu tố quan trọng giúp địa phương cải thiện mức độ công khai.

Thứ ba, về sự tham gia của người dân trong quá trình ngân sách địa phương. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục để người dân hiểu rõ hơn về tài liệu công khai; khi công khai dự toán cần so sánh với tình hình thực hiện ngân sách năm trước, khi công khai

thực hiện theo từng quý cần phải so sánh dự toán năm để thấy được sự tiến bộ trong năm và phải so sánh với cùng kỳ năm trước đó; khi công khai quyết toán cần so sánh với dự toán để thấy được kết quả thực hiện theo các mục tiêu đã đặt ra. Cùng với đó, yêu cầu phải có các báo cáo và thuyết minh, giải trình ngân sách nhằm tăng tính minh bạch giúp người đọc dễ hiểu, dễ tiếp cận về bố trí chi tiêu ngân sách. Hội đồng nhân dân tỉnh cần tăng cường thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong vai trò của cơ quan dân cử, đưa việc công khai ngân sách vào chương trình giám sát hàng năm, kết quả giám sát cũng cần được công khai đầy đủ và cụ thể.

Công khai tổ chức các diễn đàn, các buổi thảo luận chuẩn bị kế hoạch, ngân sách; tăng cường các hình thức đối thoại, tiếp xúc và trả lời các thắc mắc của người dân và thực hiện kiểm toán xã hội các công trình, dự án đầu tư công. Các địa phương cần chủ động hơn trong việc tiếp nhận và phản hồi các câu hỏi, thắc mắc của người dân. Đặc biệt, các tỉnh cần có sự rà soát lại việc cung cấp địa chỉ email liên hệ, cập nhật thư mục hỏi đáp để người dân có thể dễ dàng tham gia đóng góp ý kiến. Sở Tài chính tỉnh có thể sử dụng mạng xã hội để tăng cường tương tác, trao đổi giữa người dân và Sở Tài chính, UBND tỉnh.

Thứ tư, về trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương. Cần có cơ chế pháp lý để ràng buộc trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, từng bước xóa bỏ cơ chế cơ quan tài chính phải giải trình thay. Để đảm bảo giải trình trách nhiệm được thực hiện một cách có hiệu quả, có căn cứ chặt chẽ, cần hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và trách nhiệm công vụ của từng vị trí công tác, phân cấp, phân quyền. Trong quá trình quản lý ngân sách, khi chính quyền chia sẻ, công khai thì người dân sẽ cùng tham gia tháo gỡ những khó khăn, vướng

mắc về thể chế, chính sách, pháp luật trong quá trình thực hiện thu chi ngân sách địa phương. Giải trình trách nhiệm cần phải hợp chặt chẽ với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra, thanh tra, giám sát. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động quản lý ngân sách nhiều vấn đề cần được giải trình làm rõ để xác định chính xác, minh bạch những điều liên quan đến sự thật khách quan đang được giải quyết. Do đó, cần tăng cường tính dân chủ trong hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo trên mọi phương diện. Khi dân chủ còn hình thức thì khó có giải trình chính xác, khách quan, minh bạch. Để dân chủ, giải trình trách nhiệm được thực hiện một cách thực chất, đúng sự thật khách quan thì phải có những bảo đảm về mặt chính trị, pháp lý, tổ chức và phải được tiến hành theo đúng các quy định pháp luật về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, cách thức tiến hành, hậu quả pháp lý.

Thứ năm, đề xuất với Chính phủ và Quốc hội về việc sử dụng chỉ số công khai ngân sách tỉnh làm căn cứ để phân bổ ngân sách của các tỉnh năm sau.

Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân thì việc công khai, minh bạch hoá hoạt động ngân sách là đòi hỏi tất yếu. Nó là tiền đề để tạo dựng và củng cố niềm tin vào một Chính phủ minh bạch, kiên quyết và mạnh mẽ đẩy lùi tệ nạn, tham nhũng và tạo được sự đồng thuận của người dân đối với các chính sách quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước./.

Chú thích:

1. https://ckns.mof.gov.vn/SitePages/home.aspx?gidz1=xkDFLwI_InNb_qTPeQXC5EJoHLUvf1eQ-wn2LkgdlnZy_0xQSO6Qwg4bhaeHaJhgj1MpTpRZrwhBr660

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH



ThS. THÁI THỊ HIỀN

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Đạo đức công vụ có vai trò hết sức quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định trực tiếp đến hiệu quả thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, việc thiếu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống và tác động từ những mặt trái của nền kinh tế thị trường dẫn đến một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức vi phạm nghiêm trọng các chuẩn mực đạo đức trong quá trình thực thi công vụ. Vì vậy, việc rèn luyện và nâng cao đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức là đòi hỏi tất yếu, bức thiết và cần được thực hiện một cách đồng bộ nhằm tiếp tục xây dựng, phát huy và lan tỏa các giá trị đạo đức công vụ, ngăn ngừa, hạn chế sự suy thoái đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Đạo đức công vụ là những chuẩn mực quy định mà người cán bộ, công chức phải thực hành trong quá trình thực thi công vụ. Nếu quan niệm công vụ là một nghề, thì đạo đức công vụ chính là một dạng đạo đức nghề nghiệp; là sự tổng hòa của đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội bản thân mỗi cán bộ, công chức. Đạo đức công vụ được thể hiện ở phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Đó là lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; là trình độ giác ngộ cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì mục tiêu, lý tưởng cao đẹp của Tổ quốc; là sự vô tư, trong sáng, trung thực, không cơ hội, thực dụng; là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, biết hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích của Tổ quốc, dân tộc và nhân dân; có tinh thần đoàn kết, tương ái, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau; có lối sống trong sạch, gần gũi, gắn bó với quần chúng Nhân dân, gương mẫu, khiêm tốn, giản dị, cầu thị...

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người luôn đề cao vai trò của đạo đức, Người đưa ra rất nhiều tiêu chí về đạo đức để mỗi người, nhất là người cán bộ, công chức phải tu dưỡng, rèn luyện. Người cho rằng: Đức là gốc; là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, như ngọn nguồn sông suối; đức quyết định sự thành công của người cán bộ; phải lấy tinh thần công bộc của dân, đầy tớ của dân mà đối xử với dân... Theo Người, đức của người cán bộ, công chức chính là đạo đức cách mạng; Người coi đạo đức cách mạng là “nền tảng”, là “cái gốc” của người cán bộ, công chức: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”⁽¹⁾.

Đạo đức cán bộ, công chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn có nghĩa là Chính

phủ, cán bộ phải lấy tinh thần là công bộc của dân, đầy tớ của dân mà đối xử với dân, cách hiểu này có thể coi là một đặc trưng tiêu biểu của đạo đức công vụ. Tinh thần đầy tớ của dân một mặt có ý nghĩa là phải tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, mặt khác để nhắc nhở người được giao trách nhiệm đại diện cho Nhân dân phải tận tâm, tận tụy với công việc, với dân, phụng sự nhân dân hết mình như giữ đạo hiếu với cha mẹ vậy. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”⁽²⁾; cán bộ là “công bộc của dân”, là “đầy tớ của dân”; vì “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁽³⁾.

Hành vi đạo đức của cán bộ, công chức được hình thành và phát triển trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là trong hoạt động phục vụ nhân dân, phụng sự sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Vì vậy, sự gương mẫu về đạo đức của cán bộ, công chức là một trong những đặc trưng của nền công vụ mà Chính phủ đang hướng đến, đó là “xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch”⁽⁴⁾. Người có quyền lực càng lớn, địa vị càng cao thì càng phải thường xuyên tu dưỡng và làm gương sáng về đạo đức. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Một điều rất quan trọng nữa là

các đồng chí bộ trưởng, thứ trưởng và cán bộ lãnh đạo phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, phải nêu gương sáng về đạo đức cách mạng: cần kiệm liêm chính, chí công vô tư,... Nếu chúng ta làm gương mẫu và biết lãnh đạo thì bất cứ công việc gì khó khăn đến đâu cũng nhất định làm được”⁽⁵⁾.

Nhận thức vị trí, vai trò quan trọng của đội ngũ cán bộ, công chức hoạt động trong các cơ quan nhà nước, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến giáo dục, nâng cao đạo đức công vụ. Đảng ta đã xây dựng và ban hành rất nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy định, quy chế nhằm quy định rõ hơn trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, đảng viên, trong đó có đội ngũ cán bộ, công chức; những điều cán bộ, công chức không được làm gây ảnh hưởng đến đạo đức, uy tín và danh dự của Đảng, cụ thể như: Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư khóa XI về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”; Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban chấp hành Trung ương về “Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên”; Quy định số 109-QĐ/TW, ngày 03/01/2018 của Ban chấp hành Trung ương về “Công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”; Quy

định 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2008 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về “trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban chấp hành trung ương”; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban chấp hành Trung ương về “Những điều đảng viên không được làm”...

Thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, bên cạnh những chuyển biến tích cực, vẫn còn có những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, sự xuống cấp về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ, công chức; không ít cán bộ, công chức khi thực thi công vụ còn tùy tiện, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, giải quyết công việc cho dân theo kiểu “ban ơn”, chưa làm tròn chức trách, nhiệm vụ của “người đầy tớ trung thành của Nhân dân”; một số cán bộ, công chức thiếu bình đẳng, thiếu tôn trọng dân, chưa thực sự thể hiện mối quan hệ giữa người phục vụ và người được phục vụ; một số cán bộ, công chức tỏ thái độ quan liêu, hách dịch, của quyền khi giải quyết công việc, còn hiện tượng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, chưa tận tụy phục vụ Nhân dân. Một số cơ quan, đơn vị để xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ, cán bộ, công chức bè phái, ghen ghét, đố kỵ, không hợp tác với nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ... Nguyên nhân của những hạn chế này là do một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức công vụ, có tư tưởng tư lợi, chủ nghĩa cá nhân; hệ thống văn bản pháp luật và các quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ vẫn chưa hoàn chỉnh, đồng bộ và còn nhiều bất cập...

Trong giai đoạn hiện nay, mỗi cán bộ, công chức chỉ có thể đóng góp nhiều nhất

cho xã hội nói chung và cho tổ chức, cơ quan, đơn vị nói riêng khi người đó thực sự làm tốt công việc chuyên môn được giao, luôn biết đặt lợi ích của tổ chức lên trên lợi ích cá nhân, thực sự phấn đấu để xây dựng nền hành chính hiệu quả, chuyên nghiệp và trong sạch. Để đạt được mục tiêu này, trước tiên phải có đội ngũ cán bộ, công chức chính quy, chuyên nghiệp và có đạo đức trong thực thi công vụ. Vì vậy, cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Mỗi vị trí việc làm của cán bộ, công chức đều có “tính chất nghề nghiệp” rất khác nhau, vì vậy, ngoài việc tuyên truyền, quán triệt đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng và Nhà nước, cấp ủy Đảng các cấp cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng và ban hành các “chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp”; cụ thể hóa những giá trị đạo đức như cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư... thành những chuẩn mực cụ thể trong hành vi công vụ phù hợp với đặc thù của ngành nghề, lĩnh vực công tác. Đây cũng chính là cơ sở để mỗi cơ quan, đơn vị có tiêu chí cụ thể và thực hiện tốt việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức hàng năm đúng theo năng lực, trách nhiệm và sự cống hiến trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Thứ hai, mỗi cán bộ, công chức phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy, khiêm tốn phục vụ Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Bất kỳ ai, ở địa vị nào, làm công tác gì, gặp hoàn cảnh nào, đều phải có tinh thần trách nhiệm”⁽⁶⁾. Tinh thần trách nhiệm “là khi Đảng, Chính phủ, hoặc cấp trên giao cho ta việc gì, bất kỳ to hay nhỏ, khó hay dễ, ta cũng đưa cả tinh thần, lực lượng ra làm cho đến nơi đến chốn, vượt mọi khó khăn, làm cho thành công”⁽⁷⁾; “Là

nắm vững chính sách, đi đúng đường lối quần chúng, làm tròn nhiệm vụ”⁽⁸⁾. Quán triệt lời dạy của Bác, mỗi cán bộ, công chức khi được giao nhiệm vụ, dù lớn hay nhỏ, dù quan trọng hay không thật sự quan trọng thì cũng phải tuyệt đối nêu cao tinh thần thượng tôn hiến pháp và pháp luật, thực hiện đúng các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của người cán bộ, công chức; phải luôn khiêm tốn trong công việc và trong cuộc sống hàng ngày; trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao phải ý thức sâu sắc về bổn phận, trách nhiệm cá nhân, phải xuất phát từ lợi ích của Nhân dân, xứng đáng là công bộc tận tụy của Nhân dân. Đặc biệt, khi thi hành công vụ, phải luôn luôn trung thực, khiêm tốn, giản dị, ham học, ham làm, ham tiến bộ, quý trọng con người, có tình thương yêu đồng chí lẫn nhau để thật sự là những người cán bộ, công chức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; không tham nhũng, tiêu cực, không lãng phí; không lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để nhũng nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân hoặc trục lợi cá nhân, gây thiệt hại đến lợi ích của xã hội, của tập thể và của người khác.

Thứ ba, mỗi cán bộ, công chức phải ra sức học tập, rèn luyện, không ngừng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác và tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người luôn quan tâm đến việc rèn đức, luyện tài cho đội ngũ cán bộ, công chức, Người không tách đạo đức ra khỏi chuyên môn, mà đòi hỏi, cán bộ, công chức phải “hồng thắm, chuyên sâu”, vừa có đức, vừa có tài, Người nói: “Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm

hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người”⁽⁹⁾. Chất lượng, hiệu quả công việc phụ thuộc rất lớn vào trình độ, năng lực của người cán bộ, công chức. Cuộc sống luôn vận động và phát triển, yêu cầu đặt ra ngày càng cao, do đó, dù ở bất kỳ lĩnh vực nào, muốn hoàn thành nhiệm vụ và nâng cao uy tín của bản thân, mỗi cán bộ, công chức phải thường xuyên nâng cao trình độ, năng lực và tu dưỡng phẩm chất đạo đức. Người có ý thức tôn trọng đạo đức nghề nghiệp là người phải luôn biết rèn luyện bản thân và thể hiện bằng việc làm theo các chuẩn mực về đạo đức xã hội, đạo đức cách mạng; thể hiện ở bản lĩnh và nghị lực. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ, công chức là phải luôn phấn đấu hoàn thiện bản thân về mọi mặt, phải có chí tiến thủ, tinh thần cầu tiến bộ, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; luôn bám sát thực tiễn, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn; có thái độ học tập nghiêm túc, tự nguyện, tự giác, xem việc học tập nâng cao trình độ là một nhiệm vụ mà người cán bộ, công chức phải hoàn thành, để từ đó nêu cao tinh thần chịu khó, vừa học vừa làm, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo trong học tập. Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn, được nhân dân tin nhiệm, tin yêu.

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện, đồng bộ các quy định quản lý cán bộ công chức, tăng cường hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa và xử phạt hành vi vi phạm đạo đức công vụ. Đạo đức công vụ của cán bộ, công chức là yếu tố cốt lõi bảo đảm cho hoạt động của cán bộ, công chức nói riêng và công tác quản lý nhà nước nói chung. Đây vừa là yếu tố cấu thành vừa là yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Trong bối

cảnh hiện nay, việc nâng cao đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức càng trở nên cấp bách, được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Vì vậy, các cơ quan nhà nước cần tiếp tục chú trọng xây dựng và hoàn thiện quy chế công vụ, đạo đức công vụ, thông qua hệ thống pháp luật và các văn bản pháp quy cho từng loại, từng chức danh cán bộ, công chức như: Những chuẩn mực về đạo đức công vụ; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; chuẩn mực về tính hợp pháp của hành vi công vụ; chuẩn mực về ý thức chấp hành pháp luật... Cụ thể hoá những giá trị đạo đức như lòng trung thành, cần, kiệm, liêm, chính... thành những chuẩn mực cụ thể trong hành vi công vụ. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế dân chủ bằng những quy định và chuẩn mực pháp luật, để nhân dân tham gia xây dựng và giám sát hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước. Xây dựng và hoàn thiện quy chế đánh giá cán bộ, công chức (quy trình đánh giá, nội dung đánh giá) theo hướng công khai, dân chủ, có sự tham gia của dư luận xã hội và công dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm soát nội bộ chặt chẽ nhằm phát hiện các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, tham nhũng. Phát huy vai trò giám sát của Nhân dân đối với cán bộ, công chức và hoạt động công vụ, đảm bảo quyền dân chủ cơ sở để Nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ. Trong xây dựng đạo đức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra nguyên tắc “Xây đi đôi với chống”. Để nâng cao đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải xử lý nghiêm minh đối với những cá nhân vi phạm các quy định về đạo đức công vụ; tránh tâm lý “cả nể”, “ngại va chạm” hay xử lý mang tính hình

thức “rút kinh nghiệm và kiểm điểm sâu sắc”. Việc xử lý cần cụ thể, rõ ràng và kịp thời. Cơ quan nhà nước các cấp cần đẩy mạnh việc thực hiện công cuộc phòng, chống tham nhũng mà Đảng và Nhà nước ta đang phát động và thực hiện.

Đạo đức cách mạng nói chung, đạo đức công vụ nói riêng không phải tự thân mà có; muốn có đạo đức tốt phải rèn luyện, tu dưỡng đạo đức suốt đời, rèn từ việc nhỏ đến việc lớn, cán bộ công chức từ cấp thấp đến cấp cao, trách nhiệm càng cao thì càng phải thực hành đạo đức. Vì vậy, mỗi cán bộ, công chức phải tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo các chuẩn mực đạo đức công vụ để trở thành những cán bộ “vừa hồng vừa chuyên” theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh./.

Chú thích:

1. CD-Rom Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tập 5, trX;
2. CD-Rom Hồ Chí Minh *Toàn tập, sđd*, tập 4, tr64,65;
3. CD-Rom Hồ Chí Minh *Toàn tập, sđd*, tập 6, tr323;
4. *Văn kiện ĐHĐB toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tập 1, tr176;
5. CD-Rom Hồ Chí Minh *Toàn tập, sđd*, tập 14, tr. 223;
- 6, 7, 8. CD-Rom Hồ Chí Minh *Toàn tập, sđd*, tập 7, tr 248, 249;
9. CD-Rom Hồ Chí Minh *Toàn tập, sđd*, tập 11, tr399;

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO PHONG CÁCH “NÓI THÌ PHẢI LÀM” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

✧ ThS. NGUYỄN HÀ GIANG
Khoa Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt: Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Nói thì phải làm” là một trong những tư cách đạo đức của người cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng Đảng về đạo đức gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Đảng ta nhấn mạnh giải pháp nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới, trong đó “nói thì phải làm” là chuẩn mực, là trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ đối với mỗi cán bộ, đảng viên.

“**H**ồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã công hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội”⁽¹⁾. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Vì vậy, tại lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu - Trung Quốc, khi giảng về Tư cách người cách mạng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Tự mình phải: Cần kiệm. Hoà mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cần thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chữ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng ham muốn về vật chất. Bí mật”⁽²⁾.

“Nói thì phải làm” là biểu hiện của tính thống nhất giữa tư tưởng và hành động, lý luận và thực tiễn. “Nói thì phải làm” đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải thật sự tâm huyết, đạo đức, trách nhiệm với công việc, với Nhân dân. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cán bộ, đảng viên phải là người xả thân vì công việc; luôn luôn đi tiên phong trong các phong trào quần chúng; nói

được làm được, biết làm việc và làm được việc; suốt cuộc đời làm việc và cống hiến tất cả cho dân tộc. Trước khi ra đi, Người đã để lại rất nhiều tác phẩm, những bài viết, những lời dạy như “Đạo đức cách mạng”, “Sửa đổi lối làm việc”, “Cần kiệm liêm chính”. Nội dung các tác phẩm cho thấy rằng, vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm hàng đầu là phẩm chất, tư cách đạo đức người cán bộ, đảng viên.

Suốt cả cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn phấn đấu làm gương cho thế hệ cán bộ tiếp sau hiểu được sự thống nhất giữa việc nói và làm trong thực thi nhiệm vụ. Người có lối sống rất giản dị, khiêm nhường, từ lời nói đến việc làm, tác phong làm việc ấy tạo ra sự gần gũi và ấn tượng đối với bất cứ ai nếu một lần được tiếp xúc với Người. Người là tấm gương sáng ngời về tiết kiệm, sự tiết kiệm được thể hiện không chỉ bằng lời nói mà bằng hành động, bằng việc làm cụ thể, thiết thực. Người dạy: Đối với mình không tự cao, tự đại, kiêu ngạo mà luôn học hỏi cầu tiến, luôn tự kiểm điểm để sửa điều dở của bản thân; đối với người luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn đoàn kết, thật thà, không dối trá, khoan dung, độ lượng; đối với việc dù hoàn cảnh nào cũng phải giữ nguyên tắc “dĩ công vi

thượng”. Người dạy bất kỳ ai, dù ở địa vị nào, làm công tác gì, gặp hoàn cảnh nào, đều phải có tinh thần trách nhiệm “Phải đề công việc nước lên trên, trước việc tư, việc nhà. Đã phụ trách việc gì, thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi đến chốn, không sợ khó nhọc, không sợ nguy hiểm”⁽³⁾. Trong công việc cũng như cuộc sống lời nói phải đi đôi với việc làm đó là sự bền bỉ, sự công hiến, sự phấn đấu vì đất nước, vì dân tộc, vì Đảng, vì Nhân dân vì mục tiêu cao cả cho sự nghiệp đổi mới đất nước, sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở con người ấy “phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức sẽ không thành công”⁽⁴⁾.

Nói đến tư cách người cách mạng là nói đến những chuẩn mực đạo đức, lối sống, nhân cách, cách làm việc của cán bộ, đảng viên trong thực thi nhiệm vụ cũng như trong cuộc sống thường ngày. Cán bộ, đảng viên “nói thì phải làm”, lời nói phải đi đôi với việc làm, nói được làm được thì được Nhân dân và mọi người hưởng ứng và làm theo. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận quan trọng về công tác xây dựng Đảng và nhấn mạnh xây dựng Đảng về đạo đức, xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên như: Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn

biến”, “tự chuyển hóa”; Kết luận số 03 - KL/TW triển khai Kết luận số 21-KL/TW của BCH Trung ương khóa XIII; Chỉ thị số 03 và 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng ta về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X xác định nhiệm vụ: “Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thực sự tiên phong gương mẫu, có đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao”. Đền Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta xác định: “Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”⁽⁵⁾. Trong đó, chú trọng xây dựng đạo đức là nền tảng làm cho Đảng ta thật sự là đạo đức, là văn minh, trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Các văn kiện của Đảng cũng đã thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức: Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, một số suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm; không tuân thủ nguyên tắc của Đảng; quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, vẫn còn những vấn đề chưa được giải quyết triệt để, nhiều điểm nghẽn chưa được tháo gỡ; nhiều sai phạm của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý; nhiều vụ việc nghiêm trọng xảy ra gây dư luận xấu, ảnh hưởng

đến uy tín, mất lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước ta. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta; chúng xuyên tạc, kích động, chia rẽ hòng làm tan rã Đảng ta, chế độ ta.

Trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới, thách thức mới và mâu thuẫn mới, những vấn đề lớn, phức tạp tiếp tục phát sinh, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh luôn là nhiệm vụ quan trọng của mỗi cán bộ, đảng viên. Tại Hội thảo khoa học quốc gia “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đồng chí Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư chỉ rõ: “Mấu chốt của xây dựng đảng về đạo đức là ở thực hành đạo đức cách mạng, nói đi đôi với làm, thi hành một nền chính trị liêm khiết”⁽⁶⁾. Chính vì vậy, Đại hội XIII của Đảng đã đề ra những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng trong xây dựng Đảng về đạo đức, trong đó nhấn mạnh giải pháp nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới. Những quy định của Đảng là tiền đề xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tình hình mới. Khi đất nước đang từng ngày đổi mới, dân trí ngày càng cao thì những cán bộ, đảng viên nói được làm được, làm tốt và có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt, “có óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh... Phải thật thà nhúng tay vào việc”⁽⁷⁾ sẽ được Nhân dân tin yêu, quý trọng, được tổ chức tin tưởng, đề bạt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng, đối với cán bộ, đảng viên thì phải đi sâu, đi sát cùng nhân dân để hiểu được tâm tư, nguyện vọng và sự thiếu thốn của nhân dân, “cán bộ chính quyền và cán bộ Đoàn

thể địa phương phải cùng nhau bàn tính kỹ càng, cùng nhau chia công rõ rệt, rồi cùng nhau đi giải thích cho dân hiểu, cổ động dân, giúp dân đặt kế hoạch, tổ chức nhân công, sắp xếp việc làm, khuyến khích, đôn đốc, theo dõi, giúp đỡ dân giải quyết những điều khó khăn...”⁽⁸⁾. Cán bộ, đảng viên cũng từ nhân dân mà thành, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, phục vụ dân, quý trọng dân, coi dân như con. Người luôn đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải biết yêu thương đồng bào, kính già, yêu trẻ là tấm gương về sự bao dung và sự tôn trọng con người. Vì vậy, trước nhất việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh. Hai là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: “Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được”⁽⁹⁾. “Phải xung phong thi đua làm, để làm kiểu mẫu cho dân, giúp dân”⁽¹⁰⁾.

Trong giai đoạn hiện nay, phong cách “Nói thì phải làm” của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị trong việc giáo dục tư cách đạo đức người cán bộ, đảng viên. Thực tiễn công cuộc xây dựng đất nước đã có rất nhiều tấm gương về cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, về sự hi sinh, lòng nhân ái đối với con người. Đó là những người đã đem hết đức và tài của mình ra để cống hiến vì sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đem lại sự ấm no về vật chất lẫn tinh thần cho người khác trong xã hội. Bên cạnh đó cũng có không ít cán bộ, đảng viên tha hóa về đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, nói mà không làm, nói nhiều làm ít, cửa quyền, quan liêu, cậy chức cậy quyền, hạch sách, những nhiều Nhân dân làm cho niềm tin và uy tín của Đảng và Nhà nước ta bị giảm sút trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Chính vì vậy, để gánh vác trọng trách xây dựng đất nước, xây dựng một xã hội

Xem tiếp trang 61

NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI VIỆC CHUẨN BỊ CÁN BỘ CHO THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ HIỆN NAY

✻ ThS. NGUYỄN THỊ LAM
Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử, trong đó có vai trò to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong nước, chuẩn bị những tiền đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ. Quá trình chuẩn bị của Nguyễn Ái Quốc đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học quý giá trong công tác xây dựng Đảng nói chung và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc. Sự thất bại của các phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta đã tác động đến nhận thức và dẫn đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước của người thanh niên Nguyễn Tất Thành. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc (Nguyễn Tất Thành) đã tiếp cận được chủ nghĩa Mác-Lênin. Đây chính là sự kiện quan trọng tạo ra bước ngoặt trong lập trường chính trị của Người, là khởi đầu cho hàng loạt các hoạt động chuẩn bị về lý luận chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ cho sự ra đời chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin, Người nhận ra “đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”⁽¹⁾. Tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp (12-1920), với tư cách là đảng viên Đảng Xã hội Pháp, danh nghĩa là đại biểu Đông Dương và các dân tộc thuộc địa,

Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu gia nhập Quốc tế thứ ba - Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Bằng nhiều hoạt động, trong giai đoạn 1921-1929, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam. Vận dụng lý luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã phác thảo những vấn đề cơ bản về đường lối cứu nước đúng đắn của cách mạng Việt Nam: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chủ yếu là công nông, vì vậy phải tổ chức quần chúng lại; cách mạng muốn thành công phải có một Đảng Cộng sản lãnh đạo; phải có đường lối và phương pháp cách mạng đúng; cách mạng giải phóng dân tộc phải liên hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản thế giới... Như vậy, cuộc gặp gỡ của Nguyễn Ái Quốc với chủ nghĩa Mác-Lênin vào năm 1920 là sự kiện đánh dấu việc Người giác ngộ lập trường, quan điểm vô sản và quyết định lựa chọn con đường giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc không chỉ nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết phải có đảng lãnh đạo mà còn chỉ

ra rằng, đảng đó phải là một đảng kiểu mới, tức là phải khác về chất so với các đảng, các hội trước đó.

Từ khi giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, phương hướng hành động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã được xác định rõ ràng: “Chúng ta phải làm gì?... Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”⁽²⁾. Năm 1924, khi đến Quảng Châu (Trung Quốc) hoạt động, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp xúc với một bộ phận những người Việt Nam yêu nước tại đây. Nhận thấy cần tổ chức những người yêu nước ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng tập hợp và tìm cách giảng giải cho họ “hiểu sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không cơ sở”⁽³⁾. Những giải thích của Nguyễn Ái Quốc góp phần to lớn giác ngộ những thanh niên yêu nước. Người đã lựa chọn những người ưu tú nhất, có tinh thần kiên quyết, cách mạng nhất để tiến hành huấn luyện cho họ về phương pháp và cách thức tổ chức, đấu tranh cách mạng. Nguyễn Ái Quốc đặc biệt chú ý tới các thành viên trong tổ chức Tâm Tâm xã (Tân Việt Thanh niên đoàn). Người đánh giá cao tinh thần yêu nước của họ, đồng thời chỉ ra những mặt còn hạn chế của tổ chức này. Người cho rằng, để xây dựng đảng cộng sản, trước hết phải giải quyết tốt vấn đề nhận thức tư tưởng, chính trị và phương pháp tổ chức cho những người yêu nước. Xuất phát từ nhận thức đó Người đã lập ra nhóm Cộng sản đoàn vào tháng 2-1925.

Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) với nòng cốt là nhóm Cộng sản đoàn. Hội đã công bố Chương trình, Điều lệ. Mục đích của Hội là làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế

quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Về tổ chức gồm 5 cấp: Tổng bộ, xứ (kỳ) bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ. Thành phần lúc đầu gồm 90% là trí thức, tiểu tư sản, chỉ có 10% là công nông, về sau trí thức chiếm 40%. Để phục vụ công tác tuyên truyền, Hội đã xuất bản tờ báo *Thanh niên* in bằng chữ quốc ngữ.

Cuối năm 1925, tại trụ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Nguyễn Ái Quốc mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng và đưa họ trở về nước hoạt động trong phong trào công nhân và nhân dân lao động. Lớp huấn luyện lý luận chính trị này do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp tổ chức và giảng dạy. Sau một thời gian dài hoạt động tích cực, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã tổ chức khoảng 10 khóa huấn luyện với khoảng hơn 200 người⁽⁴⁾, tiêu biểu như đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong... Tại các lớp huấn luyện cán bộ, Nguyễn Ái Quốc vừa vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề thuộc địa, vừa nghiên cứu tình hình kinh tế, sự phân hóa xã hội ở Việt Nam và hoạch định những nét chính yếu của con đường cách mạng Việt Nam. Sau một thời gian học tập, các học viên trưởng thành về chính trị, tư tưởng, giác ngộ về tinh thần yêu nước, nhận rõ đường lối, phương pháp của cách mạng Việt Nam. Với tầm nhìn chiến lược và vị thế cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn nhiều thanh niên ưu tú gửi đi học tại Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Những cán bộ được Nguyễn Ái Quốc lựa chọn cử đi học tập, đào tạo sau này đã trở thành những cán bộ chủ chốt của Đảng Cộng sản Việt Nam như đồng chí Trần Phú, đồng chí Lê Hồng Phong; đồng chí Hồ Tùng Mậu...

Đầu năm 1927, những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện cán bộ được Bộ Tuyên truyền của Hội liên

hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản thành cuốn *Đường Cách mệnh*. Trong tác phẩm này, Người đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo của Đảng và tư cách người cách mạng... Tác phẩm là một trong những văn kiện lý luận chính trị đầu tiên, đặt nền móng cho tư tưởng, đường lối cách mạng của Đảng ta. Những cán bộ đầu tiên được Nguyễn Ái Quốc đào tạo đã trở thành những chiến sĩ cộng sản ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, đẩy lùi các khuynh hướng cải lương và dân tộc hẹp hòi của các đảng phái tư sản và tiểu tư sản, đấu tranh chống lại các khuynh hướng “tả” và “hữu” để gây dựng nên một nền tư tưởng “Bôn-sêvích”, thực hiện “Bôn-sêvích hóa” tư tưởng quần chúng, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin giữ vị trí chủ đạo trong phong trào cách mạng. Cùng với việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, những người được giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin đầu tiên đã lăn lộn trong phong trào quần chúng, tổ chức, cổ vũ quần chúng đấu tranh với địch đòi quyền dân sinh, dân chủ, từ đấu tranh kinh tế sang đấu tranh chính trị để giác ngộ quần chúng công nông, chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập các tổ chức tiền thân của Đảng. Nhờ những hoạt động không mệt mỏi của Nguyễn Ái Quốc và những cán bộ cách mạng tiên bối mà điều kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng chín muồi. Hội nghị thành lập Đảng được tổ chức từ ngày 6-1-1930 đến ngày 7-2-1930 tại Hương Cảng dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị đã hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập một đảng cộng sản, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là một mốc son đánh dấu bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài mấy chục năm.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử, trong đó có vai trò rất to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong nước, chuẩn bị những tiền đề về chính trị,

tư tưởng và tổ chức, cán bộ. Về công tác cán bộ, Người đã lựa chọn con người, mở lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng trang bị lý luận cho cán bộ, cử đi học tập nâng cao trình độ, đưa cán bộ vào hoạt động trong thực tiễn và bố trí các vị trí công tác phù hợp với từng người... Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học quý giá trong công tác xây dựng Đảng nói chung và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể:

Thứ nhất, xác định cán bộ là “gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”⁽⁵⁾; “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo lại cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”⁽⁶⁾. Thực tế cho thấy, mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ đều do cán bộ nghiên cứu, đề xuất trên cơ sở tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, đồng thời cũng do cán bộ tổ chức, hướng dẫn Nhân dân thực hiện. Đường lối của Đảng đúng hay sai, tổ chức thực hiện thành hay không đều phụ thuộc vào cán bộ. Nhận thức rõ điều đó, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến công tác cán bộ, nhất là việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết về công tác cán bộ, đưa ra các tiêu chí, tiêu chuẩn cán bộ phù hợp với từng giai đoạn lịch sử như: Nghị quyết số 03-NQ/HNTW ngày 18-6-1997 Hội nghị lần thứ ba BCHTW Đảng (khoá VIII), về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19-5-2018 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định số 214-QĐ/TW ngày

02-01-2020 Quy định “Khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”...

Thứ hai, thường xuyên bồi dưỡng cán bộ vững vàng về chính trị, trong sáng về đạo đức, lập trường cách mạng vững vàng, xây dựng tâm nhìn và tư duy chiến lược, rèn luyện đạo đức cách mạng, tác phong công tác, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, xử lý tình huống. Thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ và năng lực, nhất là năng lực trí tuệ và thực tiễn công tác chuyên môn. Đào tạo, bồi dưỡng toàn diện, thiết thực cả về lý luận và thực tiễn; chú trọng đào tạo chuyên sâu, kết hợp nhiều hình thức, biện pháp; gắn đào tạo, bồi dưỡng với sử dụng cán bộ. Việc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức gắn với chức danh, với quy hoạch và sử dụng cán bộ, nhất là đối với đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, bố trí, sử dụng cán bộ phải đúng người, đúng việc, đúng sở trường nhằm phát huy tốt nhất năng lực của cán bộ; trong bố trí và sử dụng cán bộ bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý với trình độ chuyên môn, lĩnh vực công tác; mạnh dạn bổ nhiệm cán bộ trẻ để họ được rèn luyện, thử thách, trưởng thành và có điều kiện tham gia cấp ủy. Xây dựng kế hoạch và thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy hoạch; xác định số lượng và dự kiến danh sách cán bộ luân chuyển trong cả nhiệm kỳ và từng năm. Đối tượng luân chuyển phải thực sự có năng lực và triển vọng phát triển.

Đại hội XIII của Đảng xác định, phải “tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ Nhân dân và sự phát triển đất nước. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát

triển; có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung. Đồng thời, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, bị xử lý kỷ luật, không còn uy tín đối với nhân dân”⁽⁸⁾.

Quán triệt sâu sắc những bài học về chuẩn bị cán bộ cho thành lập Đảng của Nguyễn Ái Quốc, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có những bước phát triển quan trọng trong nhận thức về công tác cán bộ. Trải qua 93 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự nghiệp cách mạng nước ta đã giành được những thắng lợi vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Nhìn lại chặng đường lịch sử vẻ vang của dân tộc gắn liền với sự trưởng thành, lớn mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta càng cảm phục tư tưởng, tâm vóc và công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt tiến trình cách mạng của đất nước, trong sự chuẩn bị kỹ lưỡng về công tác cán bộ cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự vận dụng sáng tạo, linh hoạt của Đảng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để lãnh đạo đưa đất nước ta ngày càng giàu đẹp, văn minh./.

Chú thích:

- 1, 3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H 2011, tập 2, tr.562, tr.9.
2. Hồ Chí Minh: *sđđ*, tập 1, tr.209
4. Đinh Trần Dương: *Vai trò lịch sử của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2015.tr185
- 5, 6. Hồ Chí Minh, *sđđ*, tr.269 và 240, tr269.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ IX*, Nxb CTQG-ST, H.2001, tr.141
8. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.178-179.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO NỀN DÂN CHỦ MỚI Ở VIỆT NAM

✧ ThS. TRẦN THỊ BÍCH THÚY
Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ là một trong những tư tưởng bao trùm và xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Giá trị dân chủ cũng là một trong những mục tiêu của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập và trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước hiện nay.

Dân chủ là khát vọng và cũng là mục tiêu của cuộc đấu tranh lâu dài của các dân tộc tiến bộ và của loài người. Ở Việt Nam, dân chủ đã sớm được thể hiện thông qua việc xây dựng hương ước, lệ làng và chế độ công điền trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, lịch sử Việt Nam trải qua hàng nghìn năm dưới chế độ quân chủ chuyên chế, kinh tế tiểu nông tự cấp, tự túc đã nên tạo ra một truyền thống dân chủ nửa vời; việc thực hiện dân chủ có nhiều điểm hạn chế, bất cập, chưa toàn diện về nội dung, chưa đồng bộ trong cơ cấu, nặng về dân chủ chính trị, nhẹ về dân chủ kinh tế và dân chủ xã hội, chưa đồng bộ về trách nhiệm và quyền lợi.

Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, Việt Nam là một trong số các nước phong kiến lạc hậu bị thực dân Pháp thôn tính và đô hộ. Để thực hiện âm mưu bóc lột, nô dịch của mình, thực dân Pháp đã thi hành hàng loạt chính sách phi dân chủ, phản dân chủ, để lại những hậu quả to lớn cho dân tộc Việt Nam. Để giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, các cuộc khởi nghĩa đã liên tục nổ ra trên khắp cả ba miền Bắc, Trung, Nam với nhiều khuynh hướng khác nhau nhưng đều thất bại.

Vượt qua sự hạn chế của điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam lúc đó và những hạn chế của các sĩ phu yêu nước đương thời, bằng thiên tài trí tuệ và bằng hoạt động thực tiễn của mình, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường mới cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam. Cũng chính trong hành trình tìm đường cứu nước, hành trang mà Hồ Chí Minh mang theo là giá trị dân chủ sơ khai của dân tộc. Trải qua thời gian sống làm việc, nghiên cứu ở các nước tư bản phát triển nhất, Hồ Chí Minh từng bước tiếp cận, sàng lọc những giá trị dân chủ của nhân loại để xây dựng nên những quan điểm dân chủ tiến bộ mang tính thời đại, phù hợp với lịch sử Việt Nam nhưng nằm trong xu thế tiến bộ của nhân loại.

Trước khi đề cập đến giá trị của dân chủ, Hồ Chí Minh tiêm cận vai trò, vị trí của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, Người cho rằng: “Dân là quý nhất, là quan trọng hơn hết, là tối thượng”; “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”; “Dân là gốc của nước, của cách mạng”; “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân”; “Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên”... Từ việc tiếp cận vai trò, vị

trí của Nhân dân, Hồ Chí Minh đã đi đến khẳng định giá trị của dân chủ. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định xây dựng một Nhà nước Việt Nam kiểu mới, đó là nước “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”. Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đời sống, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁽¹⁾.

Như vậy, nội dung cơ bản và cốt lõi nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ đó là: Nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị - xã hội, thể chế chính trị dân chủ phải bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân, Nhân dân là người có quyền quyết định vận mệnh của quốc gia - dân tộc; Nhân dân phải có trách nhiệm và nghĩa vụ xây dựng, củng cố và thực hành quyền lực của mình thông qua hệ thống chính trị và thể chế chính trị dân chủ, xây dựng và củng cố bộ máy quản lý nhà nước nhằm hướng tới phục vụ lợi ích của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân... Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”⁽²⁾.

Từ việc xác định giá trị của dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến khẳng định: Để thực hiện được dân chủ thì nhất thiết phải xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Ngay từ năm 1927, trong cuốn “Đường Kách mệnh”, Người đã xác định: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số

hiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”⁽³⁾. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước cách mạng được thành lập, Người nhấn mạnh: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Đây là điểm khác biệt về bản chất giữa nhà nước dân chủ Nhân dân với các nhà nước của giai cấp bóc lột từng tồn tại trong lịch sử.

Để xây dựng được nhà nước của dân, do dân, vì dân, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần chú trọng đến mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân. Người đã xác định rõ mối quan hệ giữa Nhân dân và Nhà nước: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽⁴⁾. Nhân dân cần Nhà nước để lãnh đạo và tổ chức lực lượng xây dựng, phát triển đất nước. Còn Nhà nước phải dựa vào mọi nguồn lực của Nhân dân để phục vụ Nhân dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của Nhà nước là nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhà nước phát huy dân chủ đến cao độ mới động viên được tất cả các lực lượng của Nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời, phải tập trung cao độ để thống nhất lãnh đạo Nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bên cạnh việc đề cao dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nêu rõ vai trò của chuyên chính. Dân chủ là cửa quý báu của Nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại... Có dân chủ thì cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn dân chủ. Chính vì lẽ đó, Chủ tịch Hồ Chí

Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng một Nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào cả nước và toàn thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; khẳng định tính hợp pháp của Chính phủ lâm thời. Sau đó, Người tiến hành xây dựng Hiến pháp dân chủ, tổ chức Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong hơn 35 năm đổi mới đất nước, tư tưởng dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục được vận dụng sáng tạo để củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Vấn đề thực hành dân chủ, tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân trong thời kỳ đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được một số kết quả quan trọng, bảo đảm sự gắn bó mật thiết giữa Nhà nước với Nhân dân; sự tham gia của Nhân dân vào đời sống chính trị và quản lý nhà nước ngày càng gia tăng; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có sự phát triển đồng bộ cả về năng lực và phẩm chất, góp phần quan trọng vào xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ đã được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng, kế thừa, bổ sung, phát triển qua các kỳ đại hội. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, tư tưởng đó tiếp tục được kế thừa, phát triển toàn diện, phù hợp với mục tiêu, mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời hướng đến những giá trị dân chủ tiên bộ mà nhân loại đang hướng tới. Vấn đề dân chủ ở Đại hội XIII của Đảng được đề cập đến với tư cách là một nội dung trong phương châm, mục tiêu của Đại hội:

“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”. Trong 6 nhiệm vụ trọng tâm được đề cập trong Văn kiện Đại hội XIII, có 2 nhiệm vụ gắn liền với dân chủ và kỷ cương, đó là: (1) “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”; (2) “Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân; đồng thời, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc”.

Những quan điểm nói trên của Đảng ta đã được thể hiện một cách rõ ràng, khoa học, là sự chỉ đạo quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước phát triển mới của đất nước, định hướng tương lai bằng việc phát huy tối đa dân chủ, là nội dung cơ bản để hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

Tiếp tục quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh và những mục tiêu về dân chủ theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong bối cảnh mới, cần quan tâm thực hiện một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của người dân về quyền và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện dân chủ. Quyền và trách nhiệm có liên quan mật thiết với nhau, không thể chỉ nhấn mạnh quyền mà coi nhẹ trách nhiệm hoặc ngược lại, không chỉ nhấn mạnh trách nhiệm mà coi nhẹ việc bảo đảm quyền làm chủ của người dân. Nhận thức sâu sắc hơn về quan hệ biện chứng giữa dân chủ với pháp luật, kỷ cương.

Thứ hai, nâng cao trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền các cấp trong thực hiện dân chủ. Để nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ, cấp uỷ, chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở phải thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của mình, cũng như trách nhiệm giải trình trước nhân dân địa phương.

Thứ ba, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và quan liêu của cán bộ, công chức, viên chức chính quyền các cấp, các bộ, ngành.

Thứ tư, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp, kiên quyết, xây dựng bộ máy nhà nước thực sự trong sạch, vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân. Tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền dân chủ trực tiếp và các quyền tự do, dân chủ khác.

Thứ năm, đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả việc tổ chức thi hành pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế, bảo đảm thượng tôn pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử phổ biến trong các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, các thiết chế khác trong hệ thống chính trị và trong đời sống thường nhật của cá nhân, doanh nghiệp. Khẩn trương đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và mọi công dân trong việc thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật./.

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 232

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 292

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 64 - 65, 64

(4). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd tập 6, tr.292.

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO...

(Tiếp theo trang 53)

thật sự âm no, hạnh phúc, làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh, sánh vai với bạn bè quốc tế, mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức làm việc trên tinh thần “nói thì phải làm”, nói ít làm nhiều; nêu gương, sẵn sàng từ chức nếu không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; nghiêm túc, thật thà, thẳng thắn, dám làm, dám chịu trách nhiệm; kiên quyết bảo vệ quan điểm đường lối, nền tảng tư tưởng của Đảng; có lòng tự trọng, tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân và rèn luyện chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Có như vậy cán bộ, đảng viên mới đủ năng lực, phẩm chất, uy tín lãnh đạo Nhân dân xây dựng cuộc sống âm no, hạnh phúc, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

Chú thích:

1. Học tập đạo đức Hồ Chí Minh, NXBCTQG - 2007, tr 5

2. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, sđd, t.2, tr 260

3. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, sđd, t.6, tr 131

4. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, sđd, t.2, tr 261

5. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.180.

6. Phát biểu của đồng chí Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư tại Hội thảo khoa học quốc gia “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” (Đăng trên website: dukcqtw.dcs.vn ngày 19/5/2022).

7. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, sđd, t.5, tr 699, tr 699, tr 698, tr 699.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ NGUYỄN TRỌNG MINH QUÂN
Nhân viên Phòng QLĐT & NCKH

Tóm tắt: Tham nhũng, lãng phí và cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí là một trong những vấn đề nóng bỏng, phức tạp nhất ở nước ta hiện nay. Tham nhũng đã và đang đe dọa đến sự tồn vong của Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ giặc ở trong lòng” và biện pháp quan trọng hàng đầu để đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí chính là giáo dục tư tưởng cho quần chúng. Thấm nhuần lời dạy của Người, Đảng ta đã hoạch định đường lối chủ trương, Nghị quyết đúng đắn về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí nhằm góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh và phát huy được quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, là người sáng lập ra Nhà nước Việt Nam hiện đại - Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Là người đứng đầu một Đảng cầm quyền và người đứng đầu Nhà nước, Người sớm nhận rõ được mối nguy hại của các tệ nạn gắn với Nhà nước, với người có chức có quyền, nhất là trong điều kiện người có chức có quyền lại là đảng viên của một đảng cách mạng vừa lãnh đạo thành công cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc xâm lược, giành độc lập cho dân tộc. Là người lãnh đạo đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc chống các bệnh quan liêu, tham ô, tham nhũng, lãng phí... Những bệnh này cũng có thể được Hồ Chí Minh diễn đạt trong một thuật ngữ cổ hơn đó là “bất liêm”, mà ngày nay chúng ta gọi là tham nhũng. Người coi tệ tham ô, lãng phí, quan liêu là giặc nội xâm, là kẻ thù của nhân dân, là “tội lỗi đê

tiện nhất” trong xã hội. Vì vậy, cần phải nghiêm trị các hành vi tham nhũng.

Bệnh tham nhũng trong cán bộ, đảng viên được Hồ Chí Minh diễn đạt trong một thuật ngữ chung nhất là tham ô. Người chỉ rõ bản chất của tham ô là hành vi “*lấy của công làm của tư. Là gian lận, tham lam*”, “*tham ô là trộm cướp*”. “Của công” chính là tài sản của nhân dân, do nhân dân đóng góp, phục vụ mục đích chung là giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước. Bất cứ hành vi nào lấy “của công” làm “của tư” cũng đều là hành vi tham ô... Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là tham ô, ít khi dùng cụm từ “tham nhũng”, nhưng nghĩa cơ bản của hai cụm từ “tham ô”, “tham nhũng” gần giống nhau ở chỗ “*lấy của công dùng vào việc tư*”⁽¹⁾; có lúc Người nói thẳng ra đó là ăn cắp của công, là gian lận, đục khoét của nhân dân, ăn bớt của bộ đội, tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung để làm quỹ riêng, khai gian, lậu thuế... Để tìm rõ nguồn gốc và bản chất của tham nhũng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt câu hỏi: Vì đâu mà có lãng phí và

tham nhũng. Người đã chỉ ra, tham nhũng và lãng phí đều do bệnh quan liêu mà ra: *“Quan liêu là người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng. Đối với công việc thì không điều tra, nghiên cứu kỹ lưỡng. Chỉ đạo thì đại khái, chung chung. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng, tác phong không dân chủ. Sợ phê bình và tự phê bình. Không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách... Vì vậy, ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham ô, lãng phí”*⁽²⁾; *“Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn”*⁽³⁾.

Nói về tác hại của tham nhũng, Hồ Chí Minh khẳng định, tham nhũng là *“bạn đồng minh của thực dân, phong kiến”, “là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội, của Chính phủ”*⁽⁴⁾. Theo Người, tham nhũng, lãng phí có tác hại rất lớn. Trước hết và trực tiếp, nó gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, của nhân dân. Cán bộ được giao quản lý tài sản của Nhà nước, của nhân dân, tài sản do những nước bạn đóng góp, giúp đỡ để phục vụ cho kháng chiến, kiến quốc, nâng cao đời sống của nhân dân. Nhưng do chủ nghĩa cá nhân, tư lợi, một số cán bộ đã tham ô, chiếm đoạt của công, biến của công thành của tư, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, của tập thể, làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà, đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân. Tham ô, lãng phí còn làm tha hoá, suy thoái đạo đức cách mạng của cán bộ, phá hoại tinh thần trong sạch, ý chí vượt khó của cán bộ, nhân dân, xói mòn lòng tin của nhân dân vào

Đảng, Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: phần đông cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên chức ta đều trong sạch, tận tụy, đều mang bản chất, đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính. Họ không ngại gian khổ, hy sinh vì cách mạng, vì nhân dân. Nhưng vẫn còn một bộ phận cán bộ do tham ô, quan liêu, lãng phí, do mưu lợi cá nhân đã thoái hoá, biến chất, không giữ được đạo đức cách mạng. Điều này làm giảm sức chiến đấu của Đảng, giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, làm hại đến sự nghiệp cách mạng.

Trong các bài nói và viết của mình, ngay từ những ngày đầu giành được chính quyền cho đến sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú ý đến việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Người nhìn nhận phẩm chất đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên với một tư duy biện chứng, sâu sắc, toàn diện và nhân văn. Người cho rằng: *“Đảng viên và cán bộ cũng là người. Ai cũng có tính tốt và tính xấu. Song đã hiểu biết, đã tình nguyện vào một Đảng vì dân, vì nước, đã là một người cách mạng thì phải cố gắng phát triển những tính tốt, loại bỏ những tính xấu. Vì tính xấu của một người thường chỉ có hại cho người đó; còn tính xấu của một đảng viên, một cán bộ, sẽ có hại đến Đảng, có hại đến nhân dân”*⁽⁵⁾. Theo Người, chữa trị căn bệnh tha hoá, biến chất, những bệnh tật trong cơ thể người cán bộ, đảng viên, phải có những thang thuốc đặc trị, phải có tinh thần kiên quyết, kịp thời, *“công khai và mạnh dạn gạt bỏ cho thật sạch những ung nhọt ấy thì thân thể càng mạnh khỏe thêm”*⁽⁶⁾; để ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cần phải có những giải pháp đồng bộ và quyết tâm rất cao, vì đây là cuộc chiến đấu rất khó khăn, phức tạp

chống lại cái cũ kỹ, hư hỏng. Tựu trung, Người nêu các giải pháp chính sau đây:

Thứ nhất, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, làm tốt công tác tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng là biện pháp hàng đầu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Người cho rằng trước hết phải đánh thông tư tưởng: “*Phải khai hội đủ mặt mọi người trong cơ quan, đơn vị, trường học, v.v.. để giải thích rõ ràng, nói đi nói lại, cho mọi người đều hiểu: tham ô, lãng phí, quan liêu có hại cho dân cho nước thế nào? Vì sao phải chống những nạn ấy*”⁽⁷⁾. Xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới, bằng việc nêu gương người tốt, việc tốt; những tấm gương đạo đức trong sáng xuất hiện trong cuộc sống và bằng việc khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh, để mỗi người tự giác với trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

Thứ hai, chú trọng công tác cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Khi bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý phải dân chủ, công khai và đầy đủ các tiêu chuẩn đề ra, trong đó tiêu chuẩn về đạo đức cách mạng là quan trọng nhất. Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, muốn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Vì thế, điều kiện tiên quyết để đưa sự nghiệp cách mạng đi tới thắng lợi là phải có cán bộ tốt. Cán bộ là yếu tố quyết định chất lượng của đường lối, chính sách, đặc biệt là vai trò gương mẫu, đi đầu trong thực hiện chính sách. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ chỉ có đạo đức trong sáng cùng lòng nhiệt tình, hăng hái, sẵn sàng hy sinh thì chưa đủ, mà còn phải có năng lực, trí tuệ, biết nhận thức và vận dụng đúng đắn những quy luật của tự nhiên và xã hội vào

hoạt động thực tiễn của mình, có phong cách làm việc dân chủ, tập thể.

Thứ ba, phải công khai, dân chủ, có khen thưởng, có kỷ luật. Công khai, dân chủ là một trong những biện pháp hữu hiệu để phòng, chống tham nhũng. Chế độ mà chúng ta lựa chọn và xây dựng là chế độ dân chủ. Thực hiện tốt dân chủ và công khai sẽ tạo dựng được khối đoàn kết trong cơ quan, đơn vị, đồng thời sẽ tạo môi trường tốt để phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi nạn tham nhũng. Cùng với cơ chế công khai, dân chủ, Hồ Chí Minh coi vấn đề khen thưởng, kỷ luật công minh là một trong những biện pháp quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng. Hồ Chí Minh khẳng định: “*Những ai đã làm đường mà nay biết hối cải thì sẽ được khoan thứ. Những người đã có công thì sẽ được khen thưởng*”⁽⁸⁾, và “*Ai có lỗi mà không thật thà nói ra, sẽ bị kỷ luật. Ai ngăn cản, đe dọa những người kiểm thảo mình, sẽ bị kỷ luật*”⁽⁹⁾.

Thứ tư, thực hiện tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở cán bộ và nhân dân ta muốn chống tham nhũng, lãng phí thì phải thực hiện tự phê bình và phê bình: “*Chính phủ và Đoàn thể hết sức chống bệnh quan liêu, chống tham ô, chống lãng phí. Tất cả mọi người đều phải trông thấy ai sai thì phê bình. Phê bình để sửa chữa, để tiến bộ. Không phê bình là tự làm mất quyền dân chủ*”⁽¹⁰⁾. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình phải được tiến hành thường xuyên, như việc rửa mặt hàng ngày và tạo thành phong trào rộng rãi chống lại nạn tham ô, lãng phí. Đồng thời, Người cũng lưu ý trong quá trình tự phê bình và phê bình phải thành thật. Thường là việc nhận ra khuyết điểm của bản thân mình, của tổ chức mình không dễ dàng, do đó tự phê bình thường khó hơn việc phê bình. Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người không được “giấu

bệnh, sợ thuốc”, nó sẽ giúp cho việc tự phê bình và phê bình có kết quả tốt.

Thứ năm, xây dựng cơ chế chống tham nhũng, lãng phí. Ngày 26/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Quốc lệnh quy định cụ thể 10 điều thưởng và 10 điều phạt, cho quân và dân biết rõ những điều nên tránh, những việc nên làm. Trong đó điều phạt thứ 8 đã quy định: Trộm cắp của công sẽ bị xử tử. Để đấu tranh có hiệu quả chống tham ô, lãng phí, ngày 23/11/1946, Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 64 - SL về việc thành lập Ban Thanh tra đặc biệt. Đến ngày 18/12/1949, Hồ Chí Minh lại ký Sắc lệnh số 138B-SL về tổ chức Thanh tra Chính phủ quy định rõ thêm chức năng thanh tra cả Ủy ban Kháng chiến - Hành chính và viên chức về phương diện liêm khiết. Như vậy, ngay từ những ngày đầu lãnh đạo chính quyền và trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang diễn ra ác liệt, Hồ Chí Minh đã rất quan tâm xây dựng và phát triển Nhà nước cách mạng Việt Nam, để phục vụ cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, việc thành lập một tổ chức chuyên trách đặc biệt chống tham ô thể hiện quyết tâm lớn của Người.

Thứ sáu, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Theo Hồ Chí Minh, mục đích kiểm tra là xem xét các vấn đề phát sinh để phát hiện ưu điểm mà phát huy, những khuyết điểm mà khắc phục, sửa chữa. Kiểm tra là công việc thường xuyên, hàng ngày của lãnh đạo. Người coi công tác kiểm tra như “ngọn đèn pha” giúp người lãnh đạo: “*Bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ chúng ta đều thấy rõ*”⁽¹¹⁾. Để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, Hồ Chí Minh nhắc nhở cán bộ phải “khéo kiểm tra” và kiểm tra phải “khéo”. Phải kết hợp linh hoạt các phương pháp và hình thức kiểm tra, kiểm tra từ dưới lên, từ trên xuống dưới; kiểm tra

thường xuyên, bất thường, định kỳ; kiểm tra trực tiếp, gián tiếp. Trong các hình thức và phương pháp kiểm tra, Hồ Chí Minh đề cao kiểm tra thường xuyên và kiểm tra trực tiếp. Người thường xuyên nhắc nhở các đồng chí ở các bộ, ban, ngành ở Trung ương cần phải thường xuyên đi kiểm tra và giải quyết các công việc tại chỗ, phải chống bệnh giấy tờ, hội họp nhiều.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở nước ta hiện nay. Vận dụng quan điểm của Người, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm lãnh đạo đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Trong giai đoạn hiện nay, theo nhận định của Đảng, tham nhũng, lãng phí, quan liêu đang trở thành một quốc nạn và được thể hiện dưới nhiều hình thức, muôn màu, muôn vẻ, xuất hiện ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều địa phương, thậm chí nó nằm ngay trong các cơ quan bảo vệ pháp luật ở các mức độ khác nhau. Trước những diễn biến phức tạp, tinh vi, khó lường của tham nhũng, lãng phí, trước mắt cần tiến hành đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, bản thân mỗi cán bộ, đảng viên phải ý thức được tác hại tham nhũng đối với lợi ích của đất nước. Mỗi cán bộ, đảng viên cần nâng cao nhận thức về tham nhũng và đấu tranh phòng, chống tham nhũng; phải luôn nhận thức được sự nghiệp cách mạng là của toàn dân, Nhân dân là người có vai trò quan trọng đối với cách mạng; mọi cán bộ trong bộ máy nhà nước phải hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, nếu không sẽ dẫn đến tệ tham nhũng, lãng phí tiền của của dân của nước; nhận thức được căn bệnh chủ nghĩa cá nhân, từ chủ nghĩa cá nhân gây ra lối sống màng danh

vọng, địa vị, ham muốn vật chất gây hại đến lợi ích tập thể, quốc gia. Vì vậy cán bộ, công chức phải nâng cao tinh thần đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; đồng thời, phải tuyên truyền và phổ biến các kiến thức về tham nhũng trong nhân dân; có tinh thần trách nhiệm cao tham gia các cuộc thi tìm hiểu có quy mô lớn về tham nhũng và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Hai là, tự tu dưỡng đạo đức cách mạng phải được coi là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tự giác tu dưỡng rèn luyện đạo đức, tác phong, lối sống. Chất lượng, hiệu quả của giáo dục và tự giáo dục đạo đức phụ thuộc vào nhiều nhân tố. Vì vậy, phải đa dạng hoá và kết hợp các hình thức, phương thức tác động đến sự hình thành những phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên; chú trọng kết hợp giữa nâng cao tri thức đạo đức học Mác - Lênin qua các kênh (trong nhà trường, trong sinh hoạt của tổ chức, qua các đợt thi tìm hiểu, qua các phương tiện thông tin đại chúng...) với rèn luyện đạo đức cách mạng qua các hoạt động thực tiễn. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh là điều cần thiết đối với mỗi cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên cần phải không ngừng học tập để nâng cao trình độ mọi mặt đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới của đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời luôn tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng để trở thành con người hoàn thiện có ích cho xã hội.

Ba là, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn, đạo đức cách mạng, nhiệt tình hăng hái trong công việc. Hồ Chí Minh khẳng định rằng, muôn việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hoặc kém. Trong công tác cán bộ, nhất là tuyển chọn cán bộ, sử dụng cán

bộ, đòi hỏi kết hợp cả đức và tài. Đức của người cán bộ là phải có bản lĩnh, không ngại khó khăn, gian khổ; tài của người cán bộ cần được đánh giá theo từng vị trí công việc và vì thế cần tìm chọn cán bộ có tài phù hợp với yêu cầu sử dụng, cần dựa vào thể mạnh, sở trường, năng lực thực tế để bố trí công việc giúp người cán bộ phát huy hết tài năng của mình. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng, Nhà nước cần phải có chủ trương, chính sách tìm người tài đức, thu hút người tài đức để xây dựng được đội ngũ cán bộ có năng lực, trách nhiệm, có thái độ kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn quan hệ “lợi ích nhóm”, chống đặc quyền đặc lợi; xây dựng hệ thống pháp luật nghiêm minh, có chế tài nghiêm khắc đối với cán bộ, đảng viên có hành vi tham nhũng, lãng phí; có hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể đơn vị đã làm tốt công tác tự kiểm tra phát hiện tham nhũng, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Bốn là, phát huy dân chủ kết hợp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong đấu tranh chống tham nhũng. Hiện nay, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí phụ thuộc rất lớn vào việc phát huy sức mạnh và quyền làm chủ Nhân dân. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, vì vậy, quản lý đất nước không chỉ là việc của cơ quan nhà nước mà còn là của Nhân dân. Chỉ khi nào Nhân dân trực tiếp tham gia vào các khâu, các bước của công tác quản lý nhà nước theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thì khi ấy mới triệt phá tận gốc tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Theo đó, cấp ủy, chính quyền các cấp cần tăng cường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhân dân và phối hợp với các hoạt động

thanh tra Nhà nước; tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa các hình thức đảm bảo quyền làm chủ nhân dân theo hướng dân chủ trực tiếp; động viên đội ngũ cán bộ, công chức sống trung thực, giản dị, lời nói đi đôi với việc làm, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân. Phát huy dân chủ đi liền với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đề thanh trừ tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mọi người dân, trước hết là cán bộ, đảng viên, công chức phải sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; kiên quyết đấu tranh với mọi hiện tượng dân chủ hình thức, vô kỷ luật. Cùng với đó, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, chính trị - xã hội cao cấp đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng giảm các đầu mối trung gian, hội họp, các thủ tục hành chính rườm rà; gần dân, hiểu dân và đáp ứng nhanh nhất những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Năm là, tăng cường kiểm tra, giám sát kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Thực tế cho thấy, việc tăng cường kiểm tra, giám sát kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên là yêu cầu cấp thiết và quan trọng của Đảng, Nhà nước ta. Việc kê khai tài sản đã được quy định trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Ngày 17/7/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2013/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập, trong đó nêu ra mục đích của việc làm này là để cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền biết được tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai, nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người đó; phục vụ cho công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng. Quy định số 85- QĐ/TW, ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đã được đồng đạo cán bộ,

đảng viên và các tầng lớp nhân dân hoan nghênh, kỳ vọng vào tinh thần quyết tâm của Đảng trong đấu tranh phòng chống, tham nhũng, lãng phí.

Có thể thấy rằng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng là một trong những bộ phận quan trọng hợp thành của tư tưởng của Người trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ mới ở nước ta. Thấm nhuần lời dạy của Người, Đảng ta đã hoạch định đường lối chủ trương, Nghị quyết đúng đắn về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí nhằm góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh và phát huy được quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011. Tập 4, tr.65
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* Tập 14, tr.141
- 2, 7, 9, 10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* Tập 7, tr.351, 369, 358, 361, 553.
- 4,8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* Tập 6, tr.490, 467
- 5,11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* Tập 5, tr.259, 637
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* Tập 13, tr.417

MỘT SỐ LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐẠI HỘI XIII LÀ PHI THỰC TẾ, THIẾU NGUỒN LỰC



ThS. NGUYỄN VIỆT SƠN

Phó Trưởng Phòng QLĐT và NCKH

Tóm tắt: Sau hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; bộ mặt đất nước, đời sống của nhân dân thật sự thay đổi; sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN được giữ vững; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng đi vào chiều sâu; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Cội nguồn của các thành tựu đó là do Đảng ta có đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, phù hợp lợi ích, nguyện vọng của nhân dân và xu hướng tất yếu của thời đại.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng đã lãnh đạo đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức của 02 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội và đang tăng cường lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của năm 2023, năm bản lề của nhiệm kỳ và hướng tới các mục tiêu, định phương phát triển đất nước mà Đại hội đề ra. Trong bối cảnh đó, các thế lực thù địch, phản động tăng cường công kích, xuyên tạc, phủ nhận các quan điểm, đường lối, chính sách trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng ta. Chúng rêu rao, xuyên tạc luận điệu cho rằng đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII là chủ quan, duy ý chí, phi thực tế, thiếu nguồn lực... Từ đó quy chụp, cho rằng đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng ta trước đây và hiện nay là sai lầm, nhằm làm mất uy tín và

phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để lập luận, minh chứng cho luận điểm này, chúng đưa ra nhiều lý lẽ khác nhau để tấn công, chống phá như:

Thứ nhất: Các thế lực thù địch, phản động cho rằng, cách tiếp cận, phương pháp xây dựng, hoàn thiện đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII là phi khoa học, không dân chủ, khách quan vì chỉ do một vài cơ quan, cá nhân dự thảo, không dựa trên những tổng kết công khai, công tâm, khách quan.

Thứ hai: Các thế lực thù địch, phản động phủ nhận các nội dung, quan điểm, chính sách của Đảng ta về phát triển kinh tế, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng... Chúng cho rằng: Việt Nam không thể giải quyết được

mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, vì kinh tế thị trường là của chủ nghĩa tư bản, vận động theo các quy luật của chủ nghĩa tư bản, không thể dung hòa và kết hợp được với con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, với định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển vì giữa chúng có sự mâu thuẫn, đối lập thậm chí là đối kháng với nhau. Cùng với đó chúng cũng cho rằng ở Việt Nam không có và không thể giải quyết được quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội bởi vì đây là ba yếu tố rời rạc, không liên quan với nhau; vì chúng ta ngăn cản, cấm đoán “tam quyền phân lập”, “xã hội dân sự” nên không thể giải quyết được mối quan hệ này. Chúng cũng cho rằng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc xác định vị trí, vai trò các thành phần kinh tế là sai lầm, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo là phi thực tế, bao biện, không phù hợp với xu thế phát triển kinh tế hiện nay.

Thứ ba: Để phủ nhận các đánh giá về thành tựu, hạn chế trong phát triển kinh tế xã hội của nước ta trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng, các thế lực thù địch, phản động cho rằng, trong thời gian qua, chúng ta gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế xã hội; chúng thổi phồng những hạn chế, thiếu sót trong phát triển kinh tế ở nước ta, đồng thời cho rằng các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế, phát triển đất nước đến năm 2025, 2030, 2045 trong các văn kiện Đại hội XIII là viển vông, tù mù, hư ảo; các định hướng, giải pháp phát triển kinh tế như định hướng phát triển nhanh, bền vững đất nước, các đột phá chiến lược, các nhiệm vụ trọng tâm... là viển vông, phi thực tế, mang tính chất tuyên truyền, mị

dân, thiếu nguồn lực để thực hiện. Chúng còn cho rằng, Việt Nam không giải quyết được những tồn tại, mâu thuẫn nảy sinh, nhất là trong bối cảnh hiện nay có nhiều khó khăn, thách thức như dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt, biến đổi khí hậu; cho rằng Việt Nam cần từ bỏ hẳn chính sách kinh tế hiện nay, từ bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, chuyển sang phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Thông qua những quan điểm, luận điệu này, các thế lực thù địch, phản động đã bộc lộ dã tâm, mưu đồ đen tối là xuyên tạc, phủ nhận đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng ta nói chung và trong các văn kiện Đại hội nói riêng, từ đó phủ nhận, bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đòi Đảng ta thoái lui, từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản; từ đó gây tâm lý hoài nghi, dao động, giảm sút niềm tin trong nhân dân, đặc biệt là niềm tin vào sự nghiệp phát triển kinh tế của Đảng ta. Qua những lý lẽ đưa ra có thể thấy, đó là những quan điểm, luận điệu hết sức phản động, sai lầm, phi khoa học, không có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn, chứa đựng nhiều mâu thuẫn trong phân tích, đánh giá; nhiều nhận xét là chủ quan vô căn cứ.

Trên cơ sở nhận diện những quan điểm, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, chúng ta đưa ra một số luận cứ phê phán quan điểm đó như sau:

1. Nền tảng tư tưởng, nguyên tắc xác định đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng ta là khoa học, hiện đại và nhất quán

Để khẳng định đường lối, chính sách phát triển kinh tế của một đất nước trong một thời kỳ có đúng đắn, phù hợp với thực tiễn hay không, tiêu chí đầu tiên là nền tảng tư tưởng, nguyên tắc, phương pháp tiếp cận, xây dựng các đường lối, chính sách đó.

Nền tảng tư tưởng, nguyên tắc, phương pháp đó là khoa học, hiện đại, nhất quán thì kết quả là các đường lối, chính sách đó sẽ đúng đắn, khách quan và ngược lại sẽ sai lầm phi thực tế. Có thể khẳng định rằng, đường lối, chính sách kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII được tiếp cận, xây dựng hoàn thiện trên nền tảng tư tưởng nguyên tắc khoa học hiện đại nhất quán, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đó là nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc phương pháp kế thừa, phát triển; kiên định và đổi mới; kết hợp nhuần nhuyễn tổng kết thực tiễn nghiên cứu lý luận.

Thứ nhất, nền tảng tư tưởng để xây dựng, hình thành đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đại hội XIII của Đảng ta là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là những học thuyết khoa học, cách mạng, để chỉ ra bản chất và xu hướng phát triển về kinh tế ở các quốc gia cũng như trên thế giới mà cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và ý nghĩa thời đại, là cơ sở giúp cho Đảng ta nhận thức đúng đắn về bản chất và những quy luật kinh tế trong thực tiễn sinh động phát triển đất nước hiện nay, từ đó đề ra đường lối chính sách phát triển kinh tế phù hợp khoa học.

Thứ hai, nguyên tắc, phương pháp kế thừa và phát triển đường lối, chính sách phát triển kinh tế của các văn kiện Đại hội XIII đã kế thừa phát triển những nội dung cơ bản, những nhận định, đánh giá, dự báo, quan điểm, mục tiêu, những định hướng lớn về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế... trong văn kiện của Đảng trong thời kỳ đổi mới, nhất là Đại hội XI, XII mà đến thời điểm hiện tại vẫn còn nguyên giá trị; đồng thời bổ sung phát triển những vấn đề, nội dung mới phù hợp yêu cầu và những xu hướng phát triển của thực tiễn thế giới và đất nước.

Thứ ba, nguyên tắc, phương pháp kiên định và đổi mới. Đường lối chính sách phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII thể hiện sự kiên định, nhất quán, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Sự kiên định còn được thể hiện ở việc khẳng định nền kinh tế nước ta được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa để định hướng, chi phối việc phát triển nền kinh tế hướng tới các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Đồng thời, những đường lối, chính sách này cũng thể hiện quá trình liên tục cập nhật, bổ sung những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước, là bước phát triển cao hơn về đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng ta nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của giai đoạn mới.

Thứ tư, nguyên tắc phương pháp kết hợp nhuần nhuyễn tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận. Trước hết, phải khẳng định rằng các đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, được xây dựng công phu, nghiêm túc trên cơ sở chặt chẽ, tổng hợp, tích hợp kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đại hội XIII là kết quả của việc tổng kết các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhân dân, của các chủ thể trong nền kinh tế; là sự tổng hợp, tổng kết thực tiễn toàn diện, hệ thống, bài bản trong quá trình phát triển kinh tế ở nước ta trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp độ qua 35 năm đổi mới, 30 năm

thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), nhất là trong 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội XII, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng ta. Trong đó, có nhiều những mô hình mới, kinh nghiệm hay, những gương điển hình tiên tiến từ thực tiễn trong nước và thế giới được đúc rút, nâng tầm lý luận, truyền tải vào các văn kiện Đại hội XIII.

Bên cạnh đó, các văn kiện Đại hội XIII của Đảng còn là kết quả chất lọc về nghiên cứu lý luận của các chương trình, đề tài, đề án, công trình nghiên cứu... do các nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học thuộc các cơ quan, viện, trung tâm nghiên cứu hàng đầu của cả nước thực hiện như Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội... Nhiều nội dung nghiên cứu mới, những xu hướng vận động mới trong đời sống kinh tế được làm rõ ở các công trình nêu trên được phản ánh, đưa vào trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

2. Cách thức, các bước xây dựng, xác định đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng bảo đảm tính khoa học, dân chủ, khách quan.

Nội dung đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong văn kiện Đại hội XIII không phải là sản phẩm riêng có của một cá nhân, tổ chức nào. Nó là kết quả của việc trao đổi, cân nhắc, thảo luận, tranh luận nhiều chiều, nhiều vòng từ tổ biên tập, tiểu ban, đến Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương; được sự góp ý, tham gia của đông đảo các cơ quan quản lý, các trung tâm nghiên cứu, đào tạo, các cán bộ lão thành, các bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu, các nhà khoa học, những người hoạt động thực tiễn trên nhiều lĩnh vực; được lấy ý

kiến sâu rộng của các cấp ủy đảng, của cán bộ, đảng viên, Nhân dân thông qua đại hội đảng bộ các cấp, qua Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội với nhiều hình thức rất phong phú. Cuối cùng, đường lối chính sách này được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thảo luận, góp ý, hoàn chỉnh và biểu quyết thông qua. Như vậy, nội dung các báo cáo thật sự là kết tinh của tinh thần dân chủ phản ánh những vấn đề được đa số đồng tình, nhất trí; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, chưa đủ độ chín chưa đưa vào các văn kiện, tiếp tục được nghiên cứu, thảo luận không gượng ép, không võ đoán.

3. Nội dung trình bày trong các văn kiện, nhất là các nhận định, đánh giá, dự báo, những định hướng về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp là khoa học, chính xác, khả thi, không tô hồng, không bôi đen, phản ánh đúng thực tế khách quan, trong đó có nhiều điểm, nội dung mới phù hợp với thực tiễn và bối cảnh hiện nay.

Dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong các văn kiện Đại hội XIII đã chú trọng phân tích, cập nhật những vấn đề mới, biểu hiện mới, xu hướng mới, yêu cầu mới, thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức đặt ra đối với đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển nhanh, sâu rộng; tình hình thế giới, khu vực thay đổi nhanh, có nhiều đột biến, đặc biệt là sự tác động toàn diện mạnh mẽ của khủng hoảng kinh tế, xã hội toàn cầu, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, già hóa dân số và đại dịch Covid-19.

Đánh giá thành tựu, hạn chế trong phát triển kinh tế của đất nước ta trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng là những đánh giá khách quan, khoa học, phản ánh đúng tình hình đất nước, không tô hồng, không bôi đen. Các văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định toàn Đảng, toàn

dân, toàn quân ta thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế vĩ mô ổn định, làm phát được kiểm soát, tăng trưởng được duy trì ở mức khá cao; Tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Đây là động lực, nguồn lực quan trọng để đất nước ta vượt qua khó khăn, thách thức, phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới. Tuy nhiên, Đảng ta cũng thẳng thắn thừa nhận và chỉ ra những hạn chế bất cập trong phát triển kinh tế: Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước và còn nhiều khó khăn, thách thức, nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn; việc phát triển đồng bộ các vùng, miền, địa phương trên cơ sở phát huy tiềm năng lợi thế của từng vùng vẫn còn nhiều hạn chế; xu hướng già hóa dân số, đô thị hóa tăng nhanh, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng ngày càng lớn đến sự phát triển của đất nước... Những hạn chế, bất cập này được Đảng ta xác định cần kiên quyết khắc phục và giải quyết trong thời gian tới.

Về mục tiêu phát triển kinh tế của Đại hội XIII, ngoài việc xác định mục tiêu cho nhiệm kỳ 5 năm tới, Đại hội XIII còn xác định mục tiêu cho Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Các mục tiêu được Đại hội XIII nêu ra là hoàn toàn đúng đắn, phù

hợp, khả thi, vừa thể hiện bản chất khoa học trên cơ sở xác định vị thế của Việt Nam sau 35 năm đổi mới đã đạt được, bối cảnh quốc tế và trong nước đang đặt ra những cơ hội và thách thức trong thời gian tới, vừa thể hiện sự cụ thể hóa cho từng giai đoạn và khát vọng phát triển đến giữa thế kỷ XXI Việt Nam phấn đấu trở thành quốc gia phát triển, hùng cường, thịnh vượng.

Định hướng, nội dung phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII đã tiếp tục khẳng định những nhận thức đúng đắn của Đảng ta được thực tiễn chứng minh, đồng thời bổ sung những nhận thức, cách tiếp cận theo tư duy mới về quan điểm chỉ đạo, vì mục tiêu phát triển, về định hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn, về nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược nhằm phát triển đất nước nhanh, bền vững... Trong đó, một số nội dung mới là sự phản ánh, cập nhật, phát triển sáng tạo những vấn đề kinh tế mới này sinh từ bối cảnh và thực tiễn đất nước ta hiện nay. Tiêu biểu là những nhận thức, quan điểm mới về việc đề cao vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số... trong đổi mới mô hình tăng trưởng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới; việc cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng; về mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong vận hành nền kinh tế...

Ngoài ra, các văn kiện Đại hội XIII cũng nêu rõ một số khâu đột phá và định hướng giải pháp khả thi, thiết thực, có đầy đủ cơ sở, điều kiện, nguồn lực để thực hiện

thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước; hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội...

4. Về thực tiễn, đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII ngay từ khâu dự thảo đã được Nhân dân đón nhận, quan tâm tham gia đóng góp ý kiến, đồng thời thể hiện sự nhất trí về cơ bản, được hoan nghênh, đánh giá cao.

Phương pháp tiếp cận, xác định đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong các văn kiện Đại hội XIII hoàn toàn đúng đắn, khoa học, trên cơ sở nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo các nguyên tắc kế thừa và phát triển, kiên định và đổi mới, kết hợp thực tiễn và lý luận, đồng thời, những quan điểm, nội dung đường lối, chính sách phát triển kinh tế bám sát hơi thở cuộc sống, thực tiễn, phản ánh đầy đủ, khách quan những đòi hỏi thực tế trong công cuộc phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay. Vì vậy, đường lối, chính sách đó đã được Nhân dân đón nhận, quan tâm tham gia đóng góp ý kiến. Phát biểu tại phiên bế mạc Hội nghị Trung ương 14 khóa XII, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Việc chuẩn bị dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần này được tiến hành rất công phu, bài bản, chu đáo, qua nhiều lần, nhiều vòng, từng bước hoàn thiện, có nội dung mới, tiến bộ về chất so với trước; quán triệt sâu sắc nguyên tắc kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiên định và đổi mới, giữa kế thừa và phát triển; trên cơ sở phát huy tối đa dân chủ, trân trọng lắng nghe ý kiến đóng góp của các nhà

khoa học, cán bộ, đảng viên và nhân dân; lựa chọn, chất lọc, tham khảo các đề xuất tâm huyết, trách nhiệm; kết tinh trí tuệ và sức sáng tạo của toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta... Văn kiện trình Đại hội của Đảng lần này có nhiều nội dung đổi mới và điểm nhấn quan trọng..., từ cách tiếp cận, mục tiêu phát triển, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, dự báo tình hình thế giới và trong nước, hệ thống các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo cho đến các định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược đã thể hiện được những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, chủ trương, phương hướng lớn, cho thấy tầm nhìn, tư duy chiến lược của đảng, khát vọng phát triển của dân tộc và quyết tâm chính trị của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Như vậy, luận điệu cho rằng đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đại hội XIII là phi thực tế, thiếu nguồn lực là chủ quan không có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, luận điệu này đã dựa trên những phân tích nhận xét phi khoa học, không logic, không hệ thống và không toàn diện. Về thực tiễn, quan điểm này cũng phiến diện, mang tính chất cứng nhắc, quy chụp, không thấy rõ hoàn cảnh lịch sử cụ thể các thành tựu, kỳ tích trong phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng thời gian qua.

Có thể nói, những thành tựu từ thực tế sinh động của đất nước, những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, Nhà nước, sự đoàn kết, đồng lòng của Nhân dân chính là sức mạnh chính nghĩa “cuốn phăng”, “nhấn chìm” những ý đồ đen tối, những âm mưu xuyên tạc hòng phá hoại đất nước, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỮNG CHẮC ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. PHAN BÁ LINH

Phó trưởng khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Với lòng yêu nước, thương dân, Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước và quyết chí giành lại quyền cơ bản cho nhân dân Việt Nam. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc và hiểu sâu sắc chân lý quyền con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn xây dựng, củng cố, mở rộng quyền con người trên mọi phương diện của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nền tảng để Đảng cộng sản Việt Nam, trong đó có Đảng bộ Hà Tĩnh, đấu tranh vì độc lập dân tộc, giải phóng con người và bảo vệ quyền con người; cho tự do, dân chủ, dân sinh, công bằng và tiến bộ xã hội. Đó cũng là nền cơ sở vững chắc để Đảng ta đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về quyền con người.

Vấn đề xuyên suốt, cốt lõi trong toàn bộ di sản Hồ Chí Minh, chi phối tư tưởng và hành động của Người là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹⁾. Chúng kiến cảnh nước mất, nhà tan, nhân dân cực khổ, làm than, quyền làm người bị khinh rẻ, chà đạp, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân, quyết chí giành lại quyền cơ bản cho con người Việt Nam.

Trên nền tảng giá trị yêu thương, quý trọng con người của dân tộc, Hồ Chí Minh lựa chọn, tiếp nhận tinh hoa của nhân loại về quyền con người. Người tán thành những quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền bình đẳng... mà lý thuyết phương Tây nêu ra, bởi đó là “những lẽ phải không ai chối cãi được”. Đồng thời,

Người cũng vạch trần, ở các nước thuộc địa, thuyết phương Tây chỉ là các mỹ từ, châm ngôn sáo rỗng mà bọn thực dân sử dụng để che đậy tâm địa của chế độ phi nhân tính, phản nhân văn, chà đạp các giá trị của con người. “Chưa bao giờ, ở một thời đại nào, ở một nước nào, người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách độc ác, trơ tráo đến thế”⁽²⁾.

Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc và hiểu sâu sắc chân lý quyền con người. Chân lý ấy chỉ ra rằng, chỉ đấu tranh giành được độc lập và quyền tự quyết cho dân tộc mới có thể đem lại “quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁽³⁾ cho cá nhân con người. Đặc biệt, để những quyền đó được bảo đảm với những giá trị cao nhất, đầy đủ, chắc chắn nhất thì độc lập dân tộc phải phát triển lên

chủ nghĩa xã hội. Bởi chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất có thể giải phóng triệt để dân tộc khỏi thân phận nô lệ, bất công xã hội, bất bình đẳng giai cấp, đói nghèo và mông muội; giải phóng triệt để con người, đem lại tự do, sự ấm no và sống một đời hạnh phúc cho mọi người.

Sau khi đất nước độc lập, trên cương vị Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng, Hồ Chí Minh đã phấn đấu hết mình, vừa không ngừng củng cố, xây dựng, mở rộng quyền con người trên mọi phương diện; vừa thể chế hóa bằng hiến pháp, pháp luật và bảo đảm, bảo vệ bằng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Hiến pháp năm 1946 và năm 1959 do Người làm Trưởng ban soạn thảo, các đạo luật, sắc lệnh do Người ký ban hành đã khẳng định tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về: dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, bình đẳng trước pháp luật...

Về quyền dân sự - chính trị: Con người được tôn trọng danh dự, nhân phẩm, tài sản; quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; quyền sở hữu; quyền bầu cử, ứng cử...

Về quyền kinh tế: Quyền phát triển tự do, bình đẳng của các thành phần kinh tế; quyền tư hữu tài sản của công dân; quyền đảm bảo về thu nhập, phân phối...

Về quyền văn hóa, xã hội: Quyền có việc làm; quyền được học tập nâng cao dân trí; quyền được khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; quyền được tiến hành các hoạt động văn hóa; quyền tự do ngôn luận...

Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo; quyền của các nhóm dễ bị tổn thương: Quyền của phụ nữ, quyền các dân tộc thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, quyền của trẻ em... Quyền con người, quyền công dân luôn gắn chặt với nghĩa vụ công dân.

Để đảm bảo thực hiện các quyền con người, theo Hồ Chí Minh cần phải hội tụ được các điều kiện, đó là: Kiên định con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trong giải quyết vấn đề quyền con người; phát huy dân chủ; phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân... Đặc biệt, cần xây dựng thành công nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Cụ thể:

Nhà nước của Nhân dân: Là nhà nước trong đó Nhân dân là chủ, là người có địa vị cao nhất, có quyền lực cao nhất và có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh dân tộc, đất nước. Hiến pháp năm 1946 do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban soạn thảo khẳng định: “Nhà nước Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”.

Nhà nước do Nhân dân: Nghĩa là nhà nước đó do Nhân dân lựa chọn, bầu ra những đại biểu của mình, Nhân dân làm chủ, Nhân dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để Nhà nước hoạt động và Nhân dân tham gia vào công việc của Nhà nước.

Nhà nước vì Nhân dân: Nhà nước đó luôn phục vụ cho lợi ích và nguyện vọng của Nhân dân, không có đặc quyền, đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Trong nhà nước đó, cán bộ là “công bộc” của dân. Vì vậy, việc gì có lợi cho dân dù nhỏ mấy cũng phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ mấy cũng phải hết sức tránh. Cán bộ của nhà nước phải là những người biết đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân, bảo vệ

Nhân dân và không được vi phạm đến các quyền con người và quyền công dân trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình.

Thông nhất giữa nói và làm, giữa tư tưởng và hành vi, giữa lý luận và thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng, trọn vẹn về nhân quyền và cuộc đấu tranh cho quyền con người. Trong suốt cuộc đời, Người đã dồn hết tâm lực, trí tuệ để lãnh đạo nhân dân giành độc lập cho dân tộc, giành quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng, phát triển đất nước để mang lại hạnh phúc và quyền làm người cho toàn dân, làm cho Việt Nam trở nên giàu mạnh, hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Đảng cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo. Từ khi ra đời đến nay, Đảng luôn đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập dân tộc, giải phóng con người, bảo vệ quyền con người; cho tự do, dân chủ, dân sinh, công bằng và tiến bộ xã hội. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, của hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại đã tạo ra những tiền đề cơ bản cần thiết để thực hiện và phát triển quyền con người một cách toàn diện.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt trong sự nghiệp đổi mới, tiếp tục vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta luôn đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách, coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của phát triển. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nhà nước ta là “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân... Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân... Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con

người, quyền công dân” (Điều 1, Điều 2, Điều 3). Hiến pháp năm 2013 cũng đã dành Chương II với 36 điều quy định về quyền con người và nghĩa vụ công dân - Đây là cơ sở pháp lý cao nhất để mọi người được hưởng thụ, thực hiện và bảo vệ quyền con người của mình. Đặc biệt, Điều 14 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”; Điều 16 Hiến pháp ghi nhận về quyền bình đẳng trước pháp luật: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”. Bên cạnh quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền sống là một trong những quyền cơ bản nhất của con người: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật” (Điều 19). “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm” (Điều 20)... Những nội dung này cho thấy, công dân và mọi người được hưởng các quyền con người một cách mặc nhiên và Nhà nước có nghĩa vụ công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp và pháp luật...

Sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, nhận thức về con người của Đảng và Nhà nước ta “ngày càng toàn diện sâu sắc hơn”; “Phát triển con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã

hội”⁽⁴⁾. Việt Nam đã tích cực tham gia đầy đủ các công ước quốc tế cơ bản, quan trọng nhất về quyền con người, như Công ước về quyền dân sự, chính trị; Công ước về quyền kinh tế - xã hội và văn hóa; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước về quyền trẻ em... Thành công trong việc phát huy quyền con người còn được thể hiện thông qua hệ thống chính sách an sinh xã hội không ngừng được hoàn thiện và mở rộng đối tượng thụ hưởng góp phần cải thiện đời sống của nhân dân; “tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn dưới 3%; nhà ở được quan tâm; đã hoàn thành mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ”⁽⁵⁾. Một trong những bài học kinh nghiệm quý báu mà Đảng ta đúc kết đó là: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”⁽⁶⁾.

Sau 30 năm tái lập, Hà Tĩnh “đã đạt được những kết quả có tính lịch sử; từ một tỉnh nghèo, điểm xuất phát thấp đã vươn lên đứng trong top các tỉnh dẫn đầu khu vực”⁽⁷⁾. Quy mô nền kinh tế tăng gấp 95 lần; GRDP bình quân đầu người tăng hơn 100 lần, thu ngân sách nội địa tăng hơn 190 lần; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3%; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên và “trở thành động lực nội sinh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”⁽⁸⁾... Thành tựu đó là những minh chứng sinh động về sự cố gắng, nỗ lực của Hà Tĩnh trong việc đảm bảo mỗi người dân có thể được thụ hưởng đầy đủ nhất quyền con người của mình, từ quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, đến quyền dân sự, chính trị, quyền của các

nhóm dễ bị tổn thương, “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Đây là nền tảng vững chắc để trong những giai đoạn tiếp theo, Hà Tĩnh quyết tâm thực hiện phương hướng, mục tiêu phát triển bền vững “lấy con người làm trung tâm;... khơi dậy khát vọng, ý chí, đổi mới sáng tạo, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, con người Hà Tĩnh”⁽⁹⁾, phấn đấu đến năm 2030, xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh khá của cả nước.

Trong Tuyên ngôn Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc năm 2000 có 8 mục tiêu, trong đó, nhiều nội dung về quyền con người đã được Hồ Chí Minh quan tâm thực hiện hơn nữa thế kỷ trước. Điều đó chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị và tiếp tục soi sáng con đường đấu tranh bảo vệ quyền con người trong thời đại hiện nay; là nền cơ sở vững chắc để chúng ta đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về quyền con người, đồng thời “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, quê hương phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”⁽¹⁰⁾.

Chú thích

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t4, tr.187, tr.1

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t1, tr.406

4,5,6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, t1, tr.65, tr.27-28, tr.65-66, tr.336

7,8,9. Tỉnh ủy Hà Tĩnh: *Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Tĩnh - năm 2021, tr.61,91,94

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, sđd*, t2, tr.336.

TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG GIẢNG DẠY PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị không ngừng chống phá, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng ta với các phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế, hòng xoay chuyển quỹ đạo phát triển của nước ta đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, trong giảng dạy lý luận chính trị nói chung, phần Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói riêng cần chú trọng tích hợp nội dung đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Nghị quyết 35-NQ/TW chỉ rõ: “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ Nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó đội ngũ giảng viên lý luận chính trị là lực lượng đóng vai trò nòng cốt, trực tiếp.

Theo Quyết định số 292-QĐ/HVCTQG, ngày 21/01/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phần Kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị được bố trí thành 3 bài, đề

cập đến những vấn đề cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong thời kỳ quá độ: Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa từ trình độ phát triển kinh tế lạc hậu; đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Các thế lực thù địch hiện nay đang tập trung phản bác, xuyên tạc về kinh tế thời kỳ quá độ, đường lối phát triển kinh tế của Đảng ta, trọng tâm là xuyên tạc quan điểm kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, tuyên truyền tính ưu việt của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Chúng cho rằng kinh tế thị trường là của chủ nghĩa tư bản, vận động theo các quy luật của chủ nghĩa tư bản; kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa là những yếu tố đối lập nhau, loại trừ nhau; nếu bỏ “cái đuôi”

định hướng xã hội chủ nghĩa thì nền kinh tế đất nước còn phát triển nhanh hơn, đạt được kết quả còn lớn hơn nhiều. Qua đó, chúng đưa ra luận điểm chỉ có một phương án duy nhất là phát triển thành kinh tế tư bản chủ nghĩa. Không những vậy, chúng còn cho rằng, Việt Nam đang “xoay trục” sang phát triển kinh tế thị trường theo hướng tư bản chủ nghĩa bằng việc xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, trong khi vẫn tuyên truyền, mị dân bằng cách sử dụng các từ ngữ, khái niệm của chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, trước thực trạng một số doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, chúng khuếch đại lên để hòng tạo ra sự hoài nghi, mất niềm tin vào vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Chúng tìm mọi cách tác động nhằm chuyển hóa hệ thống pháp luật kinh tế, thúc đẩy chuyển hóa cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh quá trình tư nhân hóa kinh tế, tước bỏ vai trò điều hành nền kinh tế của nhà nước, từ đó thúc đẩy, chuyển hóa nền kinh tế sang quỹ đạo tư bản chủ nghĩa.

Những luận điểm trên đã bộc lộ mưu đồ đen tối là xuyên tạc đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; gây tâm lý hoài nghi, dao động, thiếu niềm tin trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến sự thống nhất nhận thức, tư tưởng trong xã hội.

Đề đầu tranh phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy phần Kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, mỗi giảng viên phải nghiên cứu, nắm chắc kiến thức cơ bản, cốt lõi của bài để lý giải từ góc độ lý luận và làm rõ thực tiễn Đảng ta đã vận dụng như thế nào. Bài 15 cần nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí

Minh về thời kỳ quá độ, khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước có trình độ phát triển kinh tế còn lạc hậu. Trong bài này, giảng viên cần làm rõ quan điểm của các nhà kinh điển khẳng định chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ được thay thế bằng xã hội tiến bộ hơn; chỉ ra những bước quá độ lâu dài, khó khăn, phức tạp của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản; bản chất của sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Bài 16 cần làm rõ mối quan hệ giữa tính quy luật chung và tính đặc thù của nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bài 17 phải chỉ ra những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của thời kỳ quá độ đó là phát triển lực lượng sản xuất; từng bước xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Từ những nội dung cơ bản trên, giảng viên cần phân tích, làm rõ Đảng ta đã vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế ở Việt Nam qua các thời kỳ khác nhau như thế nào.

Hai là, khi khẳng định các luận điểm của các nhà kinh điển hay của Đảng ta, giảng viên cần có quan điểm khách quan, khoa học, không được “bôi đen”, hay “tô hồng” trước một hiện tượng kinh tế đang diễn ra. Cần lý giải vấn đề đó trên góc độ lý luận và cần làm rõ thực tế đang diễn ra như thế nào. Ví dụ, khi phân tích luận điểm của các thế lực thù địch cho rằng một số doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ làm mất đi vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, giảng viên cần làm rõ các yếu tố cấu thành của kinh tế nhà nước, chỉ ra doanh nghiệp nhà nước chỉ là một trong những yếu tố cấu thành của kinh tế nhà nước. Mặt khác, số doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ (khoảng 9%) trong tổng số doanh nghiệp nhà nước và trên thực tế có nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn hiệu quả kinh tế rất cao như tập đoàn Viettel, Tân cảng Sài Gòn,...

Ba là, giảng viên cần tập trung làm rõ những nội dung các thế lực thù địch đang tập trung xuyên tạc, chống phá, đồng thời định hướng, truyền cảm hứng cho học viên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Vì vậy, qua các bài giảng phần Kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giảng viên cần làm rõ kinh tế thị trường có phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản? kinh tế thị trường ra đời từ bao giờ? Điều kiện nào để kinh tế thị trường ra đời? Những đặc trưng chung của kinh tế thị trường để chỉ rõ định hướng xã hội chủ nghĩa không phải là “cái đuôi” của kinh tế thị trường.

Trước hết, nguồn gốc và bản chất của kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa, chịu sự tác động các quy luật (quy luật giá trị, cạnh tranh, cung - cầu...) của kinh tế hàng hóa và đó cũng là các phạm trù, quy luật của kinh tế thị trường. Các phạm trù, quy luật này có trước chủ nghĩa tư bản, được chủ nghĩa tư bản sử dụng để phát triển kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Do đó, kinh tế thị trường có thể tồn tại và thích ứng với nhiều hình thái xã hội khác nhau, không phải là sản phẩm “riêng có” của chủ nghĩa tư bản. Kinh tế thị trường được xác định là sản phẩm chung của văn minh nhân loại.

Như vậy, kinh tế thị trường là một giai đoạn phát triển tất yếu của lịch sử mà bất cứ nền kinh tế nào cũng phải trải qua để đạt tới nấc thang cao hơn trên con đường phát triển. Đối với Việt Nam, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhất định phải phát triển kinh tế thị trường, sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là xã hội tương lai, một xã hội bảo đảm các điều kiện phát triển toàn diện của con người. Vì vậy, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã

hội chủ nghĩa ở nước ta là sự nắm bắt và vận dụng xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay. Mặt khác, không có nền kinh tế thị trường chung cho mọi quốc gia, không phải là một cơ chế hoàn hảo. Do đó, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là để phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một tất yếu, khách quan.

Thứ hai, kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa không phải là những yếu tố đối lập nhau, loại trừ nhau; định hướng xã hội chủ nghĩa không phải là “cái đuôi” của kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, tiêu dùng... chịu sự tác động các quy luật kinh tế hàng hoá. Qua đó, buộc các chủ thể kinh tế trong sản xuất phải năng động, sáng tạo, hợp lý hóa tổ chức sản xuất; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, tăng năng suất lao động... thực chất để giảm chi phí, tăng chất lượng, mẫu mã hình thức, tăng sức cạnh tranh, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, kinh tế thị trường có những mặt trái, tiêu cực như: cạnh tranh không lành mạnh, cắt xén tiền công người lao động, phân hóa xã hội, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường... Đây là mặt trái của cơ chế tự điều tiết của thị trường trong nền kinh tế thị trường. Vì vậy, ngày nay nền kinh tế thị trường hiện đại phải có quản lý của nhà nước, nhằm phát huy mặt tích cực của kinh tế thị trường mang lại và hạn chế thấp nhất mặt tiêu cực. Ở Việt Nam, phát huy vai trò quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng tuân theo các quy luật thị trường, Nhà nước tạo khung khổ pháp luật cho cạnh tranh; bảo vệ, thúc đẩy, tôn trọng cạnh tranh lành

manh; ngăn ngừa, hạn chế độc quyền cản trở cạnh tranh và chống lại các hoạt động cạnh tranh không lành mạnh; điều tiết và giải quyết các thất bại của thị trường; khắc phục những mất cân đối lớn, khủng hoảng chu kỳ do tự điều tiết của cơ chế thị trường gây ra. Định hướng xã hội chủ nghĩa ở đây phải được hiểu là nhằm phát huy tốt nhất những mặt tích cực của kinh tế thị trường, hạn chế tối đa mặt tiêu cực để phát triển kinh tế - xã hội phục vụ Nhân dân. Đồng thời, sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Công sản Việt Nam lãnh đạo, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước, nhằm mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, “chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ. Nhiều nước tư bản phát triển, trên cơ sở các điều kiện kinh tế cao và do kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã có những biện pháp điều chỉnh, hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiến bộ hơn so với trước”. Như vậy, vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn người giảng viên cần khẳng định phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay là tất yếu, khách quan và đó là thành tựu của Đảng ta trong hơn 35 năm đổi mới, qua đó giảng viên không chỉ đạt được mục tiêu của bài giảng mà còn trực tiếp bảo vệ đường lối kinh tế của Đảng hiện nay.

Bốn là, đổi mới phương pháp giảng dạy, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực một cách nhuần nhuyễn để học viên tiếp cận được nội dung kiến thức một cách sinh động, dễ nhớ, dễ hiểu, từ đó trở thành những người tiếp tục tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng. Giảng viên cần tăng cường gợi mở các vấn đề vừa mang tính

thời sự, vừa mang tính phản bác để tổ chức thảo luận, làm việc nhóm làm cho học viên “nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ”. Với phương pháp này sẽ giúp học viên tiếp nhận thức kiến thức lý luận một cách tự nhiên, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ vận dụng và chính học viên sẽ là người lan tỏa lý luận đã được tiếp thu để thay đổi cuộc sống theo chiều hướng phát triển - đó là cách bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng một cách thiết thực và hiệu quả nhất.

Năm là, giảng viên cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình là tuyên truyền chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, là lực lượng xung kích, đi đầu trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, vì vậy phải không ngừng học tập nâng cao trình độ, sử dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách nhuần nhuyễn. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên cần tích cực đăng tải, chia sẻ các bài viết về các thành tựu kinh tế - văn hóa, xã hội... trên các kênh truyền thông xã hội như facebook, zalo, xem đây là một kênh tuyên truyền, định hướng tư tưởng, hành động tích cực, rộng khắp và hiệu quả cao. Thông qua các hoạt động này mỗi giảng viên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt và khả năng miễn dịch trước những quan điểm sai trái thù địch hiện nay.

Sáu là, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, chi ủy chi bộ tiếp tục chỉ đạo đảng viên, giảng viên tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giảng dạy ở Chương trình trung cấp lý luận chính trị nói chung, nội dung kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ nói riêng; chỉ đạo xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên đề, trọng tâm là đưa nghị quyết, chỉ thị của Đảng vào giảng dạy. Khoa chuyên môn xây dựng hoạt động chuyên môn gắn với việc tìm hiểu và vận dụng nghị quyết, chỉ thị gắn với chuyên môn của khoa, đặc biệt là đưa Nghị quyết 35 vào bài giảng và cuộc sống./.

NĂM VỮNG LÝ LUẬN VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ ThS. PHAN CHÍ QUYẾT
Khoa Xây Dựng Đảng

Tóm tắt: Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở Việt Nam là một vấn đề hệ trọng, luôn được Đảng ta nhận thức, bổ sung phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Việc nhận thức, nắm vững lý luận và thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội có vai trò quan trọng trong việc củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân với Đảng, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội, ngăn chặn đầy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, qua đó làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Củu nghĩa Mác - Lênin đã phân tích nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ ra mâu thuẫn cố hữu không thể điều hòa giữa lực lượng sản xuất phát triển không ngừng với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu lỗi thời. Để giải quyết triệt để mâu thuẫn ấy không có con đường nào khác con đường đấu tranh giai cấp và đấu tranh giai cấp tất yếu sẽ dẫn đến cách mạng xã hội. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ: “Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước tới ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”⁽¹⁾, đó là sự vận động của nhân loại sẽ dẫn đến cái đích tất yếu là chủ nghĩa xã hội. Trong xã hội tư bản hiện đại, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hiển nhiên và tất yếu bởi chính những mâu thuẫn cố hữu của chủ nghĩa tư bản. Trong cuộc đấu tranh đó, “sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”⁽²⁾. Hiện nay, trước những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, chủ nghĩa

tư bản có sự điều chỉnh thích nghi, tạo ra những “giới hạn” mới để phát triển. Thực tiễn đó làm cho không ít người dao động, mất phương hướng, hoài nghi vào lý tưởng cộng sản, giảm sút niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước. Tuy nhiên, việc ứng dụng thành tựu cách mạng khoa học - kỹ thuật và một số điều chỉnh trong quan hệ sản xuất không giải quyết được triệt để mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chứng minh rằng: Giai cấp tư sản chỉ có thể giải quyết mâu thuẫn ấy bằng hai con đường: “Một mặt, bằng cách cưỡng bức phải hủy bỏ một số lớn lực lượng sản xuất; mặt khác, bằng cách chiếm những thị trường mới và bóc lột triệt để hơn nữa những thị trường cũ”⁽³⁾, điều đó, tất yếu “đi đến chỗ chuẩn bị cho những cuộc khủng hoảng toàn diện hơn, ghê gớm hơn”⁽⁴⁾. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với tư cách là hình thức xã hội của sản xuất, không những không còn phù hợp, trái lại nó trở thành “xiềng xích” đối với sự

phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại, với sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - kỹ thuật. Do đó, càng đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật, lực lượng sản xuất càng phát triển, chủ nghĩa tư bản càng tiến nhanh đến bờ vực diệt vong tất yếu. Những thách thức lớn nhất mà chủ nghĩa tư bản phải đối mặt không phải là từ chủ nghĩa xã hội, mà từ chính chủ nghĩa độc đoán đang sinh sôi trong lòng xã hội, từ nguy cơ lũng đoạn của các tập đoàn lớn nắm giữ nền chính trị và sự bất bình đẳng ăn sâu tận gốc rễ. Chủ nghĩa tư bản đang ngày càng yếu đi do vắt kiệt nguồn đầu tư, khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, khủng hoảng kinh tế kéo dài... Trật tự xã hội tư bản chủ nghĩa, thay vì trở nên nhân từ và ôn hòa hơn, thì lại trở thành tàn nhẫn và cực đoan hơn bao giờ hết. Sự ca tụng về nền dân chủ tư sản cũng đang trở thành điểm bấu víu yếu ớt, khi trong thế giới tư bản đang đầy rẫy bất bình đẳng về của cải và quyền lực, chiến tranh ngang ngược, sự bóc lột thậm tệ, tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá; sự mất tự do được nguy tạo bằng hình thức tự do; vô trách nhiệm với sự tồn vong của nhân loại... Trong quá trình toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội hiện nay, dù cố gắng thay đổi để tiến bộ, hay cố che đậy bằng những hành động nguy tạo chủ quan, song những mâu thuẫn cố hữu trong lòng chủ nghĩa tư bản vẫn ngày càng sâu sắc và lan ra phạm vi rộng hơn mà giai cấp tư sản không thể tự khắc phục.

Thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, các thế lực phản động, thù địch chống phá cách mạng Việt Nam ngày càng có hệ thống, tổ chức chặt chẽ, thủ đoạn rất tinh vi, chống phá toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trong đó có luận điệu xuyên tạc về lựa chọn con

đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, cho rằng Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội là “lạc đường”, đi ngược lại sự phát triển của nhân loại; lợi dụng vào những khó khăn, hạn chế, thiếu sót, sơ hở trong đời sống xã hội để đánh đồng hiện tượng thành bản chất của chủ nghĩa xã hội, là kết quả mang lại do đi theo con đường chủ nghĩa xã hội...

Trong điều kiện đó, cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị và Nhân dân cần hiểu rõ lý luận và thực tiễn về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam với những nội dung sau:

Thứ nhất, về tính tất yếu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Thực tiễn lịch sử ở Việt Nam đầu thế kỷ XX cho thấy, trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, nhân dân chịu cảnh áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân và địa chủ phong kiến, đã có rất nhiều phong trào yêu nước chống thực dân Pháp diễn ra sôi sục, rộng khắp, song tất cả đều lâm vào bế tắc và cuối cùng thất bại. Đó là sự bế tắc và thất bại về đường lối cứu nước và giải phóng dân tộc. Thời điểm lịch sử ấy, Nguyễn Ái Quốc đã nắm vững nhu cầu lịch sử của dân tộc, bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã khẳng định: “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”⁽⁵⁾. Với mục tiêu đã xác định: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết hợp với sự ủng hộ giúp đỡ cả về vật chất và tinh thần của các nước xã hội chủ nghĩa, cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, giành độc lập, tự do cho dân tộc, đưa đất nước thống nhất và bước vào công cuộc đổi mới.

Trên cơ sở kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, sau hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và thời đại: Từ một nước có nền kinh tế lạc hậu, trình độ phát triển thấp, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình; văn hoá, xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có bước đột phá; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố và phát triển: “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”⁽⁶⁾. “Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam”⁽⁷⁾.

Thứ hai, về sức sống mãnh liệt của lý tưởng xã hội chủ nghĩa: Hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện thực mà Liên Xô là trụ cột đã có đóng góp hết sức to lớn cho nhân loại. Nhờ sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, hàng trăm dân tộc bị nô dịch, áp bức đã vùng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc và đạt được nhiều thành tựu to lớn trong việc bảo đảm an sinh xã hội cho người dân, như: ăn ở, chăm sóc sức khỏe, học hành, hưởng thụ văn hóa, việc làm đầy đủ và những dịch vụ xã hội thiết yếu, cùng với một mức độ công bằng và đầy đủ về vật chất mà không một quốc gia tư bản nào thời điểm đó có thể sánh được. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của một mô

hình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực, chứ không phải là sự sụp đổ của một học thuyết khoa học và cách mạng. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu là một bước lùi lịch sử của phong trào cộng sản và công nhân toàn thế giới. Ở Việt Nam, Đảng và Nhân dân ta vẫn luôn vững vàng niềm tin về tương lai của lịch sử loài người là chủ nghĩa xã hội: “Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử”⁽⁸⁾.

Thứ ba, đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của Nhân dân ta, sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. Trong hơn một thế kỷ qua, đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu khách quan của dân tộc là chân lý, động lực xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Từ đêm trường nô lệ, lầm than, trở thành một quốc gia độc lập, tự do; từ thân phận nô lệ, nhân dân Việt Nam đã trở thành chủ nhân thực sự của đất nước hòa bình, ai cũng có cơm ăn, có áo mặc, được học hành. Từ một nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu với 90% dân số làm nông nghiệp, trở thành đất nước có nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có vị thế ngày càng quan trọng trên trường quốc tế, mở ra kỷ nguyên mới hội nhập và phát triển để sánh vai với các cường quốc năm châu. Điều đó đã khẳng định, đi lên chủ nghĩa xã hội là vấn đề cốt lõi, tất yếu, gắn liền với vận mệnh của dân tộc.

Trong tình hình hiện nay, sự nghiệp đổi mới đất nước là sự nghiệp chưa có tiền lệ, vừa học, vừa làm, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm, những thiếu sót là không thể tránh khỏi. Vịn vào cơ đó, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá, xuyên tạc, phủ

nhận những thành tựu, thổi phồng những yếu kém, khuyết điểm, cố tình quy kết một cách sai trái những yếu kém, khuyết điểm đó là do chủ nghĩa Mác - Lênin, do Đảng ta, do định hướng xã hội chủ nghĩa. Thậm chí họ cho rằng, đổi mới phải là đổi hướng, phải từ bỏ chủ nghĩa xã hội, từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đòi đa nguyên, đa đảng... làm cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thêm bội phần khó khăn. Trong khi không phải mọi cán bộ, đảng viên và người dân đều nhận thức được lý luận về con đường đi lên CNXH. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn gian khổ, lại với một xuất phát điểm thấp và phải trải qua những tàn phá nặng nề của chiến tranh, cộng thêm sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, đã khiến một số người thiếu kiên nhẫn, đốt cháy giai đoạn, thậm chí hoang mang, hoài nghi, dao động, giảm sút niềm tin.

Thứ tư, quán triệt nội dung tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Tác phẩm đã giúp chúng ta nhận thấy XHCN ở Việt Nam hiện nay là một xã hội mà trong đó sự phát triển thực sự vì con người; xã hội mà sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, vì sự phát triển của một tập thể, một quốc gia. Nhân tố quan trọng sâu xa của CNXH là con người, đạo đức, văn hóa. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mang tính nhân dân, tính dân tộc và giá trị nhân văn, trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân. Tác phẩm còn đề cập về con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam, thể hiện rõ tinh thần lạc quan, niềm tin khoa học về thắng lợi tất yếu sự nghiệp cách mạng của Nhân dân dưới sự lãnh đạo

của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời cũng chỉ rõ thách thức, khó khăn mà Nhân dân ta phải vượt qua. Với những giá trị về lý luận và thực tiễn, tác phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, như một luận cương mới về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, không chỉ thể hiện tầm nhìn xa, tư duy sắc sảo mà còn cho thấy bản lĩnh chính trị của người đứng đầu Đảng trước những đổi thay của tình hình trong nước và quốc tế. Vì vậy, nghiên cứu và quán triệt sâu sắc nội dung tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng sẽ góp phần giúp mỗi người nhận thức sâu sắc hơn con đường đi lên CNXH, rèn luyện thêm bản lĩnh, làm tròn trách nhiệm cao nhất, luôn giữ vững niềm tin và tuyệt đối không dao động, ngã nghiêng trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động.

Để những tư tưởng, quan điểm, giá trị lý luận, thực tiễn về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam thấm sâu hơn vào trong tư duy nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, góp phần đấu tranh phán bác những quan điểm sai trái, thù địch trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, về lý tưởng cách mạng, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, xây dựng niềm tin khoa học về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn; từ đó củng cố, tăng cường khả năng đề kháng, cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, tiến đến tham gia tích cực vào sự nghiệp đấu tranh phán bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đây là giải pháp cần tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm tiếp tục quá trình nhận thức, nhận thức lại cho thấu suốt, đầy đủ hơn về tầm quan trọng đặc biệt và các nội dung, yêu cầu cụ thể của

nhệm vụ này, từ đó nâng cao cảnh giác, tự nguyện tham gia cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Hai là, không ngừng nghiên cứu, học tập, trau dồi, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; gương mẫu, đi đầu trong quán triệt và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; khẳng định đường lối đúng đắn, bản lĩnh chính trị, sức chiến đấu của Đảng là nhân tố quyết định thành công sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH; khẳng định sự sáng tạo, ủng hộ hộ mạnh mẽ, tham gia tích cực của Nhân dân là “cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển”, qua đó, góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin, sự ủng hộ, đồng thuận của quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Ba là, nâng cao tinh thần trách nhiệm, sự chủ động, tính tự giác, tiên phong, đi đầu của người cán bộ, đảng viên trong việc tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thông tin xấu, độc của các thế lực thù địch, phản động, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài.

Bốn là, thường xuyên nghiên cứu, học tập, quán triệt, vận dụng sáng tạo những chỉ dẫn, định hướng quan trọng trong nội dung tác phẩm của đồng chí Tổng Bí thư, nhất là những nhận thức lý luận chung về bản chất, đặc trưng, tính ưu việt của CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam để tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức công vụ, bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, tuyệt đối không được ngả nghiêng, dao động trước những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng, thành tựu đạt được trong xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và Nhân dân ta của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị.

Tóm lại, nhận thức, nắm vững lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có ý nghĩa quan trọng, nhằm củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân với Đảng, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, qua đó làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” các thế lực thù địch, phản động, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tạo nên nội lực mạnh mẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nắm bắt, tận dụng tốt mọi thuận lợi, thời cơ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta./.

Chú thích:

1, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen - *Toàn tập*, Tập 4, Nxb CTQG, H. 1995, tr. 596, tr. 605.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, tr.613

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t.12, tr.30.

6, 7. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. 2021, t. I, tr. 25, tr. 25-26.

8. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, tr. 69.

BẢN CHẤT VÀ TÍNH ƯU VIỆT CỦA NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

✧ ThS. PHAN THỊ ÁI VÂN
Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước, đồng thời là phương thức để thực hiện quyền lực của Nhân dân trong quản lý nhà nước và tổ chức đời sống xã hội. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ trong đó tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân, nền dân chủ này vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Dân chủ xã hội chủ nghĩa khác hẳn về chất với dân chủ tư sản, đó là nền dân chủ của dân, do dân, vì dân; dân chủ “gấp triệu lần” hơn bất cứ chế độ dân chủ nào trong lịch sử.

Dân chủ là hình thức tổ chức thiết chế chính trị của xã hội mà trong đó toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, dân chủ là phương tiện tất yếu để con người đạt tới tự do, giải phóng toàn diện những năng lực vốn có của mỗi cá nhân, tức quyền con người được bảo đảm và thực hiện đầy đủ. Đặc trưng cơ bản của dân chủ là tất cả các công dân đều có quyền tham dự đời sống chính trị, quyền lực cao nhất của đất nước thuộc về đại diện của nhân dân; mọi công dân đều có quyền bình đẳng trước pháp luật.

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng: Dân chủ bao giờ cũng gắn liền với vấn đề nhà nước, chuyên chính; là vấn đề mang tính giai cấp sâu sắc. Không có thứ dân chủ chung chung, trừu tượng, phi giai cấp; không thể có thứ dân chủ vô hạn độ, vô kỷ cương. Bản thân nền dân chủ tư sản, dù được tô vẽ, thì vẫn là nền dân chủ của giai cấp tư sản, nhằm bảo đảm sự thống trị, bóc lột của giai cấp tư sản đối với xã hội và lao động. Dân chủ xã hội chủ nghĩa khác hẳn về chất so với dân chủ tư sản. Đó là nền dân chủ của dân, do dân, vì dân; dân chủ “gấp triệu lần” hơn bất cứ

chế độ dân chủ nào trong lịch sử. V.I.Lênin khẳng định: Điều cốt tử trong thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa là phải trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của đảng cộng sản, bảo đảm quyền lực chính trị - xã hội thuộc về nhân dân. Xa rời những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, từ bỏ sự lãnh đạo của đảng cộng sản sẽ trượt sang dân chủ phi xã hội chủ nghĩa, đồng thời với đó là việc thủ tiêu chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở thẩm thấu chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Dân chủ có nghĩa “dân là chủ” và “người dân làm chủ”; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng là động lực của cách mạng; trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Chính quần chúng nhân dân là lực lượng cách mạng đông đảo nhất trực tiếp thực hiện đường lối cách mạng, biến đường lối cách mạng của Đảng thành hiện thực. Ngay sau khi đất nước độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền tự do, dân chủ của tất cả người dân Việt Nam. Người nhấn mạnh: Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Vì vậy, sự

nghiệp kháng chiến, kiên quốc là công việc, là trách nhiệm của dân; chính quyền từ xã đến Trung ương do dân cử ra; đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Trên tinh thần đó, Hiến pháp năm 1946 cũng khẳng định ba nguyên tắc cơ bản của chính quyền cách mạng: (1) Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái, trai, giai cấp, tôn giáo; (2) Đảm bảo các quyền tự do dân chủ; (3) Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân. Như vậy, ở nước ta, dân chủ vừa là phương pháp, vừa là mục tiêu của cách mạng. Vì vậy, ngay sau khi giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta lãnh đạo Nhân dân xây dựng nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Đó là nhà nước ra đời từ sức mạnh của Nhân dân và bảo đảm quyền lợi của Nhân dân.

Dân chủ đã trở thành ưu tiên hàng đầu, là mục tiêu phấn đấu của cả dân tộc ta. Quan điểm này được thể hiện rõ trong đường lối của Đảng ta từ khi ra đời đến nay. Trong suốt quá trình lãnh đạo đấu tranh cách mạng, trải qua cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta luôn chú trọng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền dân chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn khẳng định Nhân dân làm chủ là bản chất của chủ nghĩa xã hội, kiên định nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, không ngừng thúc đẩy đổi mới chính trị, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đã đạt được những thành tựu to lớn. Đại hội VI của Đảng nhân mạnh chủ trương phát huy dân chủ để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”. Tiếp nối tinh thần đó, các kỳ đại hội tiếp theo của Đảng cũng nhất quán nhấn

mạnh: “Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” và nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp cách mạng là “xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về Nhân dân”. Như vậy, trong quá trình lãnh đạo xây dựng, phát triển đất nước Đảng ta luôn nhất quán khẳng định: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và do Nhân dân làm chủ là đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng; xây dựng nên dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những phương hướng cơ bản cho việc thực hiện mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.⁽¹⁾ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ trong đó tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân. Điều này không chỉ thể hiện trong Hiến pháp, Cương lĩnh và các văn bản quy phạm pháp luật, mà còn được thể hiện sinh động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng, Nhà nước ta luôn nỗ lực phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ của người dân trong hoàn thiện và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Hiến pháp năm 2013 quy định: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và phải được thể chế hóa quyền lực đó bằng pháp luật, được pháp luật bảo hộ. Quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ theo pháp luật; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

(bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽²⁾.

Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đề cập đến những vấn đề rất cơ bản của cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay. Một trong những vấn đề được Tổng Bí thư nhấn mạnh là chủ trương phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Quan điểm này thể hiện rõ tính ưu việt về chế độ xã hội mà Nhân dân ta đang xây dựng. Bài viết cũng đã nêu rõ những giá trị cốt lõi, những đặc trưng nổi bật của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người”; “Phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển... Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm”⁽³⁾.

Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta được thể hiện rất sinh động trong cuộc sống hằng ngày. Từ khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ xã hội mới. Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước, thực hiện và phát

huy quyền làm chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Quyền làm chủ đó không chỉ thể hiện trong các văn bản Hiến pháp, pháp luật, mà ngày càng được thể hiện sinh động trong đời sống hiện thực. Mọi công dân đều có quyền tham gia quản lý xã hội một cách trực tiếp, hoặc thông qua người đại diện do mình lựa chọn; ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân ngày càng được đề cao; Nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp; Nhân dân trực tiếp tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi Hiến Pháp, pháp luật. Hoạt động chất vấn tại các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đã được truyền hình trực tiếp để Nhân dân giám sát các hoạt động của Nhà nước, Quốc hội. Trước các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Nhân dân có những cuộc tiếp xúc với các đại biểu để đề đạt nguyện vọng, ý kiến của mình với Nhà nước. Điều đó thể hiện sâu sắc tính chất của dân, do dân và vì dân của Nhà nước Việt Nam, phản ánh bản chất tốt đẹp, tính ưu việt của chế độ dân chủ ở nước ta. Như vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Do vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với dân chủ tư sản ở bản chất giai cấp, ở cơ chế nhất nguyên và cơ chế đa nguyên, một đảng và nhiều đảng, ở bản chất của nhà nước.

Hiện nay, một trong các thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch là lợi dụng các vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ” và những tiêu cực trong xã hội để xuyên tạc đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, phủ nhận những thành tựu của cách mạng nước ta; lợi dụng chính những khó khăn, phức tạp và cả khuyết điểm của chúng ta trong quá trình thực thi dân chủ để xuyên tạc. Cùng với những luận điệu bóp méo sự thật, chúng vu khống Đảng Cộng sản Việt Nam là “trở lực” cho việc thực hiện dân chủ... Những luận điệu trên được các thế lực thù địch thực

Xem tiếp trang 111

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN VỀ CON NGƯỜI TRONG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CON NGƯỜI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. PHAN THỊ AN PHÚ

Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin tư liệu

Tóm tắt: Vận dụng quan điểm về con người của triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, việc xây dựng một quan hệ xã hội tiến bộ, lành mạnh, dân chủ, công bằng, tạo điều kiện để giải phóng triệt để và phát triển toàn diện con người là mục tiêu cao nhất trong đường lối chính trị. Để tạo điều kiện phát huy tối đa nhân tố con người với vị trí, vai trò là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đặc biệt chú trọng đến hoạt động giáo dục, xem đầu tư cho sự phát triển giáo dục là sự đầu tư phát triển nguồn lực con người, bảo đảm cho sự phát triển bền vững.

Con người là sản phẩm tiến hóa lâu dài của thế giới vật chất, có nguồn gốc tự nhiên và xã hội. Triết học Mác-Lênin nghiên cứu bản chất con người, hướng đến mục đích cao nhất là giải phóng con người, phát triển con người. Theo quan điểm của Triết học Mác-Lênin, quá trình hình thành, phát triển của con người chịu sự quyết định bởi hệ thống các quy luật tự nhiên, hệ thống các quy luật tâm lý, hệ thống các quy luật xã hội. Ba hệ thống quy luật trên cùng tác động tạo nên chỉnh thể thống nhất trong đời sống con người bao gồm cả mặt sinh vật và mặt xã hội. Mỗi quan hệ sinh vật và xã hội là cơ sở để hình thành hệ thống các nhu cầu sinh vật và nhu cầu xã hội trong đời sống con người, như nhu cầu ăn, mặc, ở, nhu cầu tái sản xuất xã hội; nhu cầu tình cảm; nhu cầu thẩm mỹ và hưởng thụ các giá trị tinh thần... Muốn thay đổi bản chất con người phải thay đổi môi trường xã hội, các quan hệ xã hội hiện thực của nó. Để thay đổi môi trường xã hội mà con người sống thì bản thân con người phải là chủ thể của quá trình xây dựng xã hội mới. Chính trong thực tiễn xây dựng xã hội mới, từng bước con người sẽ thay đổi,

sẽ dần từ bỏ những thói quen, những lối tư duy, lối sống cũ mà thay vào đó là thói quen, lối tư duy, lối sống mới phù hợp với yêu cầu của xã hội mới. Do đó, khi xã hội mới được xây dựng thì bản tính của con người cũng sẽ thay đổi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói rằng: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾. Theo Người, định hướng xây dựng con người là phải toàn diện gồm “đức, trí, thể, mỹ”; chú ý đến tất cả các mặt trong đời sống của con người, từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần. Trong bài *Gửi các em học sinh* đăng trên báo Nhân dân ngày 24/10/1955, Người viết rằng: “Đối với các em, việc giáo dục gồm có: Thể dục: Để làm cho thân thể khỏe mạnh; Trí dục: Ôn lại những điều đã học, học theo tri thức mới; Mỹ dục: Để phân biệt cái đẹp, cái gì không đẹp; Đức dục: Là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu trọng của công”⁽²⁾.

Vận dụng những tư tưởng khoa học và cách mạng của triết học Mác-Lênin về con người, để xây dựng nước Việt Nam phát triển phồn vinh, nhân dân ngày càng ấm no, hạnh

phúc, Đảng ta luôn chú trọng đến phát huy tối đa nhân tố con người; lấy con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, việc xây dựng một quan hệ xã hội tiến bộ, lành mạnh, dân chủ, công bằng, tạo điều kiện để giải phóng triệt để và phát triển toàn diện con người là mục tiêu cao nhất trong đường lối chính trị. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định nhân tố con người chính là nguồn sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam. Do vậy, phải quan tâm đến nâng cao chất lượng nguồn lực lao động thông qua phát triển giáo dục và đào tạo, coi giáo dục và đào tạo cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực; hình thành các giá trị xã hội, giá trị con người mới là một trong những chủ trương lớn của Đảng nhằm thông qua hoạt động giáo dục để xây dựng và phát triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Đây cũng là quan điểm được thể hiện xuyên suốt và nhất quán ở các văn kiện lớn của Đảng. Theo đó, giáo dục Việt Nam tập trung vào các nội dung: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất cho nhân dân; đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; bảo đảm công ăn việc làm cho người dân; nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng; đào tạo thể hệ trẻ theo hướng toàn diện và có năng lực chuyên môn sâu, có ý thức và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; nâng cao chất lượng nguồn lực lao động về chuyên môn, kỹ thuật, đạo đức, tác phong...

Đại hội XIII của Đảng đã xác định rõ: Phải xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực trình độ, có

ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc là mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới; gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tâm vóc con người Việt Nam góp phần tạo nên lực lượng vững mạnh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, giáo dục và đào tạo cần thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với hội nhập quốc tế, do vậy phải đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; “phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”⁽³⁾. Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung nội dung phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở chú trọng nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyên dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Có thể thấy rằng, tại Đại hội XIII, Đảng ta đã chú trọng đến việc phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động. Để thực hiện các nhiệm vụ trên, Đại hội XIII Đảng cũng đã chỉ rõ, cần phải xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách

để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ. Đồng thời cần có sự quy hoạch, sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng; có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm; chú trọng sắp xếp lại hệ thống trường học; phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII Đảng, nhiệm vụ phát triển con người bước đầu đạt được những thành tựu quan trọng. Theo đánh giá trong Báo cáo Phát triển con người (HDR) toàn cầu 2021/2022 được Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam công bố vào 09/9/2022, Chỉ số Phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trong bảng xếp hạng toàn cầu, ở vị trí 115/191 quốc gia. Từ năm 1990 - 2019, giá trị HDI của Việt Nam đã tăng gần 46%, nằm trong số các nước có tốc độ tăng HDI cao nhất trên thế giới. Mức tiên bộ phát triển con người của Việt Nam đã đạt được với mức độ bất bình đẳng vừa phải và ổn định. Về chất lượng phát triển con người, Việt Nam thực hiện tốt các chỉ số y tế, giáo dục, việc làm và phát triển nông thôn. Nước ta thuộc nhóm đầu trong 03 nhóm về số năm không sống khỏe theo tỷ lệ phần trăm tuổi thọ (11,7%) và số giường bệnh (32 giường/100.000 dân). Tất cả giáo viên tiểu học đều được đào tạo, điện khí hóa nông thôn đạt 100% dân số, tỷ lệ thất nghiệp thấp.

Mặc dù vậy, trong những năm vừa qua, việc phát huy nhân tố con người ở nước ta cũng còn bộc lộ một số hạn chế nhất định như: Sử dụng con người, nguồn nhân lực còn lãng phí, chưa hiệu quả; chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa sử dụng và đào tạo; tỉ lệ thất nghiệp ở độ tuổi lao động còn cao, bao gồm cả lực lượng đã qua đào tạo; một bộ phận lao động đã qua đào tạo không làm việc đúng ngành nghề chuyên môn; sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường chưa đảm nhiệm được công việc được giao; nhân lực chất lượng cao

còn thiếu và hạn chế về chuyên môn... Việc sử dụng không hợp lý lao động đã dẫn đến lãng phí nguồn lực, nhất là đối với lao động đã qua đào tạo, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập và đời sống của người lao động. Trong thời đại ngày nay, khi chúng ta đã và đang đón nhận những bước tiến mạnh mẽ của khoa học công nghệ và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất vật chất xã hội tạo nên nền kinh tế tri thức, thông qua con người với sức mạnh của trí tuệ kết hợp với các nguồn lực để tạo nên tăng trưởng và tăng trưởng bền vững. Để khai thác có hiệu quả các nguồn vốn, các nguồn tài nguyên và cả nguồn nhân lực thì yếu tố con người đóng vai trò quan trọng. Suy cho cùng, con người là nhân tố quyết định nhất đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Việc đầu tư cho sự phát triển của con người là sự đầu tư có lợi nhất cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong tác phẩm *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hóa cho nhân dân”⁽⁴⁾. Quan điểm này là cơ sở quan trọng để tiếp tục xem xét, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề đặt ra cũng như xác định chủ trương, biện pháp đúng đắn để thực hiện đổi mới giáo dục nhằm góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, xuất bản lần thứ 3, H. 2011, t.13, tr. 66.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, sđd*, t.10, tr. 175.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.1, tr.136.
4. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr. 36.

XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TỈNH ĐẠT CHUẨN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TỔNG KẾT THỰC TIỄN

✧ ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ
Trưởng phòng QLĐT và NCKH

Tóm tắt: Cùng với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm góp phần tạo nên vị thế của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Xây dựng, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, góp phần phần đầu đưa Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn Mức 1 vào năm 2025 theo Quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng là nhiệm vụ quan trọng, là trách nhiệm của mỗi cán bộ, giảng viên.

Ngày 13/11/2018, Ban Bí thư Trung ương ban hành Quy định số 09-QĐi/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Một trong những chức năng và nhiệm vụ trọng tâm của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là “tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở, tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập”. Kết luận số 479-KL/HVCTQG, ngày 26/9/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh khẳng định: “Cần coi việc xây dựng trường chính trị chuẩn không chỉ là giải pháp trước mắt mà còn là nhiệm vụ có tính chiến lược lâu dài, mang tính đột phá để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của hệ thống trường chính trị; để trường chính trị thực sự là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đồng thời là cơ quan nghiên cứu

khoa học, tổng kết thực tiễn phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, hoạch định chủ trương, chính sách và tư vấn phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương”.

Để quy định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của các trường chính trị tỉnh, ngày 21/12/2021, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG, trong đó có Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoạt động nghiên cứu khoa học gồm: Nghiên cứu đề án, đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở (cấp trường), cấp khoa; nghiên cứu biên soạn chương trình, tài liệu phục vụ đạo tạo, bồi dưỡng của trường, địa phương; nghiên cứu, biên soạn tập bài

giảng tình hình, nhiệm vụ của địa phương; nghiên cứu, biên soạn lịch sử trường, lịch sử đảng bộ địa phương, lịch sử ngành; tham gia hội thảo khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, tọa đàm, sinh hoạt khoa học của khoa; tham gia nghiệm thu đề án, đề tài, tài liệu giảng dạy, học tập; nghiên cứu viết bài công bố trên báo, bản tin, kỷ yếu khoa học, tạp chí in và điện tử, trang thông tin điện tử của trường, địa phương, trung ương, quốc tế; khảo sát thực tế theo kế hoạch phục vụ giảng dạy, học tập, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu đề án, đề tài khoa học; nghiên cứu viết sáng kiến - kinh nghiệm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập.

Ngày 19/5/2021, Ban Bí thư Trung ương ban hành Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn, trong đó quy định chi tiết các tiêu chí đối với các trường đạt chuẩn mức 1, mức 2 về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Đây được coi là căn cứ pháp lý, là khung tiêu chí quan trọng để các trường chính trị tập trung lãnh đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả, chất lượng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, tạo động lực phát huy tiềm năng, sức sáng tạo và lan tỏa phong trào nghiên cứu khoa học trong đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Trên cơ sở quy định, quy chế của Ban Bí thư Trung ương và của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị Trần Phú đã cụ thể hóa và xây dựng các chương trình, kế hoạch, quy chế, hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần đưa Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn Mức 1 vào năm 2025.

Trong những năm vừa qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự phối hợp của các sở, ban,

ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương cấp huyện, công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn Trường Chính trị Trần Phú đã bước đầu đạt được những kết quả nhất định. Trong giai đoạn 2012-2022, Trường thực hiện 03 đề tài khoa học cấp tỉnh: “Bộ tài liệu bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 -2015” với 16 chuyên đề; “Nghiên cứu giải quyết một số vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”; “Bộ tài liệu bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020” với 09 chuyên đề. Biên soạn “Tập bài giảng tình hình, nhiệm vụ của tỉnh Hà Tĩnh”, xuất bản, đưa vào giảng dạy từ năm 2019; “Tập bài giảng Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Hà Tĩnh” xuất bản và đưa vào giảng dạy từ năm 2022. Hàng năm, tổ chức từ 01 đến 02 hội thảo khoa học cấp trường và nhiều hội thảo, tọa đàm khoa học cấp khoa, phòng với sự tham gia của tất cả cán bộ, giảng viên. Một số cán bộ, giảng viên có nhiều bài viết đăng tin, báo, tạp chí trong và ngoài tỉnh với nội dung phong phú, đa dạng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Năm 2021, Trường Chính trị Trần Phú đã biên soạn cuốn sách chuyên khảo “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng - Lý luận và thực tiễn*” và được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phát hành. Ngoài ra, hàng năm đội ngũ cán bộ, viên chức Trường có nhiều sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy, quản lý, phục vụ được Hội đồng xét sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh công nhận. Hiện nay, Trường đang phối với hợp một số sở, ban, ngành tham mưu Thường trực Tỉnh ủy tổ chức Hội thảo khoa học “Xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh

và bền vững”, tổ chức vào tháng 06/2023. Tháng 02 năm 2022, Hội đồng khoa học tỉnh đã phê duyệt nhiệm vụ khoa học năm 2023, trong đó Trường Chính trị Trần Phú được giao nhiệm vụ thực hiện đề tài cấp tỉnh với chủ đề “Nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay tại tỉnh Hà Tĩnh (qua thực tế Trường Chính trị Trần Phú và các Trung tâm chính trị cấp huyện)”.

Một trong những cách làm mới và sáng tạo của Trường Chính trị Trần Phú là: Đảng ủy, Ban Giám hiệu giao cho các khoa, phòng hình thành các nhóm nghiên cứu, xây dựng và xác định nội dung, địa điểm tổ chức khảo sát, nghiên cứu thực tế, sau đó hình thành các chủ đề để tổng kết thực tiễn và tổ chức hội thảo, tọa đàm tại các địa điểm nghiên cứu có sự tham gia thảo luận và phản biện của lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và nhân dân tại địa phương. Cách làm này, một mặt góp phần giúp địa phương, cơ sở có những căn cứ khoa học để xây dựng chủ trương kế hoạch phù hợp, đồng thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, đồng thời giúp cho cán bộ giảng viên có cứ liệu thực tiễn sinh động để vận dụng vào bài giảng, bài viết phản ánh đúng tình hình thực tế hiện nay.

Mặt khác, Ban Giám hiệu vừa giao nhiệm vụ vừa đặt hàng cho những giảng viên có kiến thức chuyên môn sâu về các ngành, lĩnh vực nghiên cứu, viết bài, đề tài gắn với nội dung dung các phần học, bài học thuộc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả nghiên cứu được nghiệm thu là căn cứ cho việc vận dụng vào từng bài giảng, tiết giảng cụ thể của từng giảng viên.

Về tổ chức nghiên cứu thực tế, ngoài những chuyên nghiên cứu chung, Ban

Giám hiệu yêu cầu các nhóm nghiên cứu các đề án, đề tài căn cứ vào nội dung đã xác định chủ động xây dựng kế hoạch và thời gian nghiên cứu thực tế. Kết thúc đợt thực tế phải có sản phẩm và báo cáo kết quả về Ban Giám hiệu.

Ngoài những cách làm trên, hàng tháng, hàng quý, Trường đã mời các chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng và các cá nhân điển hình về sáng tạo nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực tham gia giảng dạy và báo cáo thực tế cho cán bộ, giảng viên và học viên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Trường Chính trị Trần Phú vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định: Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn vẫn chưa ngang tầm với vị thế, tiềm năng, yêu cầu, nhiệm vụ của nhà trường. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học thời gian qua còn ít, quy mô nghiên cứu nhỏ, chủ yếu vẫn là cấp trường, cấp khoa, phòng. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh còn quá ít (03 đề tài trong 10 năm), chưa có đề tài cấp bộ, cấp nhà nước. Các bài viết được công bố trên báo, bản tin, kỷ yếu khoa học, tạp chí in và điện tử, trang thông tin điện tử của trường, địa phương, trung ương số lượng chưa nhiều, nội dung chưa sâu. Việc lựa chọn một số đề tài nghiên cứu của một số cán bộ, giảng viên chưa thật hợp lý, chưa mang tính thiết thực gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận khoa, phòng và của nhà trường. Thời gian dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhiều giảng viên còn ít so với thời gian trực tiếp giảng dạy. Nếu quy đổi các sản phẩm nghiên cứu khoa học sang giờ chuẩn nghiên cứu khoa học của giảng viên theo Quy chế nghiên cứu khoa

học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì năm 2021 một số giảng viên còn thiếu giờ chuẩn nghiên cứu khoa học theo định mức. Nhìn chung, hoạt động tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường còn một số hạn chế, phần lớn là để phục vụ việc giảng dạy, học tập tại Trường; việc tư vấn, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương hoạch định chủ trương, xây dựng nghị quyết, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh chưa thật sự hiệu quả, chủ yếu thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, các báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường.

Từ thực trạng nêu trên, để nâng cao chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, hướng đến xây dựng Trường Chính trị Trần Phú trở thành trường chính trị chuẩn vào năm 2025, cần tập trung thực hiện đồng bộ, quyết liệt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên về mục đích, vai trò, yêu cầu của hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Trước hết, Ban Giám hiệu, lãnh đạo khoa, phòng phải tiên phong, là tấm gương sáng, mẫu mực trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Điều này sẽ tạo hiệu ứng, truyền cảm hứng mạnh mẽ trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của mỗi cán bộ, giảng viên. Thay đổi nhận thức từ coi hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ là trách nhiệm, tiêu chí, sự áp đặt khuôn mẫu của giảng viên sang hoạt động tự giác, trở thành niềm đam mê, hăng say sáng tạo của mỗi cá nhân; phải coi hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những nguồn nguyên liệu đầu vào hữu dụng cho hoạt động giảng dạy của người giảng viên.

Thông qua các cuộc họp chi bộ, họp khoa, phòng, sinh hoạt chuyên môn, lãnh đạo chi bộ, khoa, phòng cần thường xuyên động viên, nhắc nhở cán bộ, giảng viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Bởi vì, thông qua hoạt động này giúp cán bộ, giảng viên có điều kiện nghiên cứu sâu hơn, nắm bắt chặt chẽ chuyên môn, kiến thức chuyên ngành đang trực tiếp giảng dạy, mặt khác vừa có điều kiện mở rộng sự hiểu biết, góp phần phát triển tư duy, năng lực sáng tạo, trau dồi tri thức giúp bản thân cán bộ, giảng viên phát triển và hoàn thiện hơn các kỹ năng cần thiết cho hoạt động quản lý, giảng dạy, phục vụ.

Hai là, kịp thời tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về xây dựng trường chính trị chuẩn và các quy định, kế hoạch của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận.

Cần tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và các quy định, kế hoạch của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Việc triển khai phải được thực hiện thống nhất, đồng bộ gắn với quá trình theo dõi, kiểm tra, đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện của các tập thể, cá nhân. Đồng thời, căn cứ Quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các hướng dẫn của nhà trường về hoạt động nghiên cứu khoa học, bám sát sự vận động của thực tiễn các lĩnh vực của đời sống xã hội ở các địa phương, cơ sở để kịp thời xây dựng nội dung nghiên cứu khoa học và tổng kết thực

tiến sát hợp, bắt nhịp với sự phát triển của xã hội, có như vậy hoạt động nghiên cứu khoa học mới góp phần bổ sung cơ sở, luận cứ phục vụ việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy, chỉ đạo của Ban Giám hiệu và lãnh đạo các khoa, phòng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Trường.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu đối với các đơn vị khoa, phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường, Nghị quyết Đại hội các chi bộ khoa, phòng và kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm của Trường. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn hàng tháng, hàng quý và cả năm. Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các khoa, phòng trong thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đề ra trong năm cần lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, tạo điều kiện thuận lợi cho hoàn thành, không để kéo dài sang năm sau, để không ảnh hưởng đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của năm tiếp theo.

Lãnh đạo các khoa, phòng phải nắm chặt chẽ tình hình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của đơn vị mình để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, đề xuất với Ban Giám hiệu có sự chỉ đạo, biện pháp hỗ trợ, khắc phục, bảo đảm cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn thực hiện đúng tiến độ, đạt chất lượng cao.

Bốn là, tạo động lực cho cán bộ, giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Nhà trường cần dành một khoản kinh phí tương xứng để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn vì đây là một trong 2 chức năng cơ bản của trường chính trị cấp tỉnh theo Quy định số 09-QĐi/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng; thực hiện việc hỗ trợ kinh phí cho đề tài khoa học cấp Trường (cơ sở).

Cần nghiên cứu xây dựng, bổ sung quy định về chế độ hỗ trợ đối với những cán bộ, giảng viên khi viết và xuất bản sách chuyên khảo; có bài báo khoa học được công bố trên từng tạp chí khoa học cho phù hợp để tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Kịp thời khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng những cán bộ, giảng viên, tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giảng viên thường xuyên đi nghiên cứu thực tế trong và ngoài tỉnh; có cơ chế phối hợp bằng văn bản với các sở, ban ngành, đoàn thể, các huyện, thị xã, thành phố để đội ngũ giảng viên thuận lợi trong việc dự thính các phiên họp, hội nghị, tham gia các đoàn công tác của tỉnh, của các địa phương khi làm việc tại cơ sở. Phối hợp các với huyện, thị xã, thành phố tổ chức thường xuyên các hoạt động nghiên cứu thực tế, tọa đàm, hội thảo khoa học ngay tại cơ sở để tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường đến các địa phương, đơn vị. Đồng thời, góp phần giúp cơ sở có luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện các chủ trương, chính sách phù hợp.

Năm là, thực hiện nghiêm túc Quy chế nghiên cứu khoa học của Trường.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên hàng năm phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên

Xem tiếp trang 107

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ ThS. LÊ THỊ THÙY DUNG
Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Hà Tĩnh nằm trên tuyến hành lang Đông - Tây; có đường bờ biển dài 137km, nhiều bãi tắm đẹp và các khu bảo tồn thiên nhiên gắn với cảnh quan hùng vĩ, đa dạng sinh học; là vùng đất có về dày truyền thống lịch sử văn hóa, cách mạng; là quê hương của nhiều danh nhân kiệt xuất, gắn liền với các di tích lịch sử và di sản văn hóa phi vật thể có giá trị được UNESCO vinh danh. Với những thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và truyền thống lịch sử, văn hóa, Hà Tĩnh là vùng có tiềm năng du lịch khá toàn diện. Tuy nhiên, sự phát triển của du lịch Hà Tĩnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, còn bộc lộ một số hạn chế nhất định cần khắc phục để từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội tỉnh đảng bộ lần thứ XIX.

Phát triển du lịch được tỉnh Hà Tĩnh xác định là một trong năm chương trình trọng điểm của nhiệm kỳ 2020-2025⁽¹⁾. Nhằm thúc đẩy phát triển du lịch và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch, ngày 07/12/2017, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về phát triển du lịch Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU được thực hiện đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt, phổ biến Nghị quyết cho đội ngũ cốt cán trong toàn tỉnh, đồng thời chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, đơn vị tổ chức học tập, quán triệt cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, các địa phương tổ chức gần 250 lớp học tập, phổ biến, quán triệt Nghị quyết với hơn 50.000 người. Trên cơ sở đó, cấp ủy, chính quyền các cấp đã ban hành hàng loạt các chính sách để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển

để du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi. Nghị quyết số 06-NQ/TU được xem là một chủ trương, định hướng lớn trong phát triển du lịch của tỉnh Hà Tĩnh với điểm nhấn là đầu tư hạ tầng du lịch, từng bước khai thác tiềm năng, quy hoạch, xây dựng các khu, điểm du lịch, kêu gọi, xúc tiến đầu tư lĩnh vực du lịch.

Qua hơn 05 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, du lịch Hà Tĩnh đã có nhiều khởi sắc, đạt được những kết quả nhất định, tạo tiền đề cho phát triển du lịch địa phương trong thời gian tới. Theo số liệu thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, năm 2022, Hà Tĩnh đón 1,6 triệu lượt khách tham quan, nghỉ dưỡng tăng 200% so với kế hoạch năm. Trong đó khách lưu trú quốc tế đạt 8.000 lượt khách, tăng 160% và khách lưu trú nội địa đạt 350.000 lượt khách, tăng 140% so với kế hoạch năm⁽²⁾. Về nguồn nhân lực du lịch, Hà Tĩnh hiện có gần 7.000 lao động trực tiếp và trên 15.000 lao động gián tiếp trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch; tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về du lịch chiếm khoảng

33% tổng số lao động trong ngành; có xấp xỉ 10% trên tổng số lao động toàn ngành có khả năng giao tiếp ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Thái.

Nhằm tạo phong trào thi đua và nâng cao nghiệp vụ cho những người làm du lịch trên địa bàn tỉnh, Hiệp hội du lịch Hà Tĩnh đã phối hợp với các địa phương, đơn vị triển khai tổ chức thành công một số cuộc thi tay nghề cấp tỉnh như: Cuộc thi “Tinh hoa ẩm thực Hà Tĩnh”, “Nghiệp vụ buồng khách sạn Hà Tĩnh năm 2018”, Hội thi duyên dáng du lịch Hà Tĩnh. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã tích cực vận động các doanh nghiệp tham gia các hội thi và liên hoan quy mô toàn quốc, khu vực và đạt giải cao như: Giải nhì toàn quốc về gian hàng trưng bày đẹp tại Hội thi nghiệp vụ buồng toàn quốc và Liên hoan ẩm thực toàn quốc năm 2018; đạt giải 3 về trang trí gian hàng đẹp tại Liên hoan ẩm thực quốc tế Nghệ An năm 2019⁽³⁾.

Cơ sở hạ tầng không ngừng được hoàn thiện tạo đà cho phát triển du lịch. Hệ thống hạ tầng giao thông cơ bản được đầu tư, xây dựng gồm: Đường bộ, đường sắt, đường thủy kết nối với các tour tuyến nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế. Công tác đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông được thực hiện đúng về quy hoạch giao thông vận tải, các dự án mở rộng, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông từ Quốc lộ 1, Quốc lộ 8A, Quốc lộ ven biển đến các khu du lịch được quan tâm đẩy nhanh tiến độ nhằm tạo điều kiện cho phát triển ngành du lịch.

Hiện nay, toàn tỉnh có 304 khách sạn, nhà nghỉ, với gần 7.000 phòng, trong đó có 01 cơ sở đạt tiêu chuẩn 5 sao, 02 khách sạn 4 sao, 07 khách sạn 3 sao; 22 khách sạn 2 sao; 07 nhà hàng và 02 trung tâm mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có 09 đơn vị lữ hành (trong đó có 04 đơn vị lữ hành quốc tế, 01 chi nhánh lữ hành quốc tế, 01 đại lý lữ hành quốc tế), 06 doanh nghiệp vận tải du lịch; có 15 khu, điểm du lịch đã được Ủy

ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận là khu, điểm du lịch cấp tỉnh⁽⁴⁾.

Việc thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển du lịch được chú trọng. Từ 01/01/2018 đến 30/9/2021, tỉnh đã thu hút được 19 dự án đầu tư trong lĩnh vực du lịch, với tổng vốn đầu tư hơn 1.404 tỷ đồng, gồm 16 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký là 946 tỷ đồng và 03 dự án FDI với tổng vốn đăng ký gần 21 triệu USD. Một số dự án lớn đã đi vào hoạt động, đóng vai trò động lực trong phát triển du lịch, dịch vụ của tỉnh như: Tô hợp biệt thự nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí Vinpearl Cửa Sốt; tổ hợp khách sạn, nhà hàng và vui chơi giải trí Đại Bàng; tổ hợp giải trí sân golf, khách sạn đẳng cấp ven biển đầu tiên tại Hà Tĩnh của Tập đoàn Mường Thanh, Dự án Hoa Tiên Paradise do Công ty CP Hồng Lam Xuân Thành, Khách sạn Bên Sông Lam phía nam Cầu bến Thủy, Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Phú Minh Gia, Khách sạn Mường Thanh tại Khu kinh tế Vũng Áng,... Bên cạnh đó cũng đã có các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến nghiên cứu, khảo sát, đầu tư dự án trong lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ khám phá, trải nghiệm như: Tập đoàn TH nghiên cứu, đề xuất đầu tư các dự án Nông nghiệp công nghệ cao, du lịch xanh tại khu vực Hồ Kẻ Gỗ, huyện Cẩm Xuyên và hồ Ngàn Trươi - Cẩm Trang, huyện Vũ Quang; Tập đoàn Vingroup đề xuất tìm hiểu đầu tư dự án Khu nghỉ dưỡng phục vụ khu công nghiệp và dân cư lân cận tại xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh; Tập đoàn T&T tìm hiểu đầu tư dự án Khu đô thị sinh thái, du lịch, vui chơi giải trí Đảo Xuân Giang 2 và vùng ven Sông Lam; Công ty Crystal Bay tìm hiểu đầu tư dự án Công viên trung tâm và khu đô thị Lam Hồng Garden Park City; Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vịnh Nha Trang đề xuất khảo sát, nghiên cứu dự án Khu đô thị Du lịch Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh; các nhà đầu tư Đài Loan nghiên cứu, khảo đầu tư Khu du lịch Thác Vũ Môn, huyện Hương Khê⁽⁵⁾.

Mặc dù đã có nhiều bước phát triển trong thời gian gần đây, nhưng nhìn chung, du lịch Hà Tĩnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, còn bộc lộ một số hạn chế nhất định: Công tác quản lý nhà nước từ tính đến cơ sở còn nhiều bất cập, chưa theo kịp xu hướng phát triển của du lịch trong nước, khu vực và quốc tế; các giải pháp để khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh, từng địa phương và xã hội hóa về hoạt động du lịch chưa cao; đội ngũ cán bộ quản lý và lao động trong ngành du lịch còn thiếu và yếu, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ; năng lực quản trị hạn chế; các cơ sở lưu trú du lịch đang sử dụng phần lớn lao động chưa đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử còn hạn chế; hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch tại các khu quy hoạch phát triển du lịch ven biển, du lịch rừng chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, thu hút đầu tư; chưa có nhiều khu, điểm du lịch vui chơi, mua sắm, các cơ sở lưu trú mang tầm quốc gia, quốc tế để phục vụ du khách; hoạt động thu hút đầu tư, cấp phép đầu tư trước đây tại các khu du lịch biển trọng điểm như Khu du lịch Xuân Thành, Khu du lịch Thiên Cầm... vẫn còn bộc lộ manh mún, nhỏ, lẻ, thiếu liên kết, chưa đáp ứng quy mô lớn tương xứng với tiềm năng của các khu du lịch này; một số dự án đã được cấp phép trước đó không triển khai đầu tư, tạm ngừng hoạt động, ảnh hưởng rất lớn đến việc thu hút, kêu gọi các dự án đầu tư có quy mô lớn, ý nghĩa chiến lược cho cả khu du lịch; năng lực cạnh tranh của sản phẩm du lịch Hà Tĩnh còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước và khu vực.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên chủ yếu là do một số cấp ủy, chính quyền, các ngành chưa thực sự xem du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp; cơ quan tham mưu thiếu chủ động, năng động, kịp thời; cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển du

lịch chưa phát huy được hiệu quả; công tác quảng bá, xúc tiến du lịch chưa có tính chiến lược tiếp cận các thị trường tiềm năng; việc quảng bá, xúc tiến du lịch thực hiện chưa thường xuyên, thiếu sáng tạo. Thêm vào đó Hà Tĩnh là vùng đất có vị trí địa lý và giao thông không thuận lợi so với một số tỉnh, nhưng không có sân bay, ga tàu làm hạn chế lợi thế cạnh tranh trong khu vực; xuất phát điểm về hoạt động du lịch còn thấp, đời sống của người dân còn nhiều khó khăn; nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, các yếu tố thời tiết bất lợi đã hạn chế đến phát triển du lịch, đặc biệt là đối với du lịch biển (một năm chỉ khai thác được từ 3 đến 4 tháng). Đây cũng chính là nguyên nhân làm cho hoạt động du lịch của địa phương mang tính thời vụ, hạn chế đến thời gian lưu trú, khả năng chi tiêu của khách, lãng phí nguồn nhân lực và cơ sở vật chất đầu tư cho du lịch.

Để đạt được mục tiêu phát triển du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX, thiết nghĩ thời gian tới, Hà Tĩnh cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội, các cấp, ngành về định hướng của Đảng, Nhà nước trong việc phát triển du lịch thành ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao và nội dung văn hóa sâu sắc, có khả năng đóng góp lớn vào phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực khác phát triển, đem lại hiệu quả nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, đối ngoại và an ninh, quốc phòng. Đồng thời tuyên truyền nâng cao của ý thức của người dân, doanh nghiệp, cộng đồng trong xây dựng, bảo vệ hình ảnh, môi trường, góp phần phát triển bền vững; không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu và sức hút của du lịch Hà Tĩnh.

Thứ hai, ưu tiên triển khai các giải pháp tăng cường thu hút đầu tư hạ tầng, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch nhằm từng bước tạo sự phát triển bền vững cho ngành kinh tế tổng hợp này.

Thu hút đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống giao thông đường bộ, cơ sở lưu trú, ẩm thực, dịch vụ cho các hoạt động văn hóa giải trí, mạng lưới cửa hàng. Chú trọng xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, kết nối các địa bàn, tạo động lực phát triển du lịch; kết nối hệ thống giao thông quốc gia vào các khu, điểm du lịch; phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông ven biển, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, vui chơi giải trí; quan tâm sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu giữ gìn và xây dựng môi trường sinh thái của địa phương xanh, sạch, trong lành, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của du khách khi đến tham quan, nghỉ dưỡng.

Từng bước đa dạng hóa các sản phẩm du lịch kết hợp nâng cao chất lượng các sản phẩm, khai thác sản phẩm thuộc các loại hình du lịch có thể mạnh đặc thù từ đó tạo ra những sản phẩm du lịch có chất lượng nhằm tăng sức hấp dẫn với du khách như: Tham quan các mô hình du lịch trải nghiệm nông thôn mới, làng nghề kết hợp với các hội nghị, hội thảo; du lịch vui chơi giải trí, tham quan các di tích văn hóa lịch sử, danh lam thắng cảnh...

Thứ ba, tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch cả về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch.

Đẩy mạnh mô hình liên kết đào tạo, đào tạo lại nghề du lịch giữa đơn vị kinh doanh du lịch với các trường đào tạo có chuyên ngành du lịch trong và ngoài tỉnh, coi trọng chất lượng đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ,

kỹ năng và nhất là ngoại ngữ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại các di tích, bảo tàng, điểm du lịch; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về du lịch, về thông tin xúc tiến du lịch ở tỉnh và cấp huyện đảm bảo chuyên nghiệp, hiệu quả. Bên cạnh đó cần tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng người dân địa phương tích cực tham gia hoạt động du lịch, xây dựng môi trường du lịch văn minh, an toàn, thân thiện, mến khách.

Thứ tư, đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển du lịch cả nội vùng và ngoại vùng trên cơ sở phát triển một số sản phẩm du lịch gắn với lợi thế của vùng như: Du lịch văn hóa, du lịch làng nghề, trải nghiệm tham quan các mô hình nông thôn mới tìm hiểu văn hóa địa phương nhằm tạo thành những sản phẩm du lịch vệ tinh góp phần lấp đầy các khoảng trống trên các tuyến đường di chuyển của du khách giữa các điểm du lịch trong tỉnh. Bên cạnh đó cần sớm xây dựng và định vị thương hiệu du lịch Hà Tĩnh, phấn đấu trở thành điểm đến hấp dẫn trong khu vực Bắc Trung Bộ để có thể tiếp cận và khai thác nguồn khách du lịch tiềm năng tại các thành phố lớn trong nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng... và nguồn khách quốc tế như Lào, Thái Lan, Trung Quốc, các nước thuộc khối ASEAN./.

Chú thích:

1, 3, 4, 5. Báo cáo số 117-BC/TU ngày 04/01/2022 sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về phát triển du lịch Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo

2. <http://dulichhatinh.com.vn/news/TIN-TUC-SU-KIEN/Ha-Tinh-don-1-6-trieu-luot-khach-trong-nam-2022-1216>

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THEO QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠI HỘI XIII Ở HÀ TĨNH

✧ ThS. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG
Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục bổ sung đường lối phát triển giáo dục và đào tạo trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Việc nghiên cứu, vận dụng những quan điểm của Đại hội XIII vào thực tiễn phát triển giáo dục và đào tạo ở Hà Tĩnh có ý nghĩa hết sức quan trọng để thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển mỗi quốc gia, dân tộc. Thực tiễn cho thấy, bất kỳ một quốc gia, dân tộc nào, muốn phát triển phải bắt nguồn từ nâng cao dân trí và trực tiếp nhất là nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định: “Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu”⁽¹⁾.

Qua hơn 35 năm đổi mới và phát triển, nền giáo dục nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục và đào tạo. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp

hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đưa ra các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và hệ thống các giải pháp để định hướng phát triển giáo dục trong thời kỳ mới. Đây là những định hướng lớn đang được tích cực tổ chức thực hiện nhằm tạo nên những bước chuyển căn bản, toàn diện trong giáo dục Việt Nam. Nhất quán những quan điểm trên, xuất phát từ bối cảnh quốc tế, trong nước, trên cơ sở kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người”⁽²⁾, hướng tới mục tiêu: “Phấn đấu đến năm 2030 nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”⁽³⁾. Đại hội XIII của Đảng cũng đã đưa ra một số quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục đào tạo, cụ thể:

Thứ nhất, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo “là quốc sách

hàng đầu, động lực then chốt để phát triển nhanh và bền vững đất nước”⁽⁴⁾. Để phát huy được vai trò đó, Đảng và Nhà nước cần xây dựng và từng bước hoàn thiện đồng bộ thể chế, chính sách phù hợp đối với phát triển giáo dục và đào tạo trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong đó lấy chất lượng, hiệu quả làm thước đo cho sự phát triển.

Thứ hai, chỉ rõ những nội dung trọng tâm cần đổi mới, phương pháp đổi mới để phát triển giáo dục và đào tạo trong tình hình mới. Đó là đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế.

Thứ ba, xác định được những nội dung quan trọng nhất, có tính chiến lược trong phát triển giáo dục và đào tạo trong những năm tới. Đó là giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đồng thời cũng phải hướng đến những nội dung mới, những giá trị mới, trong đó có năng lực sáng tạo, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, trách nhiệm xã hội của công dân.

Thứ tư, xác định cụ thể hơn những nội dung cơ bản và sự gắn kết trong nội dung, phương thức giáo dục và đào tạo, nhân mạnh tính toàn diện, đồng bộ, thiết thực,

trong đó coi trọng đúng mức nội dung gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam; khắc phục về cơ bản sự phiến diện trong giáo dục và đào tạo.

Để thực hiện được những quan điểm trên, Đảng ta đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm và những đột phá chiến lược về phát triển giáo dục và đào tạo. Hệ thống nhiệm vụ, giải pháp và các đột phá chiến lược được đề ra từ Đại hội XI, XII được Đại hội XIII tiếp tục bổ sung, cụ thể hóa để phù hợp với giai đoạn hiện nay.

Những quan điểm về phát triển giáo dục và đào tạo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là cơ sở quan trọng để xác định chủ trương, biện pháp thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo ở Việt Nam nói chung và phát triển giáo dục và đào tạo ở các địa phương, các loại hình đào tạo, các cấp bậc học nói riêng. Đối với Hà Tĩnh, việc nghiên cứu, vận dụng quan điểm về phát triển về giáo dục và đào tạo trong văn kiện Đại hội XIII là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhằm đánh giá thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo thời gian qua, xác định những định hướng chủ yếu nhằm vận dụng hiệu quả quan điểm của Đảng trong việc phát triển giáo dục và đào tạo ở tỉnh nhà trong giai đoạn hiện nay.

Hà Tĩnh là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống văn hóa, cách mạng. Trong các giai đoạn lịch sử, Hà Tĩnh luôn có người học hành đỗ đạt cao, được vinh danh với nhiều công hiến cho quê hương, đất nước. Nhiều làng quê có truyền thống khoa bảng như: Tiên Điền (Nghị Xuân), Trường Lưu (Can Lộc), Trung Lễ (Đức Thọ)... Nhận thức rõ vị trí, vai trò

của giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển, ngay sau khi tái lập tỉnh, Hà Tĩnh đã thực hiện quy hoạch sắp xếp lại mạng lưới trường lớp. Qua các nhiệm kỳ, Hà Tĩnh luôn quán triệt theo quan điểm của Đảng chú trọng đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, ban hành nhiều Nghị quyết về phát triển giáo dục, đào tạo và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Quan hơn 30 năm kể từ ngày tái lập tỉnh, hệ thống giáo dục và đào tạo Hà Tĩnh từng bước được củng cố, xây dựng và phát triển. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII nhiệm kỳ 2015 - 2020 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 khẳng định: “Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm”.

Hiện nay, Hà Tĩnh có 668 trường mầm non và phổ thông (Mầm non 255 trường (22 tư thục), Tiểu học có 221 trường (tư thục 01), Trung học cơ sở 147 trường, Trung học phổ thông 45 trường (06 trường ngoài công lập); có 01 trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh; 10 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cấp huyện; 61 trung tâm ngoại ngữ, tin học; 60 trung tâm tư vấn du học và 20 trung tâm giáo dục kỹ năng sống.

Thời gian vừa qua, mặc dù chịu ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19 nhưng hoạt động giáo dục và đào tạo của Tỉnh vẫn được duy trì và triển khai với tinh thần: “Linh hoạt, sáng tạo, đảm bảo an toàn, giữ vững chất lượng”. Hà Tĩnh là một trong 9 địa phương tổ chức dạy học trực tiếp và

đã hoàn thành tốt kế hoạch, chương trình giáo dục năm học 2021 - 2022⁽⁵⁾. Công tác quy hoạch trường lớp cơ bản được hoàn thiện thành theo lộ trình đề ra; chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn ngày càng được nâng lên, các hoạt động đổi mới trong dạy học luôn được quan tâm thực hiện như tinh thần Đại hội XIII của Đảng đã nêu. Chất lượng giáo dục toàn diện các cấp được giữ vững. Từ năm 1992, Hà Tĩnh đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ.

Đối với giáo dục mầm non, các nhà trường phát triển chương trình giáo dục theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. Từ năm 2013, Hà Tĩnh đã đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đến nay, “tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100%; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi trên ngày: 100%; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 99,99%.”⁽⁶⁾

Đối với giáo dục phổ thông, quán triệt quan điểm tại Đại hội XIII về tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đạo tạo theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện đáp ứng những yêu cầu mới, trong năm học 2021 - 2022, ngành giáo dục Hà Tĩnh tiếp tục triển khai chương trình sách giáo khoa 2018 áp dụng với khối lớp 1, lớp 2 và lớp 6, năm học 2022 - 2023 áp dụng thêm khối lớp 3, lớp 7 và lớp 10. Bộ sách giáo khoa mới đã từng bước lồng ghép được những nội dung về cả giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng, thể chất cho người học như quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII đã đưa ra. Ngoài ra, trong chương trình dạy học phổ thông mới còn có thêm Tài liệu giáo dục địa phương nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục, tinh thần yêu quê hương đất nước, truyền

thông, lịch sử dân tộc và ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa tốt đẹp của con người Hà Tĩnh. “Chất lượng giáo dục tiểu học được duy trì ổn định, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 98%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trung học phổ thông hàng năm đạt trên 98%, tỷ lệ học sinh vào đại học, cao đẳng trên 60%”.⁽⁷⁾ Tỷ lệ học sinh giỏi quốc gia của Hà Tĩnh nhiều năm liền thuộc nhóm đầu cả nước. Chất lượng giáo dục nghề nghiệp được nâng lên và thực hiện phân luồng học sinh, liên kết đào tạo nghề với các doanh nghiệp. Hiện nay, số lượng học sinh lựa chọn học nghề có xu hướng tăng đi cùng việc triển khai có hiệu quả mô hình thí điểm đào tạo học sinh vừa học trung học phổ thông vừa học trung cấp nghề từ năm 2014. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao được quan tâm đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển của tỉnh nhà.

Bước vào thời kỳ đổi mới và mở cửa hội nhập, nội dung giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên luôn được ngành giáo dục và đào tạo Hà Tĩnh chú trọng. Triển khai thực hiện Kế hoạch 509/KH-UBND ngày 16/12/2021 về việc triển khai chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh thiếu niên, nhi đồng Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2030. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tư vấn hỗ trợ tâm lý trong trường học của học sinh được tăng cường thông qua việc tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa, phát triển các câu lạc bộ. Theo chương trình đổi mới thì môn học giáo dục thể chất chính khóa, thể dục giữa giờ và kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quan tâm làm tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong trường học; các mô hình “Phiên tòa giả định”, “Phổ biến giáo dục pháp luật qua

các phân mềm trực tuyến”, tổ chức diễn đàn, câu lạc bộ, tuyên truyền măng non,... được nhân rộng.

Là một trong những tỉnh đi đầu về việc hưởng ứng và triển khai chủ trương xây dựng trường học đạt chuẩn, đến nay số trường học của Hà Tĩnh đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 80%. Trình độ đào tạo của giáo viên không ngừng được nâng cao hướng tới chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục; từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội XIII, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh khóa XIX, công tác xã hội hóa được triển khai tốt với nhiều cách làm sáng tạo, mở rộng nhiều loại hình đào tạo và huy động được nguồn lực lớn từ tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và phụ huynh học sinh để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, truyền thông về giáo dục và đào tạo ngày càng được quan tâm.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo của Hà Tĩnh vẫn còn thấp so với yêu cầu đặt ra của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Giáo dục toàn diện, đào tạo, dạy nghề vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; đội ngũ nhà giáo bất cập về số lượng, cơ cấu, bố trí không đồng đều giữa các địa phương, trường học, chưa đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ mầm non (chỉ mới đáp ứng dạy trẻ mẫu giáo). Thiếu nguồn tuyển giáo viên tiểu học và giáo viên các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; một số mô hình, nhất là mô hình trường học mới đưa

vào áp dụng chưa phù hợp và thiếu hiệu quả. Nhân lực chất lượng cao trên các lĩnh vực, nhất là kinh tế, khoa học, kỹ thuật còn thiếu; chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm; cơ sở vật chất trường học nhiều nơi xuống cấp chưa đủ đáp ứng yêu cầu thực hiện một số nhiệm vụ trong tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống; giáo dục thể chất cho học sinh. Việc đầu tư mua sắm thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa kịp thời; hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường vẫn còn hạn chế. Việc phân luồng, hướng nghiệp học sinh chưa đạt được kết quả như mục tiêu đề ra.

Trong thời gian tới, để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII về phát triển giáo dục và đào tạo, Hà Tĩnh cần quán triệt và thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp gắn với triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh. Rà soát lại hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục để tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo theo quan điểm của Đại hội XIII.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại và hội nhập. Để hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân như nhiệm vụ đặt ra tại Đại hội XIII, Hà Tĩnh

cần chú trọng hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, phát triển các trường ngoài công lập nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của Nhân dân; chuyển đổi, sắp xếp mô hình quản lý giáo dục ở các cấp học theo hướng xã hội hóa.

Thứ ba, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trong đó, phải xác định được những nội dung quan trọng nhất, có tính chiến lược trong phát triển giáo dục đào tạo ở tỉnh Hà Tĩnh trong những năm tới theo quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII; chú trọng công tác giáo dục truyền thống, pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; thực hiện tốt phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở, phổ thông công lập; đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá phát triển phẩm chất năng lực người học.

Thứ tư, để thực hiện thành công việc đổi mới và phát triển giáo dục thì công tác tuyển dụng, sắp xếp, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phải hợp lý. Cần xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; tham mưu bổ sung biên chế giáo viên các cấp học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục.

Thứ năm, từng bước khắc phục những khó khăn về cơ sở vật chất và trang thiết bị để hướng tới mục tiêu dạy học ngày càng hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác, đa dạng hóa các loại hình liên kết đào tạo, kể các chương trình đào tạo nghề chất lượng cao nhằm đáp ứng nguồn nhân lực đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động khu vực và quốc tế. Chú trọng thực hiện các chính sách

đào tạo lao động phục vụ các ngành kinh tế kỹ thuật, kinh tế số, lao động nông thôn, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và thị trường. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách thu hút nhân lực trình độ cao trong thời kỳ cách mạng 4.0.

Có thể thấy rằng, trong những năm vừa qua, giáo dục và đào tạo Hà Tĩnh đang phát triển trên nền một hiện trạng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Vì vậy, trong thời gian tới để khắc phục những tồn tại, hạn chế cần tiếp tục nỗ lực vươn lên, đổi mới và vận dụng có hiệu quả những quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII một cách sáng tạo và phù hợp. Cần có giải pháp mang tính toàn diện nhưng không thể không có những quyết sách mang tính đột phá, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm mới có thể đem lại những chuyển biến thực sự tích cực cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh nhà.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, trang 77;

2, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.136;

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung khóa XI, Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013.

5. 6. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh, Báo cáo số 1782/BC-SGDĐT“Tổng kết năm học 2021 - 2022 và triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023” ngày 31 tháng 8 năm 2022;

7. Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Ban Tuyên giáo, Hà Tĩnh 30 năm đổi mới và phát triển (1991 - 2021), 2021, tr95.

XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ...

(Tiếp theo trang 97)

cứu khoa học theo quy định của từng ngành. Thực hiện nghiêm việc lấy kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn là một trong những căn cứ xem xét tính kết quả thi đua, đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên hàng năm. Ban Giám hiệu, Đảng ủy, lãnh đạo các chi bộ, khoa, phòng cần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, giảng viên trong việc thực hiện đúng Quy chế nghiên cứu khoa học của Trường.

Sáu là, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả những cách làm hay, sáng tạo nêu trên, đồng thời, tìm tòi, nghiên cứu, khảo sát và tham vấn các chuyên gia, các học viện, các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo và các trường chính trị trong cả nước để điều chỉnh, bổ sung và tìm ra các giải pháp, cách làm mới đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Bảy là, xây dựng đội ngũ báo viên, giảng viên thỉnh giảng vững mạnh, thường xuyên trao đổi, tọa đàm, sinh hoạt chuyên môn để tạo sự giao lưu, gắn kết và học hỏi kinh nghiệm giữa đội ngũ giáo viên cơ hữu nhà trường với đội ngũ báo cáo viên, giảng viên thỉnh giảng cả về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

Đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn là hai nhiệm vụ trọng tâm góp phần tạo nên vị thế của Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh. Việc xây dựng và thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả hệ thống các giải pháp nêu trên sẽ giúp nhà trường sớm hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, góp phần để Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn Mức 1 vào năm 2025./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

✧ ThS. NGUYỄN ANH TẤN
Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp, pháp luật ghi nhận và đảm bảo thực hiện. Điều 30, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân”. Việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân đã góp phần tích cực vào hoạt động quản lý nhà nước và xã hội.

Năm 2022, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên, với sự lãnh đạo, chỉ đạo chủ động, linh hoạt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và cả hệ thống chính trị, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm túc, các hoạt động quản lý nhà nước được tăng cường. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tăng cường chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài; giải quyết dứt điểm các vụ việc ngay từ lúc mới phát sinh tại cơ sở, không để hình thành “điểm nóng”; làm tốt công tác đối thoại với Nhân dân. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện hiệu quả việc tiếp công dân, kịp thời giải quyết các vụ việc mới phát sinh, rà soát xử lý các vụ việc tồn đọng, hạn chế tối đa tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp; các đơn thư khiếu nại, tố cáo đã được các sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận, xử lý theo quy định; tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo, khiếu nại phản ánh trên địa bàn diễn ra bình thường, không có biến động lớn; số đơn thư có nội dung khiếu nại, tố cáo giảm so với cùng kỳ năm 2021, nhưng đơn

thư khiếu nại phản ánh có chiều hướng tăng hơn (so với cùng kỳ năm 2021 tăng 282 đơn (2.925/2.643) tương ứng tăng 10,7 %). Nội dung khiếu nại chủ yếu tập trung vào lĩnh vực đất đai (công tác bồi thường, tái định cư để giải phóng mặt bằng tại các công trình/dự án; việc đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số khiếu nại liên quan đến chế độ, chính sách, bồi thường hỗ trợ sau sự cố môi trường biển); nội dung tố cáo chủ yếu liên quan đến hành vi của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Thời gian qua các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh đã tổ chức triển khai phổ biến kịp thời các văn bản pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày càng được quan tâm hơn; nhận thức, trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân của người đứng đầu các cấp, các ngành và đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc có nhiều chuyên biến tích cực. Bên cạnh đó, nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động tiếp công dân tại các đơn vị, hàng năm, Thanh tra tỉnh tổ chức thực hiện công tác thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu

trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, qua đó đã kịp thời kiến nghị tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót trong công tác tiếp công dân.

Có thể thấy, kết quả công tác thi hành pháp luật tiếp công dân trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua đã góp phần khẳng định vai trò quan trọng và tính thực thi, hiệu quả của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiếp công dân trong thực tiễn đời sống xã hội, đóng góp một phần không nhỏ trong hoạt động quản lý Nhà nước về tiếp công dân. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như:

Thứ nhất, công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực vẫn còn những tồn tại, thiếu sót; còn xảy ra sai phạm, khuyết điểm trong thực thi công vụ dẫn đến phát sinh khiếu nại, tố cáo. Tính chất, nội dung một số vụ việc khiếu nại, tố cáo rất phức tạp, nhất là các vụ việc liên quan đến công tác quản lý đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng qua các thời kỳ chưa được giải quyết dứt điểm.

Thứ hai, công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số đơn vị, địa phương chưa được quan tâm đúng mức; vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa rõ nét, chưa chủ động trong nắm bắt tình hình, dự báo, xử lý kịp thời các vụ việc ngay từ khi mới phát sinh.

Thứ ba, việc phân loại, xử lý đơn thư tại một số địa phương, đơn vị chưa chính xác, chưa đúng với bản chất sự việc (nội dung đơn khiếu nại, tố cáo nhưng phân loại là khiếu nại phản ánh hoặc ngược lại) dẫn đến áp dụng quy trình giải quyết chưa đúng quy định pháp luật.

Thứ tư, công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nhất là về bản lĩnh nghề nghiệp cho

cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa được quan tâm đúng mức. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng của một số ngành, địa phương còn chậm, chất lượng còn hạn chế.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan như:

- *Về nguyên nhân chủ quan:*

Thứ nhất, công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, nhất là về đất đai còn nhiều sai sót, chậm được xử lý, đặc biệt là ở cấp xã; việc công khai, minh bạch trong quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, trong thực hiện quản lý, điều hành một số lĩnh vực còn chưa đầy đủ dẫn đến phát sinh nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo, khiếu nại phản ánh.

Thứ hai, việc tổ chức thực hiện một số văn bản chỉ đạo, quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận giải quyết tố cáo có lúc, có nơi chưa thực sự nghiêm túc.

Thứ ba, công tác tuyên truyền, giải thích về chính sách, pháp luật liên quan đến khiếu nại, tố cáo, quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo cho người dân tại một số địa phương chưa được thường xuyên, hiệu quả chưa cao.

Thứ tư, nhận thức pháp luật của một số cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo còn có hạn chế, nhất là trong việc xác định nội dung đơn, thẩm quyền xử lý, trình tự giải quyết... do đó đã có một số trường hợp chưa giải quyết đúng nội dung đơn thư của công dân, thời hạn giải quyết còn chậm.

- *Về nguyên nhân khách quan:*

Thứ nhất, hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, có những bất cập dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng khi xử lý, giải quyết các vụ việc; nhất là lĩnh vực đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, chính sách bồi

thường thiệt hại do sự cố môi trường biển... Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là hoạt động phức tạp, đòi hỏi vừa linh hoạt, mềm dẻo vừa đúng nguyên tắc, đúng quy định pháp luật, trong khi năng lực, trình độ và kỹ năng của một bộ phận cán bộ tiếp công dân còn yếu, dẫn đến việc giải thích, trả lời cho công dân còn gặp nhiều vướng mắc.

Thứ hai, một số cán bộ lãnh đạo chưa thực sự coi công tác tiếp công dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, góp phần ổn định chính trị, xã hội, phát huy quyền dân chủ của công dân.

Thứ ba, chưa có chế tài cụ thể để xử lý đối với các trường hợp khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết hết thẩm quyền nhưng vẫn cố tình khiếu nại, tố cáo. Một số vụ việc khiếu nại cơ quan hành chính các cấp đã giải quyết hết thẩm quyền, nhưng công dân không thực hiện việc khởi kiện ra Tòa án mà cố tình đeo bám từ khiếu nại chuyển sang tố cáo đến các cơ quan hành chính làm phức tạp tình hình. Nguyên nhân do việc triển khai cơ chế, chính sách đến các cơ sở chưa tốt; ý thức người dân chưa cao; có sự kích động của các nhóm phản động; việc tiếp công dân của người đứng đầu chưa đầy đủ; quy chế phối hợp không đồng bộ từ Trung ương đến địa phương; việc tiếp công dân ở một số nơi còn mang tính hình thức; chưa có sự chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong hoạt động tiếp công dân; chưa có sự phối hợp các cơ quan tiếp công dân thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Thứ tư, yêu cầu của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đặt ra vừa phải giải quyết đúng chính sách pháp luật vừa phải đảm bảo ổn định tình hình và có tính khả thi khi triển khai thực hiện, vì vậy một số vụ việc phức tạp, cần phải lựa chọn giữa các phương án xử lý đảm bảo thấu tình, đạt lý; một số vụ việc xảy ra đã lâu, có những nội dung phức tạp, gặp nhiều khó khăn, vướng mắc cần phải xin

ý kiến của nhiều cấp làm ảnh hưởng đến thời gian xử lý, giải quyết vụ việc.

Thứ năm, một số thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các biểu mẫu của phần mềm chế độ báo cáo chưa phù hợp với thực tế dẫn đến khó khăn trong quá trình nhập số liệu của một số đơn vị, số liệu không chính xác so với yêu cầu đề ra.

Thứ sáu, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến việc tổ chức tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo các cấp và công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, thực hiện thanh tra trách nhiệm về khiếu nại, tố cáo.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, thực hiện có hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Một là, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo Thanh tra tỉnh phối hợp tốt với Ban Tiếp công dân tỉnh và các sở, ngành liên quan để theo dõi sát diễn biến tình hình khiếu nại, tố cáo tại các địa phương; chủ động đôn đốc, chỉ đạo các địa phương, đơn vị giải quyết dứt điểm, kịp thời đối với các vụ việc mới phát sinh và các vụ việc tiềm ẩn phát sinh điểm nóng, không để công dân đi lại nhiều lần, gây bức xúc. Đối với các vụ việc có tính chất phức tạp, vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan Trung ương.

Hai là, tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thường xuyên tuyên truyền, tăng cường công tác đối thoại giải thích để nâng cao hiểu biết pháp luật giúp người dân thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ về khiếu nại, tố cáo.

Ba là, các cấp, ngành thường xuyên bám sát địa bàn, tập trung giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo phát sinh; chú trọng làm tốt công

tác hoà giải gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hạn chế việc khiếu nại, tố cáo trái quy định.

Bốn là, tăng cường công tác tư vấn, góp ý tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn khi giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương hướng về cơ sở để giải quyết các khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh.

Năm là, triển khai kịp thời các cuộc thanh tra trách nhiệm gắn với thanh tra công vụ để nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và cán bộ công chức trong thực thi nhiệm vụ, giảm tối đa các khiếu nại, tố cáo, phản ánh của Nhân dân.

Sáu là, thường xuyên tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, khiếu nại phản ánh, trong đó lưu ý làm tốt công tác đối thoại, hòa giải cơ sở, nhất là đối với những nơi tiềm ẩn phát sinh đơn thư trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư.

Bảy là, ban hành quy chế chung về việc phối hợp giữa các cơ quan trong trụ sở tiếp công dân; cần ban hành quy chế chung phối hợp tiếp công dân thống nhất từ Trung ương đến địa phương (hiện Cơ quan Tiếp công dân ban hành quy chế riêng nên rất khó khăn trong phối hợp tiếp công dân); quy định cụ thể tiêu chí chung và tiêu chí riêng về “cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo” để các Cơ quan Tiếp công dân có thể tự xây dựng cơ sở dữ liệu khiếu nại, tố cáo cho cơ quan mình./.

BẢN CHẤT VÀ TÍNH ƯU VIỆT...

(Tiếp theo trang 89)

hiện rất tinh vi, được che đậy bằng cái vỏ “vì dân chủ”, “vì dân, vì nước”. Tính nguy hiểm của thủ đoạn này là nội dung dễ gây nên sự ngộ nhận, mơ hồ, lẫn lộn về nhận thức, dao động về niềm tin trong một bộ phận cán bộ và nhân dân. Âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch là nhằm thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng ta đối với xã hội, xoá bỏ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, “lái” nền dân chủ nước ta sang nền dân chủ phi xã hội chủ nghĩa. Trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, một mặt chúng ta phải kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi mưu đồ của chúng; mặt khác phải ra sức xây dựng, củng cố, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên chặng đường 93 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, coi đó là mục tiêu và động lực của cách mạng. Đó cũng chính là bài học quý báu để Đảng ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, lãnh đạo Nhân dân ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ tiếp tục được giữ gìn, nâng cao và phát huy với sự quyết tâm và nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với xã hội là nguyên tắc bất di bất dịch của việc xây dựng và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay./.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 84 - 85

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr109. 96

3. Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Báo Nhân dân, ngày 17-5-2021, tr.2.

Hồng Lĩnh nhớ

Chậm vừa - Sáu lằng

Nhạc và lời: ĐÌNH QUỐC THỊ



Mênh mang chiều gọi nhớ quê hương. Dáng Mẹ thân thương bên vành nôi nhỏ. Bao tâm



trình từ trong câu hát, nhẹ nhàng đưa nôi, tiếng mẹ à ơi. Quê hương ơi một niềm yêu



dấu, núi Hồng, sông Lam muôn thuở chung tình. Tiên giáng trần để dấu chân trên đá, từ thuở hồng



hoang chim Hồng về đây. Nơi Voi trời dừng bước non cao, ngắm nhìn quê



hương bốn mùa xanh thắm. Nơi ông Đùng dờn non sấp núi. Ngàn đời ông, cha đã dựng nên



làng. Bao yêu thương gửi vào câu Ví, nhớ dòng sông trắng bên đọi bên chờ. Tiếng chuông



chùa vọng vào vách núi, trầm mặc hương bay vẫn vương lòng khách lạ trèo non.



Anh bên em về thăm phố mới, có ngàn thông xanh ru nhạc êm đêm. Mây giăng



màn vờn quanh dáng núi, đến đây rồi đẹp tựa bông lai. Bao ân



trình dệt nên nôi nhớ, Hồng Lĩnh yêu thương vờn cảnh bay xa./.



THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG 48 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2023)

Số 44
5/2023



*TS. Nguyễn Trọng Tư - TUV, Hiệu trưởng
tại lễ Bế giảng lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ không tập trung khóa 173 (năm học 2021-2023)*



*TS. Nguyễn Qung Ngọc - Phó Hiệu trưởng phát biểu
tại Lễ khai giảng Lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, hệ không tập trung khóa 111 (04/3/2023)*



Khoa Lý luận cơ sở tổ chức Hội thảo “Tích hợp bảo vệ nền tảng tư tưởng vào dạy các môn học Khoa lý luận cơ sở phụ trách”



Khoa Xây dựng Đảng tổ chức Hội thảo khoa học “Nghiên cứu vận dụng các nghị quyết Hội nghị TW6 (khóa XIII) vào công tác giảng dạy tại Khoa Xây dựng Đảng”.



Ban Chấp hành Công đoàn Trường Chính trị Trần Phú, nhiệm kỳ 2023 - 2028 (28/3/2023)



Giao lưu giải bóng đá chào mừng thành công Đại hội công đoàn lần thứ VI, nhiệm kỳ 2023 - 2028 (05/4/2023)